

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Kính mừng
Đại lễ
**Phật
Đản**

PL 2560 (2016)



Số Đặc biệt

Bảy
Đóa
Sen
Vàng
Nàng
Gót
Ngọc

Ba
Ngàn
Thế
Giới
Đón
Mư
Lai

Kính mừng

Đại Lễ Phật Đản

Happy Vesak Day PL. 2560

(Năm Dương lịch 2016)



truongkha.vn

MỸ NGHỆ TRẮM HƯƠNG TRƯỜNG KHA

168 - 172 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (08). 6299 75 65 - (08). 629 33 701 - Email: luckykhanguyen@yahoo.com

Website: www.truongkha.vn - Hotline: 0908 661 789





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
khiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Tình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngõ Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhpg@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Trích Thông điệp của Đức Pháp chủ GHPGVN	4
Trích Diễn văn Phật đản PL.2560 của HT. Chủ tịch HĐTS GHPGVN	5
Bài học nào cho mai sau? (Nguyễn Cảnh)	6
Bát cơm Hương Tích (Thích Nguyên Tạng)	10
Đạo Phật trong thế giới ngày nay (Nguyễn Thế Đăng)	12
Cửa bất tử rộng mở (Diệu Chánh)	14
Cảm nhận mùa Phật đản (Diệu Hương)	18
Ký ức đồng hiện và lịch sử đăng trí (Lê Hải Đăng)	20
Lời thật mất lòng (Trương Hoàng Minh)	22
Hai gánh phiền não (Vinh Thông)	24
Ai có thể thờ giùm ai? (Đỗ Hồng Ngọc)	26
Đạo đức kinh doanh qua "Kim cổ cách ngôn" (Tôn Thất Thọ)	29
Hiệu ứng placebo và nocebo (Nguyễn Hữu Đức)	32
Tưởng nhớ Huỳnh trưởng Nguyễn Như Danh	35
Cái còn để lại (Hoàng Tá Thích)	36
Hai mẫu chuyện, một ước nguyện (Cao Huy Tấn)	38
Phòng khám của người nghèo và tu sĩ tại Huế (Nguyễn Nguyên An)	39
Hàng chè tàu trước ngõ (Quyển Văn)	40
Láng giếng gần (Nguyễn Trọng Hoạt)	41
Thơ (Trần Quê Hương, Nguyễn Sĩ Cẩm, Nguyễn Thọ, Phạm Thị Thanh Vân)	44
Chuyện kể của người đánh cắp tượng Phật Thích-ca Mâu-ni (Vinh Nguyên)	46
Trẻ em và thức ăn chay (Cao Huy Hóa)	51
Trị liệu nhóm (Elena Pucillo Truong, Trương Văn Dân dịch)	54
Bìa 1: Kính mừng Khánh Đản.	

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả

Văn Hóa Phật Giáo 249 là số báo đặc biệt kính mừng Đại lễ Phật đản PL 2560, cùng với những người con Phật trên khắp thế giới, cùng chư đọc giả, ân nhân, thân hữu đón mừng ngày Khánh đản của Đức Từ phụ, Đấng Từ Bi và Trí Tuệ đã gieo ánh đạo vàng vì hạnh phúc, vì lợi lạc của chư Thiên và loài người.

Trong thời gian gần đây, tòa soạn thỉnh thoảng lại nhận được những lời thăm hỏi bày tỏ sự quan tâm của một số độc giả; muốn biết có phải VHPG đã đình bản; rằng tạp chí gặp khó khăn nào hay bị đình bản bởi có những sơ suất nào đó trong lúc tác nghiệp. Chúng tôi nghĩ rằng những vị đó từng là độc giả của VHPG từ lâu nhưng đã có thời gian không tiếp tục theo dõi hoạt động của tạp chí; hoặc chỉ nghe đồn đãi sai lạc. Do vậy, chúng tôi xin trả lời chung như sau: Cho đến nay, VHPG vẫn hoạt động bình thường, vẫn phát hành đều đặn đúng lịch trình, và vẫn thực hiện đúng chủ trương là "Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc" trên tinh thần luôn luôn tôn trọng luật pháp, đường lối, chủ trương của Nhà nước và của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chúng tôi đoán chừng, có thể do một ấn phẩm mang tên gọi gần giống với VHPG đã tự ý đình bản, và vì thế, đã có sự nhầm lẫn. Dù sao, chúng tôi cũng rất cảm ơn những người đã gọi điện thoại đến hỏi thăm.

Trong niềm vui ngày Phật đản, VHPG thành tâm nguyện cầu Đấng Từ phụ gia hộ thế giới hòa bình, chúng sanh an vui, đất nước thịnh đạt. Kính chúc toàn thể quý độc giả luôn đạt niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



Như Ta, bậc Thắng giả,
Những ai chứng lậu tận,
Ác pháp, Ta nhiếp phục,
Do vậy, Ta vô địch.

Kính Thánh cầu, *Trung Bộ*

Ảnh: Nguyễn Đình Niêm

Trích

Thông Niệp

**của ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
Gửi Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử nhân Đại lễ Phật đản
Phật lịch 2560, Dương lịch 2016**

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2016 (tức ngày 15 tháng 4 năm Bính Thân)

Nam-mô Bản sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Kính gửi: Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

...

Với tinh thần nhập thế, nhân Mùa Phật đản PL.2560 - DL.2016, Tôi đặc biệt mong muốn toàn thể Tăng Ni, Phật tử Việt Nam với tâm nguyện và trách nhiệm tri ân của những người con Phật, mỗi người bằng những hành động thiết thực nhất hãy bảo vệ môi trường bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu đang đe dọa đời sống của chính chúng ta. Thực hành lời dạy của Đức Phật trong kinh *A-hàm*, phẩm Kinh Lâm: "Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: Ta nương vào khu rừng này để ở, chưa có chính niệm sẽ được chính niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu hoặc chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn... Nay các Tỳ-kheo, phải bảo vệ môi trường tự nhiên trong sạch". Hãy cùng nhau làm cho môi trường xung quanh chúng ta xanh hơn, sạch hơn, và đẹp hơn!

Nguyện cầu ánh sáng từ bi, trí tuệ của Đức Phật Bản sư Thích-ca Mâu-ni soi sáng khắp muôn nơi trên Trái đất xua tan đi nỗi sợ hãi của khủng bố rình rập, của chiến tranh đe dọa, của thiên tai do biến đổi khí hậu tàn phá, làm cho thế giới hòa bình, chúng sinh được an lạc.

Kính chúc quý vị một mùa Phật đản trọn vẹn niềm hoan hỷ vô biên!

ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

(đã ký và đóng dấu)

TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ



Trích

DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN

PL.2560 - DL.2016

**của HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

Nam-mô Bản sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Kính bạch Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức, Tăng Ni!

Kính thưa Quý vị cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài!

Thưa quý liệt vị!

Chúng ta đang sống trong những ngày tháng 5 lịch sử, tháng mà hằng triệu Tăng Ni, tín đồ Phật giáo trên thế giới tung bừng kính mừng Đại lễ Vesak (Đại lễ Tam hợp), kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh tại vườn Lâm-tỳ-ni thuộc xứ Ấn Độ cổ đại, nay là Nepal cách đây 2.640 năm về trước. Thời khắc trăng tròn tỏ rạng, Đức Phật đản sinh là một sự kiện trọng đại, thiêng liêng, một sự kiện hy hữu của toàn nhân loại. Ngài là bậc Đạo sư Giác ngộ tỏa ánh sáng năng lượng xóa tan màn vô minh của xã hội phân hóa giai cấp, giàu nghèo và bất công mà căn nguyên bởi tại lòng tham, sân, si của con người. Vì giáo lý trong sáng và toàn bích của Ngài là suối nguồn từ bi, trí tuệ đưa con người đến một đời sống hướng thượng đầy tình yêu thương vô ngã, thấm nhuần hương vị giải thoát giác ngộ. Kinh *Nikaya* có ghi: "Một chúng sinh duy nhất, một con người phi thường xuất hiện trong thế gian này, vì lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc cho số đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Đó là Đấng Như Lai Chánh đẳng Chánh giác". Sự kiện Đức Phật đản sinh là bức thông điệp hòa bình, hạnh phúc thương yêu, mở ra con đường mà tự thân mỗi người phải vượt qua sự cám dỗ và chi phối của tham ái để tiến đến cảnh giới giác ngộ, đó chính là con đường tu tập Giới - Định - Tuệ hướng đến sự an lạc, giải thoát là lẽ đích thực và cứu cánh của cuộc sống và cuộc đời hướng thượng.

...

Kính chúc quý vị một mùa Phật đản vô lượng cát tường, thành tựu viên mãn các Phật sự cũng như thế sự trong hào quang gia hộ của chư Phật.

Nam-mô Bản sư Thích-ca Mâu-ni Phật tác đại chứng minh!

Chủ tịch Hội đồng Trị sự
Giáo hội Phật giáo Việt Nam

(đã ký)

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn





Bài học nào cho mai sau?

Học phí trả bằng máu

Xin mượn tạm tiêu đề một tác phẩm của nhà văn Nguyễn Khắc Phục viết cách đây gần 40 năm để nói đến một sự kiện hay sự cố đang gây chấn động trong quần chúng suốt cả mấy tuần qua.

Hiện tượng cá chết nổi trắng mặt sông kéo dài từ Hà Tĩnh đến Quảng Bình, thậm chí ảnh hưởng đến tận Lăng Cô (Huế). Diễn biến mới nhất tại vùng biển thuộc huyện Kỳ Anh, nơi nằm kế bên dự án nhà máy thép Hưng Nghĩa Formosa Hà Tĩnh, do Đài Loan làm chủ đầu tư. Nhiều ngư dân xã Bảo Ninh thuộc thành phố Đồng Hới và xã Hải Ninh thuộc huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, cho biết, cá vẫn còn chết và tiếp tục trôi dạt vào bờ. Tại vùng biển Vũng Áng, hiện tượng cá chết vẫn chưa chấm dứt, người dân vẫn chưa dám đánh bắt.

Vẫn chưa có đánh giá nào về nguyên nhân cá chết, cũng chưa có đánh giá những thiệt hại về số lượng hải sản bị chết, và nghiêm trọng hơn, tổn hại về mặt môi trường và cả du lịch, khi rất nhiều khách du lịch hủy tour vào dịp lễ 30 tháng 4 vừa qua.

Nhận định bước đầu, Giáo sư Nguyễn Mại, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nguyên

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bản khoản "Một khi cá chết, sinh vật biển bị hủy diệt thì kinh tế biển của Việt Nam sẽ chỉ đơn độc một ngành công nghiệp mà thế giới đã dư thừa và công nghệ dùng từ thế kỷ trước".

Chúng ta biết rằng tuần trước, lần đầu tiên các quốc gia sản xuất thép hàng đầu thế giới ngồi lại với nhau để thảo luận về thực trạng dư cung trên thị trường. Hiện tượng dư cung diễn ra chủ yếu từ Trung Quốc - nơi sản xuất một nửa lượng thép thế giới - khiến thị trường thế giới đang "bội thực" thép từ quốc gia này. Trong khi cả thế giới đang dư cung, câu hỏi của Phó phòng Đối ngoại Formosa, Chu Xuân Phàm, đặt ra "Các anh phải chọn cá tôm hay nhà máy thép?" bỗng dưng nghe cay đắng lạ thường!

"Không nước nào có kiểu đánh đổi như Formosa nghĩ, dù chỉ trong suy nghĩ, lời nói, chứ chưa đến hành động. Đó là sự lựa chọn cho một nước nhược tiểu, hy sinh tài nguyên đổi lấy tăng trưởng. Chúng ta không thiếu các dự án thép", GS.Mại nói. Trong chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam, đến năm 2020 kinh tế biển phải chiếm 50 - 55% GDP. Có nghĩa là tổng cộng thu nhập từ du lịch biển, đánh bắt, nuôi trồng và khai thác, vận tải biển... sẽ



NGUYỄN CÂN

chiếm phần nửa tổng thu nhập quốc nội của Việt Nam. Vậy nếu cá cứ chết thì lấy đâu ra kinh tế biển và tăng trưởng cho Việt Nam? Cũng bình luận về câu nói này, Giáo sư-Tiến sĩ Khoa học Nguyễn Quang Thái, Tổng Thư ký Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam, cho biết: *“Chúng ta không thể trả giá tương lai chỉ bằng một cái nhà máy, một dự án. Đất nước này không bao giờ đánh đổi FDI để lấy bất cứ một cái gì, nếu không phải vì lợi ích đất nước. Người dân không bao giờ chấp nhận đánh đổi bất cứ điều gì”*.

Về khu công nghiệp Formosa, nhiều chuyên gia cho biết công nghệ làm sắt thép theo lối cũ, bao giờ cũng gắn với ô nhiễm môi trường. Riêng với Formosa, ban đầu đơn vị này muốn làm dự án công suất 20 triệu tấn/năm (tương đương 20 tỷ USD). Tuy nhiên, các cơ quan quản lý và giới chuyên gia khuyến cáo Hà Tĩnh cho họ thực hiện giai đoạn một chỉ 10 tỷ USD. Nếu làm tốt, sẽ cho họ làm giai đoạn hai. Chúng ta chột nhớ lại vụ Vedan đã đầu độc con sông Thị Vải phải trả giá như thế nào khi người dân tẩy chay bột ngọt của họ, sau đó Vedan bắt buộc phải đền bù.

Người dân khắp nơi đã lên tiếng khẳng định lựa chọn của mình: Cần biển sạch môi trường trong và cả

tôm chứ không cần thép. Chúng ta biết trong quá trình sản xuất, chất thải khai thác (Wr), chế biến (Wp) và tiêu dùng (Wc) là không thể tránh khỏi, bởi thực tế chưa có công nghệ chế biến nào đạt hiệu suất sử dụng nguyên liệu lên tới 100%. Và khi WrWpWc vượt quá ngưỡng cho phép, người dân sẽ nhìn nhà máy như một con quái vật, nó biến cảnh quan thiên nhiên thành cỏ dại, làm cho cây xanh cổ thụ phải chết khô hay ngã xuống, biến các con sông thành màu đen, làm cho bầu trời ngột ngạt và bụi bẩn hóa chất.

Bởi vậy mà lịch sử phát triển mỗi quốc gia đã phải có sự lựa chọn “phát triển hay môi trường”.

Những người hoạch định chính sách, người lãnh đạo, người làm kinh tế hoặc môi trường, thì không thể không biết đến thuật ngữ *“Ô nhiễm do Đói nghèo - Pollution of Poverty”*, mô tả tình thế những quốc gia đang phát triển, do sốt ruột về tình trạng đói nghèo nên nảy sinh khuynh hướng phát triển kinh tế bằng mọi giá, chấp nhận hy sinh môi trường. Ví như Trung Quốc, kinh tế phát triển, nhưng môi trường lại bị suy thoái, là cơ sở cho phát triển kinh tế dần thu hẹp, là nguyên nhân rơi trở lại cái vòng luẩn quẩn, gây nên cảnh *“ô nhiễm do đói nghèo”*. Ngược lại, thuật ngữ *“Ô nhiễm do Giàu có - Pollution of Affluence”* xuất hiện ở một số quốc gia phát triển, nơi chủ trương “tăng trưởng bằng không hoặc âm”.

Về lý thuyết “tạm ngưng phát triển” để bảo vệ môi trường, thực tế là không tưởng, bởi quốc gia đó sẽ phải tìm cách khai thác môi trường ở những quốc gia nghèo khác để phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp, đây là căn nguyên gây ra hiện tượng “ô nhiễm do giàu có”. Và chúng ta trở thành nạn nhân của họ. Hãy nhớ công nghệ xi-măng lò đứng đã gây khổ đốn chúng ta bao năm qua và nhiều thứ công nghệ “rác rưởi” của họ đang du nhập vô tội vạ vào Việt Nam. Chúng ta đang phải trả học phí bằng mồ hôi nước mắt và hơn nữa là cả bằng máu của đồng bào mình.

Chúng ta không thể để dân đói nghèo, lại càng không chấp nhận phát triển kinh tế mà gây ra ô nhiễm môi trường, chống lại thiên nhiên. Trong những ngày nắng hạn này, người ta khóc không chỉ cho Kỳ Anh mà còn cho cả dòng sông Mêkông, hay nhiều dòng sông khác đang khô cạn cùng những thảm rừng xanh đã biến mất vì “nhân tai”.

Chúng ta đã làm gì?

Liên quan đến hiện tượng hải sản chết bất thường tại các tỉnh ven biển từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên-Huế, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã giao Ủy ban Nhân dân các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, rà soát, thống kê các hộ nuôi trồng, khai thác thủy-hải sản, bị thiệt hại và mức độ thiệt hại, có đề xuất biện pháp hỗ trợ cho bà con ngư dân sớm ổn định cuộc sống; không được để dân thiếu đói do

phải ngừng đánh bắt hải sản. Công văn hỏa tốc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết nguyên nhân khiến cá chết bất thường từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên-Huế được cho là do độc tố sinh học cực mạnh(?). Trong khi đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng vừa đưa ra cảnh báo, với tình hình nắng nóng trong thời gian và nguy cơ giảm lượng ô-xy trong nước sâu, có khả năng tiếp tục gây ra hiện tượng cá chết hàng loạt.

Thế nhưng chúng ta đã hành động quá chậm và đến nay cả tháng sau khi sự cố xảy ra, *vẫn chưa kết luận được nguyên nhân, nói chi đến biện pháp khắc phục.*

Người dân cứ mỗi mòn chờ trong khi các quan chức có trách nhiệm vẫn chưa khẩn trương hành động khiến mọi người không khỏi băn khoăn về “lương tâm chức nghiệp”. Chúng ta nhớ những sự kiện tương tự ở các quốc gia khác như sự cố Transocean, chủ sở hữu giàn khoan Deepwater Horizon trong việc xảy ra vụ nổ ngày 20-4-2010 khiến 11 người chết và gây thảm họa tràn dầu trên biển tồi tệ nhất lịch sử nước Mỹ. Sự việc xảy ra khi một giàn khoan dầu ngoài khơi của Tập đoàn BP phát nổ trên vịnh Mexico, làm tràn 4,9 triệu thùng dầu ra các vùng nước xung quanh. Ngay sau khi sự cố xảy ra, đích thân Tổng thống Obama và toàn thể đội ngũ cộng sự của ông có mặt tại hiện trường và ngay lập tức nhiều nhà khoa học, cùng với người dân, ai làm việc nấy, nghiên cứu biện pháp khắc phục hậu quả, sau đó từng đoàn thiện nguyện viên xắn tay áo làm sạch bờ biển. Chưa hết, theo phán quyết do Bộ Tư pháp Mỹ công bố ngày 5-10, Tập đoàn BP chấp nhận nộp phạt 20,8 tỉ USD cho các thiệt hại. Trước đó hồi tháng Bảy, mức phạt đầu tiên được đưa ra giữa Tập đoàn BP và chính phủ liên bang là 18,7 tỉ USD. Tuy nhiên, phán quyết cuối cùng ngày 5-10 đã tăng lên 20,8 tỉ USD. Theo Bộ trưởng Tư pháp Mỹ Loretta Lynch, đây được xem là “mức phạt lớn nhất với một đơn vị trong lịch sử nước Mỹ”. Ngoài ra, Tập đoàn BP còn phải thanh toán 5,5 tỉ USD cho các hình phạt liên quan tới Đạo luật Nước sạch (Clean Water Act) của liên bang. Năm bang bị ảnh hưởng trong sự cố tràn dầu là Alabama, Florida, Louisiana, Mississippi và Texas cũng sẽ nhận được một khoản tiền lớn để trang trải cho các thiệt hại liên quan. Ngoài các khoản nộp phạt, BP cũng mất 28 tỉ USD cho công tác dọn dẹp và đền bù sau sự cố tràn dầu.

Khôi phục lòng tin hay khôi phục môi trường

Khi được Tử Cống hỏi chuyện chính trị cần được quản lý như thế nào, Khổng Tử nói: *“Lương thực dồi dào, binh lực hùng mạnh, được dân tin tưởng”*. Tử Cống hỏi thêm: *“Nếu như bất đắc dĩ phải bỏ đi một trong ba thứ này, bỏ thứ nào trước?”*. Khổng Tử nói *“Bỏ đi quân đội”*. Tử Cống lại hỏi *“Nếu bất đắc dĩ phải bỏ đi một nửa, trong hai thứ còn lại, phải bỏ đi thứ nào?”*. Khổng tử trả lời, *“Bỏ lương thực. Xưa nay những người không được tin tưởng, dân chúng không tôn phò”*.

Chúng ta thấy lòng tin của dân phải được đặt lên hàng đầu, dân có tin thì chính quyền mới ngồi vững trên ngôi cao. Sau đó mới đem lại lương thực dồi dào, binh lực hùng mạnh. Tóm lại, phải giúp dân no ấm mới làm dân tin.

Chúng ta phải gấp rút khôi phục lại lòng tin của dân chúng vốn đang hoang mang không biết sẽ sống thế nào những ngày sắp tới và cũng là bài học cho những nơi khác đang muốn phát triển kinh tế bằng mọi giá. Và chẳng, các quan chức Việt Nam thừa sức bắt Formosa phải thực hiện theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010, được thể hiện rõ tại Cương lĩnh chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX:

“Phát triển nhanh, bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hòa giữa môi trường nhân tạo và môi trường thiên nhiên, giữ gìn sự đa dạng sinh học”.

Trải thảm thu hút đầu tư, nhưng vấn đề môi trường đã không được quan tâm đúng mức, thậm chí có lúc còn thiếu chặt chẽ trong lựa chọn công nghệ, thiết bị máy móc. Nếu được về kinh tế mà phải trả giá về môi trường thì dứt khoát cự tuyệt. Trong những tổn hại có cả mất mát hiện tại và cả trong tương lai, thậm chí có cả những tác hại ảnh hưởng đến văn hóa xã hội, đến cả thế hệ sau.

Bài học về hy sinh rừng làm thủy điện, hy sinh đất ruộng làm sân golf để rồi sau đó người dân sống khổ, cuối cùng Nhà nước phải hỗ trợ, như vậy lợi bất cập hại. Vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường phải được quan tâm đúng mức. Đến đây chúng ta thấy, ngày xưa khi Phật dạy đệ tử biết tôn trọng yêu quý thiên nhiên từ cánh rừng đến con suối, biết sống hài hòa trong thế tương tức tương sinh, là bài học ngàn đời mà không ai được lơ là.

Phải ý thức lý Duyên khởi

Duy biểu học của Thiền sư Nhất Hạnh nêu rõ, “Tương tức và tương nhập là hai ý niệm của *Hoa Nghiêm*. Tương tức nghĩa là cái này là cái kia (inter-are), tương nhập nghĩa là cái này đi vào cái kia (inter-penetration). Trong nhận thức tương tức, tương nhập thì đám mây nằm trong bông hoa và bông hoa nằm trong đám mây... trong thế giới của phân biệt thì... sự vật ở ngoài nhau, như bình trà ở ngoài cành cây... Trong thế giới của quán chiếu, thì nhìn bình trà chúng ta thấy có đất, có nước, có lửa, có không gian, có thời gian, và... không có hiện tượng nào trong vũ trụ mà không có mặt trong bình trà” và “Cái một chứa đựng cái nhiều và cái nhiều chứa đựng cái một. Bình hoa cũng là bông hoa, bởi vì không có bông hoa thì cũng không có bình hoa. Đó gọi là tương tức. Cái một do cái tất cả mà có, cái tất cả do cái một mà có”. Đây cũng là ý nghĩa của giáo lý Duyên khởi: *“Cái này có mặt thì cái kia có mặt. Cái này*



không có mặt thì cái kia không có mặt. Cái này sinh thì cái kia sinh. Cái này diệt thì cái kia diệt”.

Tu tập mở rộng, hành giả thấy khi tác động vào những gì ngoài ta, ta cũng tác động vào ta; nói khác, làm hại bất kỳ một sự vật nào ngoài ta là làm hại chính mình. Quán chiếu sâu, hành giả vượt thoát ý niệm, tiếp xúc với sự thật tuyệt đối, với chân như, thấy biết đau khổ của người khác là đau khổ của chính mình; xoa dịu đau khổ cho người khác là tích cực xoa dịu đau khổ cho mình. Vượt qua khổ đau, hành giả tiếp xúc với những gì mẫu nhiệm. Hòa hợp và tương tức là hai mặt của một vấn đề. Có hòa hợp là để thực hiện tương tức; quán chiếu tương tức thì thấy phải củng cố hòa hợp.

Hòa hợp là phẩm chất thiết yếu của đời sống cộng đồng và quán chiếu tương tức là chất xúc tác để duy trì phẩm chất ấy. Điều này cần áp dụng trong đời sống cộng đồng hiện tại để giảm bớt tranh chấp xung đột vẫn làm cuộc sống loài người mất ổn định, gây đau khổ và đe dọa sự tồn tại của giống loài.

Thế giới ngày nay đầy dẫy tranh chấp và xung đột vì người và người quá nhiều khác biệt mà ai cũng tham ái chấp thủ. Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy “... vì không hiểu rõ quy luật Duyên khởi nên thế giới này trở thành rối loạn như ổ kén tàn tạ, rối bời như cỏ chỉ, không thoát khỏi số phận bất hạnh và khổ đau” (Kinh Trường Bộ).

Do không thấy các pháp hay huyễn tượng là duyên sinh nên con người rơi vào tham ái và cuối cùng bị khổ đau do chính hành vi tham lam của mình. Tương hệ giữa con người và thế giới được Phật ví như hai bó lau dựa vào nhau để cùng tồn tại, nếu bó này ngã thì bó kia cũng sẽ rơi ngã và ngược lại. Con người phải chấp nhận duyên khởi như một nguyên lý của sự sống, hoặc như

Aurelio Peccei đã đề nghị: “Một đạo đức mới về cuộc sống căn cứ sự thừa nhận rằng bất cứ tổn hại nào chúng ta gây ra cho hệ thống chống đỡ sự sống trên hành tinh đều quay lại rơi xuống đầu của chúng ta” (Before it is too late).

Con người có thể thoát khỏi khổ đau cơ bản cho mình và cho người khác do lòng tham gây ra nếu biết nghĩ đến người khác và hướng cuộc đời mình đến mục tiêu cao thượng hơn. Những việc mà Formosa làm chỉ thỏa mãn lòng tham của riêng họ khi toan tính giảm bớt chi phí xử lý môi trường nhưng gây bao tổn hại cho người khác. Niềm vui mà họ có chỉ nằm trong số những ô uế lạc (milhasukha), phàm phu lạc (puthujjanasukha). Họ không hiểu việc mình làm trong mối quan hệ tương tức tương sinh với bao nhiêu người dân xung quanh sống nhờ vào môi trường biển. Họ đầu độc môi trường và hủy hoại nguồn mưu sinh của cộng đồng quanh mình với lời thách thức chọn “nhà máy hay tôm cá”. Câu hỏi mang đầy tính khiêu khích, bộc lộ dục vọng ấy giống lên tiếng chuông đánh vào lương tri những người dân lương thiện đã và đang sống bao lâu nay bằng nguồn lợi biển. Họ không chấp nhận sự hy sinh điên rồ ấy và chính quyền phải đảm bảo không thỏa hiệp theo cuồng vọng của những kẻ làm kinh tế bất chấp nhân tình và thủ đoạn vì chúng ta không chấp nhận giàu có mà sống trong môi trường ô nhiễm, lại càng không có lý do gì để chấp nhận vẫn nghèo khó và môi trường tổn hại vì ô nhiễm.

Nói như John Donne trong bài thơ “No man is an island” mà Ernest Hemingway lấy làm tựa cho tác phẩm nổi tiếng của mình *For Whom the Bell Tolls*: “Cái chết của bất kỳ ai cũng làm tôi suy giảm vì tôi là một phần của nhân loại. Vậy nên đừng hỏi rằng chuông nguyện hồn ai, chuông nguyện hồn bạn đó!”. ■

Bát Cơm Hông Tích

THÍCH NGUYỄN TẠNG

Cách đây ba năm, ban trai soạn trường hạ Minh Quang (Sydney, Úc châu) cúng dường cơm nước cho khóa An cư một cách tươm tất và trang nghiêm, ngay trong bữa cúng quá đường đầu tiên đã khiến cho tôi nhớ đến mùi thơm của bát cơm Hương Tích thuở nào.

Cùng với trắng Lãng-già, thuyền Bát-nhã, trà Tào Khê..., cơm Hương Tích là những thuật ngữ trong cửa chùa mà ai ai cũng đã hơn một lần nghe qua. Vậy cơm Hương Tích là loại cơm như thế nào?

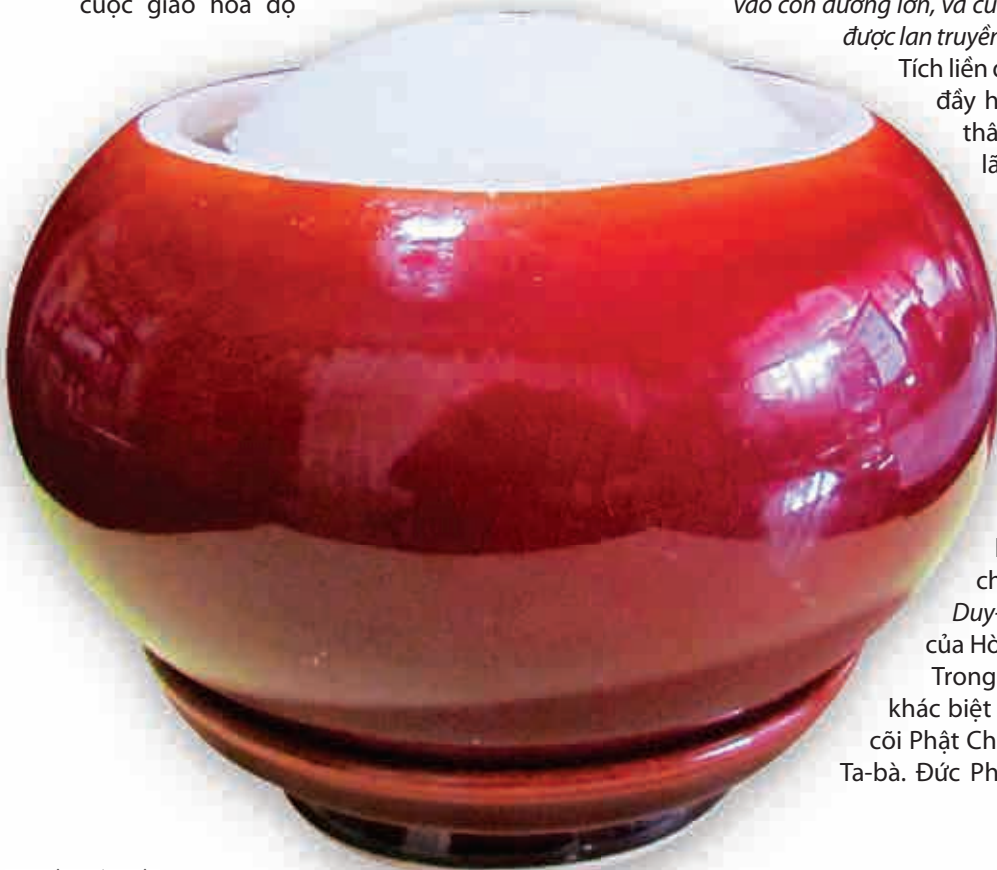
Cơm Hương Tích, vốn là cơm lưu phạn từ cõi nước Chúng Hương cách thế giới loài người chúng ta đến tận bốn mươi hai ức hằng hà quốc độ. Chuyện kể rằng: Một hôm nọ, đến thăm bệnh Cư sĩ Duy-ma-cật ở thành Tỳ-xá-ly, gần giờ Ngọ trai, Tôn giả Xá-lợi-phất đã thắc mắc và khởi niệm "sắp đến giờ ăn, chưa biết các Bồ-tát sẽ thọ thực ở đâu?". Ngài Duy-ma-cật (vốn là một vị Đại Bồ-tát ở cõi giới Diệu Hỷ của Phật Bất Động (Aksobhya), thị hiện xuống thành Tỳ-xá-ly, cách Bồ-đề Đạo tràng khoảng 253 cây số về hướng Bắc, để hỗ trợ cho Đức Phật Thích-ca trong công cuộc giáo hóa độ

sinh) với thần thông diệu dụng biết tâm niệm đó nên nói rằng: "hãy đợi giây lát, tôi sẽ đãi cho Ngài được bữa ăn chưa từng có". Nói xong, Bồ-tát Duy-ma-cật liền vào chánh định, dùng thần thông thị hiện cho đại chúng nhìn thấy cõi Phật Hương Tích. Mùi hương ở cõi nước đó vượt hơn mùi hương của trời người và các cõi Phật trong mười phương thế giới. Mọi sự, mọi vật trong cõi đó đều dùng hương thơm tạo thành. Từ đất đai, kinh thành, lầu các, cỏ cây hoa lá... đi ấy tỏa ngát khắp mười phương thế giới. Lúc ấy, Phật Hương Tích cùng các Bồ-tát đang ngồi thọ trai, có các Thiên tử cùng một danh hiệu gọi là Hương Nghiêm, đều đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, cúng dường Phật và các Bồ-tát.

Hóa thân của ngài Duy-ma-cật đã đến đánh lễ Phật và thỉnh cơm lưu phạn về cúng dường cho chư vị ở thế giới này. Hóa thân Bồ-tát bay đến cõi nước Chúng Hương và bạch Phật rằng: "Duy-ma-cật xin đánh lễ Đức Thế Tôn và cung kính có lời hỏi thăm sức khỏe Thế Tôn, có được ít bệnh, ít nã, an ổn không? Chúng con mong được xin chút cơm lưu phạn của Thế Tôn, đem về cõi giới Ta-bà để làm Phật sự. Để giúp cho những ai thích pháp nhỏ được phát tâm đi vào con đường lớn, và cũng để cho danh hiệu của Ngài được lan truyền cùng khắp". Đức Phật Hương

Tích liền dùng bát Chúng Hương đựng đầy hương phạn rồi trao cho hóa thân Bồ-tát. Hóa thân Bồ-tát thọ lãnh bát cơm xong, cùng với chín triệu Bồ-tát cõi Chúng Hương bay về cõi giới Ta-bà. Trong chốc lát đã đến nhà Duy-ma-cật. Hóa thân Bồ-tát đưa bát cơm hương phạn cho Duy-ma-cật. Mùi thơm của cơm tỏa khắp thành Tỳ-xá-ly và Đại thiên thế giới. Dân chúng trong thành ngửi được mùi hương, thân tâm an lạc, khoan khoái và tán thán việc chưa từng có (lược theo *Kinh Duy-ma-cật sở thuyết*, bản dịch của Hòa thượng Duy Lực).

Trong kinh này còn so sánh sự khác biệt về phương pháp giáo hóa ở cõi Phật Chúng Hương khác với cõi giới Ta-bà. Đức Phật Hương Tích không dùng



ngôn ngữ văn tự mà chỉ dùng phương pháp “*Hương trần*” để giáo hóa chúng sanh; tức là chúng sanh nơi đó khi ngửi được mùi thơm huyền diệu lập tức quay về chơn tâm, nhẹ nhàng, an lạc và giác ngộ. Ngược lại thế giới Ta-bà, chúng sanh càng càng khó độ, Đức Phật Thích-ca phải dùng phương pháp đối trị tất đàn để dạy bảo, để cảnh báo họ, Ngài tùy theo căn cơ, trình độ để lựa chọn phương pháp giáo hóa. Đối với hàng Bồ-tát, Ngài giảng pháp tu Lục Độ Vạn Hạnh, hàng Duyên giác tu Mười Hai Nhân Duyên, hàng Thanh văn giảng về pháp Tứ Đế, muốn tái sinh về các cõi trời phải tu 10 Thiện Nghiệp, muốn trở lại cõi người phải giữ Ngũ giới... Đối với hạng hạ căn độn trí, Ngài phải nói về nhân quả nghiệp báo, mang niềm vui cho người, mình sẽ được an lạc; gây đau khổ cho người, mình sẽ chịu bất hạnh, đặc biệt Ngài cảnh báo trước viễn cảnh đắng cay của những nghiệp ác do chính mình gây ra như người ưa sát hại loài vật sẽ bị quả báo chết yểu; nếu người hay ăn trộm sẽ bị quả báo nghèo khổ túng thiếu; nếu người mắc nợ mà cố ý không trả sẽ bị đọa xuống làm loài cầm thú phải mang lông, đội sừng để trả nợ; nếu người hay nóng giận sẽ bị quả báo với khuôn mặt xấu xí... tất cả đều là phương tiện giáo hóa, nhưng cách giáo hóa ở thế giới Ta-bà này phải sử dụng loại ngôn ngữ nặng nề hơn so với cõi nước Chúng Hương kia.

Trong câu chuyện còn mô tả loại cơm thơm này đã được xông ướp bằng “*hương Đại bi*” của Đức Như Lai, nên có thể cung cấp cho vô số người, ăn hoài, ăn mãi mà không bao giờ sợ hết; rõ ràng cơm thơm Hương Tích là nguồn thực phẩm vô tận của Phật ban tặng, có thể giúp cứu đói cho chúng sanh trong cõi giới luân hồi sinh tử này. Đặc biệt ai ăn được loại cơm thơm này vào rồi, thân tâm sẽ cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái, an lạc và tỏa hương thơm ngát.

Phải nói rằng, bát cơm Hương Tích này quá đẹp, một nét đẹp lung linh và kỳ tuyệt, nếu ai có đủ phước duyên sẽ có thể hưởng dụng được dễ dàng. Vì nói theo ngôn ngữ của Đại thừa, thì *Hương* là mùi thơm, *Tích* là tích tụ. Hương Tích có nghĩa là tích tụ công đức tu hành từ hạnh đại Từ bi. *Hương Đại Bi* là loại hương thơm phát xuất từ tình yêu không có điều kiện đi kèm. Theo thói thường, bất cứ loại tình yêu nào trên thế gian này đều có những điều kiện vô hình kèm theo, nếu những điều kiện ấy không đáp ứng, lập tức loại tình yêu này sẽ biến mất mà thay thế bằng những dằn vặt, thù hận và khổ đau. Do đó, tình yêu có điều kiện là chấp ngã, mà chấp ngã là đau khổ, là vô minh, là luân hồi sinh tử, ngược lại tình yêu không có điều kiện là vô ngã, là đại bi tâm, mà vô ngã và đại bi tâm là thể tánh của Niết-bàn. Đây là điểm đến cuối cùng trong giáo lý của Phật Thích-ca truyền dạy trong suốt cuộc đời của Ngài, trong khi ở cõi nước Chúng Hương, lời dạy này đã trở thành chuyện bình thường như ăn cơm, uống nước. Thứ tình yêu không có điều kiện đó đã trở thành hương thơm



bay vào trong không khí mà ai đó hít vào cũng cảm thấy an lạc và giải thoát. Đó là một loại hương thơm nội tâm định tĩnh, hương thơm của trí tuệ giải thoát.

Với ý nghĩa đó, cơm thơm Hương Tích ở đây không còn là thực phẩm vật chất thô thiển mà chính là pháp hỷ thực và thiền duyệt thực, là món ăn, là dưỡng chất cho tâm linh để hành giả duy trì mạng mạch, nuôi lớn Bồ-đề tâm và Đại Bi tâm. Một khi hương thơm của cơm ấy đã thấm đậm vào thân và tâm rồi thì duy trì mãi mãi, không bao giờ mất, từ đó tỏa ngát hương thơm trên lời nói, trên hành động và trên ý nghĩ, người đó xuất hiện ở đâu thì hương thơm an lạc đều tỏa ngát ở nơi đó. Kinh *Pháp Cú* đã đề cập đến ý này: *Hương các loài hoa thơm, không ngược bay chiều gió. Nhưng hương người đức hạnh, ngược gió khắp tung bay.* Và người xưa cũng từng phán quyết rằng: *“Quế hương bất viễn thư hương viễn, thể vị vô như Đạo vị trường”*; có nghĩa là hương thơm của cây quế không bay xa bằng mùi thơm của kinh sách, vị ngọt của thế gian không bền vững lâu dài bằng vị ngọt của Đạo. Rõ ràng, hương thơm của bất cứ thứ gì hữu hình bên ngoài đều vô thường, chỉ có hương thơm vô hình bên trong mới miên viễn, và niềm vui của trần gian chỉ là niềm vui xoay quanh tiền tài, danh vọng, địa vị, là thứ niềm vui huyễn ảo, niềm vui theo kiểu “vui trong tham dục vui rồi khổ”. Còn niềm vui và vị ngọt của Đạo thì mới dài lâu và trường cửu, đó là pháp hỷ, là niềm vui bắt nguồn từ sự tu tập, từ sự an tĩnh của nội tâm.

Xin đề đầu đánh lễ và bày tỏ lòng biết ơn vô hạn Bồ-tát Duy-ma-cật đã mang về cho chúng con loại hương phạn này, loại cơm Cam lộ đã nuôi dưỡng và duy trì giới thân huệ mạng của con trong vòng sinh tử luân hồi này. Xin chân thành tán thán công đức của Hòa thượng Hóa chủ Thích Minh Hiếu và ban trai soạn phạn trong suốt mười ngày, nhất là công đức của các vị nấu cơm cúng quá đường hằng ngày rất lớn lao, không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả được. Xin hồi hướng công đức và cầu chư Phật gia hộ cho quý vị thân tâm thường lạc và Bồ-đề nguyện mãn. ■

Nào Phật trong thế giới ngày nay

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Năm 1949, trong cuốn *Nguồn gốc và Mục đích của Lịch sử*, Karl Jaspers (1883-1969), triết gia hiện sinh Thiên Chúa giáo, một trong vài triết gia quan trọng nhất của thế kỷ XX, đã nêu lên khái niệm thời trực và sau đó được công nhận như là một cột mốc khách quan của lịch sử nhân loại. Thời trực (axial age) là thời gian khoảng thế kỷ thứ VIII đến thứ III trước Tây lịch. Trong thời gian này, ở Ba Tư, Ấn Độ, Trung Hoa và Hy Lạp, La Mã đồng thời xuất hiện những triết gia mở đầu cho văn hóa và văn minh nhân loại. Ấn Độ có Đức Phật và bộ kinh *Upanisad*, Trung Hoa có Khổng Tử và Lão Tử, ở Iran có Zarathustra, ở Palestine là những vị lập ra Do Thái giáo, Hy Lạp thì có Socrates, Parmenides, Heraclitus, Platon...

Thời trực là bình minh của văn hóa văn minh nhân loại. Nói như Jaspers, "... trong thời trực, những nền tảng đó đồng thời nhưng độc lập được thiết lập ở Ấn Độ, Trung Hoa, Ba Tư, Judea và Hy Lạp. Trên chính những nền tảng này mà nhân loại tồn tại và phát triển cho đến ngày nay".

Từ hơn 25 thế kỷ nay, Phật giáo không chỉ dừng lại là một nền tảng của văn hóa văn minh nhân loại mà còn phát triển song hành cùng lịch sử để phổ cập khắp thế giới. Ngày nay, Phật giáo phát triển khắp các nước Âu Mỹ, sách Phật giáo chiếm số lượng lớn, là một phần không thể thiếu của văn hóa toàn cầu. Đạo Phật đã và đang là một động lực lớn thúc đẩy và hướng dẫn sự tiến hóa của nhân loại.

Như bất kỳ một công trình vật chất hay tinh thần nào được sáng tạo trên trái đất, nếu không đáp ứng được nhu cầu của con người hiện thời thì sẽ dần dần mai một. Phật giáo càng ngày càng có sức sống mạnh mẽ khắp thế giới, vậy Phật giáo đáp ứng cho nhu cầu nào của con người hiện đại?

1. Thoát khỏi cái chết, sự vô thường

Đây là nhu cầu, sự ước ao căn bản của con người. Chưa bao giờ con người được đáp ứng hầu hết các nhu cầu vật chất như ngày nay, nhờ khoa học kỹ thuật. Nhưng vẫn luôn luôn có đó nỗi bất an, sự buồn phiền, mau chán, sự mong manh và hữu hạn của thân phận con người. Mỗi chúng ta đều có thể biết bản đồ *gien* của mình, có thể biết những hạt và sóng tạo thành thân thể mình là hạt nào, sóng nào, nhưng *gien* nào

hạt nào sóng nào cũng vô thường, không ai có thể thỏa mãn với những sự trả lời "khách quan" như vậy. Tôi là cái gì, tôi từ đâu sanh ra và chết tôi đi về đâu, đây vẫn là câu hỏi treo trên đầu mỗi người.

Trong khi đó, Đức Phật là người đã chiến thắng số phận sanh già bệnh chết của thân phận con người, khám phá con đường đưa đến "cánh cửa bất tử". Thế nên Đức Phật được xưng là bậc Chiến Thắng (Jina).

"Rời này các Tỷ-kheo, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, già, bệnh, chết, Ta tìm cầu cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, cái vô thượng an ổn khỏi các khổ ách tức Niết-bàn, và đã chứng được cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, cái vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, tức Niết-bàn."

*Những cửa mở đến Bất Tử đang rộng mở
Cho những ai muốn nghe".*

(Kinh Thánh Cầu, Trung Bộ)

Những cánh cửa mở vào cái không sanh, không già, không bệnh, không chết đã được mở ra, đang mở ra, và mãi mãi còn mở ra. Đó là lý do sự hấp dẫn của đạo Phật trong một thời đại mà mọi thứ đã được bão hòa như ngày nay.

2. Có trong hiện tại

Nhưng chúng ta không phải đi ngược về quá khứ mấy ngàn năm hay chờ đợi ở tương lai bao lâu nữa.

"Pháp được Thế Tôn khai thị là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, trực tiếp hưởng thượng, mỗi người trí tự mình chứng nghiệm".

Đạo Phật không phải là một tôn giáo theo nghĩa tin và chờ đợi một cách thụ động mà là trực tiếp chứng nghiệm cái đang có trong hiện tại. "Thiết thực hiện tại" nghĩa là luôn luôn có trong bất kỳ không gian thời gian nào. Nó hiện diện bình đẳng khắp không gian và thời gian.

"Mỗi người" nghĩa là ai cũng có thể. Mọi người đều bình đẳng trước "cánh cửa bất tử" ấy, không có điều kiện gì khác ngoài việc phải "tự mình chứng nghiệm".

Sự việc có trong hiện tại và mỗi người tự mình chứng nghiệm là sự bình đẳng rất ráo của đạo Phật.

3. Có nhiều phương tiện, nhiều con đường

Trong cuốn kinh nào cũng nói đến nhiều phương tiện để thực hành. Những phương tiện ấy không bị giới



hạn trong hoàn cảnh sống nào. Những phương tiện để thực hành ấy dựa vào những cơ sở mà mọi người đều có như hơi thở, cảm thọ, thân thể, tâm thức, sắc thọ tưởng hành thức, đất nước lửa gió...

Những pháp môn của đạo Phật khởi từ những yếu tố hàng ngày mà ai cũng có chứ không bắt nguồn từ một yếu tố siêu nhiên. Chính vì những phương pháp thực hành đặt cơ sở trên những yếu tố cụ thể của cuộc sống mà đạo Phật là hiện thực cụ thể: *"thiết thực hiện tại, đến để mà thấy"*.

Tóm lại, vì lấy nguyên liệu là tất cả những gì của trần gian này nên những phương pháp, con đường của đạo Phật đáp ứng cho mọi loại khuynh hướng, mọi loại cấu trúc thân tâm, bởi thế, đạo Phật trở nên phổ quát cho toàn nhân loại. Đó là con đường rộng lớn đến bao la, chứa đựng tất cả những con đường nhỏ khác thích hợp với từng loại người. Như kinh xưng tán Đức Phật là Đại Y vương, vua thầy thuốc, có thể chữa tất cả mọi loại bệnh của con người.

4. Tương tục kế thừa

Sau khi có một số đệ tử đã đạt đạo quả A-la-hán, Đức Phật nói các đệ tử hãy truyền bá Chánh pháp khắp nơi: *"Này các Tỳ-kheo! Hãy ra đi khắp nơi, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, lợi ích, an lạc cho loài người loài trời. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các Tỳ-kheo, hãy hoằng dương Chánh pháp, toàn hảo ở giai đoạn đầu, toàn hảo ở giai đoạn giữa, toàn hảo ở giai đoạn cuối cùng; toàn hảo trong cả hai, ý nghĩa và văn tự. Hãy công*

bố đời sống thiêng liêng cao thượng, vừa toàn thiện, vừa trong sạch...

Hãy đưa cao ngọn cờ của bậc thiện trí. Hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu. Hãy mang đến sự tốt đẹp cho người khác. Được như vậy, là các con đã hoàn thành nhiệm vụ".

Ngay khi còn tại thế, Đức Phật đã cho các đệ tử truyền bá giáo pháp khắp nơi. Khi sắp nhập diệt, Đức Phật không nói ai là người duy nhất có trách nhiệm với việc hoằng pháp, như một "giáo chủ"; mà "Pháp và Luật, sau khi Ta diệt độ, sẽ là đạo sư của các ông".

Chính vì không có một giáo chủ mà đạo Phật đã mọc lên ở từng nước, riêng biệt nhưng thống nhất trong Pháp và Luật. Như vậy, đạo Phật dù về sau được chia thành những tông phái, nhưng tất cả đều y vào Pháp và Luật, Pháp ấy có thể là từ kinh, tức là những lời dạy của Đức Phật.

Sự truyền thọ giữa các đệ tử về sau, trong cả bốn chúng, không đứt đoạn, đã tạo thành những dòng truyền thừa tiếp nối chuyển giao Pháp của Phật. Những dòng truyền thừa này chính là sức mạnh của đạo Phật để trụ vững và phát triển với thời gian.

Sức sống để tồn tại và phát triển của đạo Phật chính là dòng truyền thọ từ đời này sang đời khác Phật pháp bất biến mà Đức Phật đã giác ngộ.

Qua thế kỷ XXI này, sự tiến bộ về vật chất hình như đã quá đủ cho con người, nhưng sự thiếu hụt về tâm linh lại lớn lao hơn bao giờ hết. Trong hoàn cảnh đó chúng ta có thể hình dung sự phát triển của đạo Phật sẽ như thế nào. ■



Cửa bất tử rộng mở

DIỆU CHÁNH

Có một sự thật mà chỉ sau khi Đức Thế Tôn, bậc Chánh đẳng giác, đến với thế giới này thì mới được bày ra cho toàn thể nhân loại. Đó là sự thật về con đường đưa đến chấm dứt khổ đau do Đức Như Lai tự tri, tự chứng và tuyên thuyết cho nhân thế, được mệnh danh là con đường đưa đến bất tử. Nhân loại mãi mãi biết ơn Đức Phật, vì chính nhờ Ngài mà con người có thể tìm thấy bất tử giữa dòng đời sanh tử.

Kinh Thánh câu thuộc tuyển tập *Trung Bộ* mô tả rằng ngay sau khi chứng đắc pháp bất tử (Niết-bàn), Đức Phật tỏ ý do dự không muốn thuyết pháp cho chúng sanh, vì nghĩ rằng pháp Y tánh Duyên khởi (*Idappaccayatà Paticcasamuppàda*) do Ngài chứng ngộ quá cao siêu, vượt quá tâm thức mê say dục lạc thấp kém của loài người. Sau đó, được sự thỉnh ý của Phạm thiên Sahampati cùng với sự quán sát về căn tánh sai khác của chúng sanh, bậc Giác ngộ quyết định lên đường thuyết pháp độ sanh với lời tuyên bố: “Cửa bất tử rộng mở, cho những ai chịu nghe” (*Apàrutà tesam amatassa dvàrà ye sotavanto*)¹.

Tài liệu Kinh tạng và Luật tạng Pàli cho biết trước khi thuyết giảng bài pháp đầu tiên cho nhóm năm ẩn sĩ tại Isipattana thuộc cổ thành Bārānasi, bậc Giác ngộ xác

tín Ngài đã chứng được pháp bất tử (*amatadhamma*) và cho rằng mọi người khác cũng có khả năng thực nghiệm bất tử giống như Ngài, nếu biết lắng nghe và đi theo con đường do Ngài chỉ dạy:

“Các người hãy lắng tai, pháp bất tử đã chứng được. Ta sẽ giảng dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu sống đúng theo lời khuyến giáo, các người không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại mục đích vô thượng của Phạm hạnh, sẽ an trú”².

Kể từ giây phút ấy, cánh cửa bất tử lần đầu tiên được mở ra cho hết thảy nhân loại, không phân biệt một ai; ai cũng có thể vào được cửa bất tử này, dù thuộc giai cấp hay giới tính nào; cứ mạnh dạn gõ vào thì cửa sẽ mở ra.

Thế nào là cửa bất tử? Một Tỳ-kheo bạch hỏi Đức Phật: - “Bất tử, bất tử”, bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?

- Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này Tỳ-kheo, được gọi là bất tử. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là con đường đưa đến bất tử, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định³.

Một dịp khác dạy cho các Tỳ-kheo, bậc Đạo sư xác nhận: “Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tu tập chánh tri

kiến, tu tập chánh tư duy, tu tập chánh ngữ, tu tập chánh nghiệp, tu tập chánh mạng, tu tập chánh tinh tấn, tu tập chánh niệm, tu tập chánh định, với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si, thể nhập vào bất tử, hướng đến bất tử, với cứu cánh là bất tử, thiên về Niết-bàn, hướng về Niết-bàn, xuôi về Niết-bàn”⁴.

Như vậy, cửa bất tử mà Đức Phật đã mở ra cho nhân loại chính là Bát Thánh đạo hay còn gọi là con đường Giới-Định-Tuệ do Ngài tự thân chứng ngộ và tuyên thuyết, có khả năng đưa đến đoạn tận tham-sân-si, chấm dứt khổ đau, đạt đến bất tử, không còn tái sanh hay sanh tử luân hồi. Vì Phật đã đạt được bất tử và chỉ dạy con đường đưa đến bất tử, nên giáo pháp của Ngài được mệnh danh là pháp bất tử (*amatadhamma*). “*Ai giảng dạy Chánh pháp, vị ấy cho bất tử*”⁵. Nói cách khác, người nào thực hành Bát Thánh đạo hay pháp môn Giới-Định-Tuệ do Đức Phật giảng dạy thì được xem là đang gõ vào cửa bất tử⁶; nhờ thực hành Bát Thánh đạo, đạt đến Chánh trí (*Sammà-nàna*) và Chánh giải thoát (*Sammà-vimutti*) hay tu tập Giới-Định-Tuệ, đoạn trừ được dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, chấm dứt khổ đau, không còn tái sanh hay sanh tử luân hồi thì gọi là đạt được bất tử hay vào được cửa bất tử. Kinh tạng Pàli gọi một người như vậy là nhập bất tử giới (*amatadhātu*), nghĩa là đạt đến trạng thái “*tịch tịnh, vi diệu, tịnh chỉ tất cả hành, xả ly tất cả sanh y, ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*”⁷.

Với kinh nghiệm của bậc Giác ngộ đã đoạn tận tham-sân-si, đã giải thoát mọi hệ lụy khổ đau, đã đạt đến bất tử, không còn chịu cảnh sanh tử luân hồi, Đức Phật xác nhận có con đường đưa đến sanh tử, tức tiếp tục khổ đau do sanh, già, bệnh, chết tiếp tục được tạo ra; đồng thời có con đường đưa đến bất tử, tức chấm dứt khổ đau bởi không còn tái sanh, không còn chịu cảnh sanh, già, bệnh, chết xảy ra trong tương lai. Ngài nêu rõ con đường đưa đến sanh tử luân hồi hay lối sống tiếp tục kéo dài sự khổ:

“*Ở đây, này các Tỳ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm.*”

Này các Tỳ-kheo, những gì là bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu, bị ô nhiễm mà người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh... tự mình ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm?

Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị sanh; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị sanh; dê và cừu là bị sanh; gà và heo là bị sanh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sanh; vàng và bạc là bị sanh. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh.

Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị già; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị già; dê và cừu là bị già; gà và heo là bị già; voi, bò,

ngựa đực, ngựa cái là bị già; vàng và bạc là bị già. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị già, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già.

Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị bệnh; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị bệnh; dê và cừu là bị bệnh; gà và heo là bị bệnh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị bệnh. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị bệnh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh.

Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị chết; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị chết; dê và cừu là bị chết; gà và heo là bị chết; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị chết. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị chết, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết.

Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị sầu; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị sầu; dê và cừu là bị sầu, gà và heo là bị sầu; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sầu. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị sầu, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu.

Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị ô nhiễm; đây tớ nam, đây tớ nữ là bị ô nhiễm; dê và cừu là bị ô nhiễm; gà và heo là bị ô nhiễm; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị ô nhiễm; vàng và bạc là bị ô nhiễm. Và này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm”⁸.

Trên đây là lối sống mê lầm, tiếp tục mời gọi khổ đau, do không nhận thức rõ khổ đau, không thấy được nguyên nhân gốc rễ của khổ đau, rơi vào thích thú, hân hoan, tham đắm, chấp trước những thứ chịu sự sanh diệt, thuộc bản chất khổ đau. Hết thầy mọi thứ trên cõi đời này - vợ con, gia nhân, gia súc, tài sản, kể cả bản thân mỗi người - đều vô thường, chịu sự thay đổi, chịu sự biến hoại, bị khổ đau chi phối; đã là vô thường, biến diệt, không tồn tại mà thích thú, hân hoan, tham đắm, chấp trước chúng thì cũng có nghĩa là chấp trước khổ đau, ôm ấp khổ đau, bị khổ đau trói buộc, không thoát khỏi khổ đau. “*Con là của tôi, tài sản là của tôi, người ngu không thoát khỏi sầu não khi ôm ấp ý nghĩ như vậy; vì bản thân ta còn không có thì cái gì là con của ta, tài sản của ta?*”⁹. Đây gọi là sống chìm đắm trong sanh tử luân hồi, kéo dài chuỗi tái sanh khổ đau do thái độ mê lầm chấp trước cái bị sanh, già, bệnh, chết..., tức là “*tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm*”.

Trái với lối sống mê lầm, chìm đắm trong thế giới sanh tử khổ đau là lối sống hiểu biết sáng suốt, buông bỏ khổ đau do Đức Phật chứng ngộ và tuyên thuyết. Đó là lối sống thoát ly khổ đau, đạt đến bất tử - Niết-bàn, do thấy rõ sự nguy hại của những gì bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị sầu, bị ô nhiễm, quyết tâm tìm

cầu cái không sanh, không già, không bệnh, không chết, không sâu, không ô nhiễm. Nói cách khác, đó là lối sống thực hành Bát Thánh đạo, đạt đến Chánh trí và Chánh giải thoát hay sự tu tập Giới-Định-Tuệ, đoạn trừ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đưa đến chấm dứt khổ đau, không còn sanh tử luân hồi mà chính Đức Phật đã tự thân chứng nghiệm và giảng dạy: *"Này các Tỳ-kheo, Ta tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; và đã chứng được cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tìm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sâu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sâu, tìm cầu cái không sâu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái vô sâu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Và trí và kiến khởi lên nơi Ta: 'Sự giải thoát của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa'."*¹⁰

Kinh nghiệm tu chứng Niết-bàn hay nhập bất tử giới của Đức Phật gợi cho chúng ta rằng từ cảnh giới khổ đau sanh tử, Đức Phật quyết tâm tìm kiếm cái bất tử và sau cùng nhờ công phu tu tập Ngài đã chứng được cảnh giới bất tử, chấm dứt khổ đau, không còn chịu cảnh tái sanh hay sanh tử luân hồi. Đây chính là kinh nghiệm cụ thể và lớn lao nhất để bậc Giác ngộ xác tín với nhân thể về khả năng giải thoát khổ đau, đạt đến bất tử, chấm dứt luân hồi của con người, đồng thời nêu rõ cho mọi người về một lẽ sống rời xa khổ đau, đạt đến bất tử, được mệnh danh là con đường đưa đến khổ diệt (*dukkhanirodhamagga*). Đó chính là Bát Thánh đạo hay lối sống phát huy giới đức, tâm đức, tuệ đức ở bên trong mỗi cá nhân, có khả năng giúp cho con người thoát khỏi mê lầm (tham-sân-si), thực thi nếp sống trí tuệ (giới-định-tuệ), dần dần thoát ly khổ đau, đạt đến bất tử (*amata*).

Để giúp cho mọi người dễ dàng tiếp cận đạo lộ đưa đến đoạn diệt tham-sân-si, chấm dứt khổ đau, đạt đến bất tử, bậc Giác ngộ định danh lộ trình ấy thành tám yếu tố hay tám bước thực hành gắn liền với đời sống hàng ngày của mỗi con người, gồm có Chánh tri

kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Chánh tri kiến hay nhận thức chân chánh đóng vai trò quan yếu trong việc làm phát khởi và soi sáng cho toàn bộ lộ trình, giúp cho người thực hành bước đi một cách vững chắc xuyên suốt con đường và đạt đến đích một cách an toàn. Đó là sự sáng suốt nhận ra ý nghĩa khổ đau có mặt trong mọi hiện hữu, hàm tàng trong mọi sự vật, không một thứ gì và không một nơi nào trên thế gian này thoát khỏi đặc tính khổ đau. Đó là sự nhận rõ tâm lý thích thú, hân hoan, tham đắm, chấp trước mọi thứ là thái độ mê lầm dẫn đến khổ đau. Đó là sự chứng nghiệm tâm thức không thích thú, không hân hoan, không tham đắm, không chấp trước bất kỳ thứ gì chính là thái độ sáng suốt đưa đến chấm dứt khổ đau. Đó là sự quyết chắc Bát Thánh đạo là con đường hay phương pháp tu tập đưa đến dứt trừ mê lầm, chấm dứt khổ đau.

Chánh tư duy hay suy nghĩ chân chánh, tức là rời bỏ các lối suy nghĩ viển vông vô ích, chú tâm suy tư hay như lý tác ý về khổ, về nguyên nhân khổ đau, về sự diệt khổ và về con đường đưa đến diệt khổ. Nói cách khác, đó là sự từ bỏ các lẽ lối suy nghĩ dẫn đến khổ đau sinh khởi như nghĩ về dục vọng (dục tư duy), nghĩ đến oán thù (sân tư duy), nghĩ tưởng những việc sai lầm tai hại (hại tư duy); tập trung suy tư về những vấn đề liên hệ đến diệt khổ như nghĩ cách rời bỏ dục vọng (ly dục tư duy), nghĩ đến hóa giải hận thù (vô sân tư duy), nghĩ cách dứt trừ mọi sai lầm tai hại (bất hại tư duy).

Chánh ngữ hay nói lời chân chánh, tức từ bỏ những lời nói không chân thực, những lời nói gây chia rẽ, những lời nói thô tục, những lời nói vô ích; chuyên tâm nói những lời chân thực, những lời nói đưa đến hòa hợp, những lời tao nhã, những lời nói có lợi ích nhằm mục đích loại trừ phiền não khổ đau.

Chánh nghiệp hay hành động chân chánh, nghĩa là từ bỏ các việc làm sai trái xấu ác như sát sanh, lấy của không cho, tà dục; thực thi các việc chân chánh hiền thiện như tôn trọng và cứu giúp sự sống của chúng sanh, tôn trọng sở hữu và quyền sở hữu của kẻ khác, tôn trọng hạnh phúc hôn nhân và hạnh phúc gia đình của người khác.

Chánh mạng hay nuôi sống chân chánh, tức từ bỏ các nghề nghiệp hay sinh kế không chính đáng, phi pháp; thực thi nếp sống thiếu dục tri túc, nuôi sống sinh mạng bằng các phương tiện chính đáng, lương thiện.

Chánh tinh tấn hay nỗ lực chân chánh, tức quyết tâm ngăn chặn và trừ diệt những việc làm sai trái xấu ác, những lời nói sai trái xấu ác, những ý nghĩ sai trái xấu ác; chuyên tâm làm cho sanh khởi và tăng trưởng những việc làm chân chánh hiền thiện, những lời nói chân chánh hiền thiện, những ý nghĩ chân chánh hiền thiện.

Chánh niệm hay quán niệm chân chánh, tức chú tâm quán sát hay tập trung xem xét về tính chất duyên sinh,

vô thường, khổ, vô ngã của bản thân mình (danh sắc, ngũ uẩn, sáu nội xứ) và thế giới chống đỡ cho mình tồn tại (sáu ngoại xứ) gọi chung là quán thân, thọ, tâm, pháp nhằm loại bỏ thói quen ái luyến, chấp thủ đối với tự thân và thế giới do mình nhận biết, thoát khỏi “cái tôi” ảo tưởng.

Chánh định hay định tâm chân chánh, tức làm trong sạch nội tâm bằng biện pháp hành Thiền, khiến cho tâm đạt đến tầng thượng, thoát khỏi các trói buộc và ô nhiễm thuộc dục lạc thế gian, thực chứng các trạng thái tịnh lạc sâu lắng đưa đến định tĩnh như hỷ lạc do ly dục sanh, hỷ lạc do định sanh, xả niệm lạc trú, xả niệm thanh tịnh. Đó là tiến trình thanh lọc tâm, khiến cho tâm trở nên định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu uế, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản, có khả năng nhận diện đúng đắn và thông suốt về bản chất khổ đau của toàn thể hiện hữu, hướng đến đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt khổ đau sanh tử gọi là đạt đến Chánh trí và Chánh giải thoát, mục đích cứu cánh của toàn bộ con đường.

Trên đây là lộ trình đưa đến diệt trừ tham-sân-si, đoạn tận các lậu hoặc, dứt trừ khổ đau, đạt đến bất tử, chấm dứt tái sanh hay sanh tử luân hồi mà Đức Phật đã mở ra cho toàn thể nhân loại.

Đáng chú ý rằng Đức Phật giảng dạy Bát Thánh đạo, con đường đưa đến bất tử, để giúp cho nhân loại tìm thấy lẽ sống sáng suốt đưa đến an lạc, từng bước nhiếp phục tham-sân-si, dần dần đi ra khỏi mê lầm khổ đau, thực chứng Niết-bàn gọi là đạt đến bất tử. Con đường là lối đi hạnh phúc và không dành riêng cho hạng người nào. Mọi người đều có khả năng và được khuyến khích bước đi trên con đường ấy¹¹. Vì đó là lối đi tuyệt đối an toàn, là lẽ sống sáng suốt an lạc, tuân tự đưa con người đi đến hoàn thiện, đạt đến cứu cánh giải thoát, cứu cánh giác ngộ. Kinh tạng Pàli nói đến trường hợp các Tỷ-kheo và các cư sĩ gia chủ sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử, nhờ tin sâu và hành sâu Bát Thánh đạo do Như Lai giảng dạy¹².

Vào thời đại của Ngài, các môn đồ xuất chúng của Phật từng cảm thán về sự kiện Thế Tôn là người đầu tiên mở ra Bát Thánh đạo, công bố con đường đưa đến bất tử cho thế giới loài người: “Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói. là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và các đệ tử là những vị sống hành đạo và tùy hành, và sẽ thành tựu những pháp ấy về sau”¹³.

Nghiên cứu sâu về Phật pháp so sánh với các hệ tư tưởng và triết lý khác, George Grimm nêu nhận xét: “Hãy bảo cho tôi tên tuổi của một người khác đã trình bày thông suốt vấn đề lớn lao của loài người, làm sao thoát khỏi khổ đau và sự chết và khiến nó thành luận đề độc nhất của giáo lý và cuộc đời mình, như Đức Phật đã làm! Chắc chắn đã có trong nhân loại những nhân

vật tiêu biểu hiểu được khổ đau, nguồn gốc khổ đau, sự đoạn diệt khổ đau và con đường đưa đến sự đoạn diệt khổ đau. Bởi sự kiện khổ đau bao trùm cả vũ trụ cũng như đời sống mỗi cá nhân; vì vậy khổ đau là vấn đề khó lãnh hội, nếu không muốn nói là không thể lãnh hội. Tuy vậy, những hiểu biết này chẳng qua chỉ là những bóng mờ, những hiểu biết phiến diện không đưa đến kết quả chắc chắn. Điều này có thể áp dụng đối với triết học hiện đại của Schopenhauer, là người, không như những người châu Âu khác, đã nêu rõ bản chất của đời sống là khổ đau nhưng đã không tìm thấy con đường hay nhíp cầu vượt qua khổ đau. Còn nói gì đến triết học Upanisads mà tính cách vĩ đại của nó chỉ giáo lý Đức Phật mới vượt trội. Tuy vậy triết lý này cũng không giải quyết được vấn đề vì nó không chú ý nhiều đến nội dung khổ đau, không thấy khổ đau là sự kiện mọi lúc mọi nơi và do đó không biết đích xác con đường đưa đến chấm dứt khổ đau. Không như người khác, Đức Phật chỉ thẳng cho chúng ta vấn đề tuyệt đối căn bản của đời sống chúng ta, làm sao giải thoát khổ đau, và trên hết, khổ đau sinh tử”¹⁴.

Giáo sư T.W. Rhys Davids, cựu Chủ tịch Hội Pàli Text Society, đánh giá cao giáo lý Bát Thánh đạo, xem đây là mô hình lý tưởng cho việc phát triển và hoàn thiện mục tiêu nhân sinh. Ông tâm sự: “Dẫu là Phật tử hay không, tôi nghiên cứu từng hệ thống tôn giáo lớn trên thế gian, và trong tất cả, tôi không tìm thấy trong tôn giáo nào có cái gì cao đẹp và toàn vẹn hơn Bát Thánh đạo của Đức Phật. Tôi chỉ còn có một việc làm là thu xếp nếp sống sao cho phù hợp với con đường ấy”¹⁵.

Học giả J. Takakusu thì cho rằng Bát Thánh đạo tiêu biểu cho cơ sở đạo đức thực tiễn của Phật giáo, vừa cho mục tiêu xây dựng và hoàn thiện đạo đức con người, vừa cho mục tiêu thành tựu Phật quả, lý tưởng cao nhất của đường lối thực hành Phật giáo¹⁶. ■

Chú thích:

1. Kinh Thánh cầu, Trung Bộ.
2. Kinh Thánh cầu, Trung Bộ.
3. Kinh Một Tỷ-kheo khác (2), Tương Ứng Bộ.
4. Kinh Thượng phần kiết sử, Tương Ứng Bộ.
5. Kinh Cho gì, Tương Ứng Bộ.
6. Kinh Duyên, Kinh Những căn bản của trí, Kinh Thánh đệ tử, Tương Ứng Bộ.
7. Đại kinh Mālunkya-phutta, Trung Bộ.
8. Kinh Thánh cầu, Trung Bộ.
9. Kinh Pháp Cú, kệ số 62.
10. Kinh Thánh cầu, Trung Bộ.
11. Xem Đại kinh Bốn mươi, Trung Bộ.
12. Kinh Thấy được bất tử, Tăng Chi Bộ.
13. Kinh Gopaka Moggallāna, Trung Bộ.
14. G. Grimm, *The Doctrine of the Buddha*, tr.43-48.
15. Bhikkhu Narada, *Đức Phật và Phật pháp*, Phạm Kim Khánh dịch, tr.281, Nxb Hồng Đức, 2014.
16. J. Takakusu, *Essence of Buddhist Philosophy*, tr.20.

Cảm nhận mùa Phật đản

DIỆU HƯƠNG

Phật giáo ra đời vào thế kỷ thứ VI trước Tây lịch tại miền Đông Bắc Ấn Độ. Người sáng lập ra Phật giáo chính là Thái tử Siddhartha (Tất-đạt-đa) con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) trị vì Sakya - một bộ tộc ven sông Ganga (Hàng hà), thuộc xứ Nepal ngày nay.

Truyền thuyết nói Thái tử Tất-đạt-đa sinh ngày 8 tháng Tư vào khoảng năm 624 trước Tây lịch. Thái tử đã lập gia đình và có một con trai; nhưng sau khi cảm nhận được tính cách biến đổi vô thường của đời người

qua các hiện tượng sinh, lão, bệnh, tử; năm 29 tuổi Thái tử quyết định từ bỏ cuộc sống thế tục để ra đi tìm đường cứu khổ cho nhân loại. Sau sáu năm nỗ lực tìm chân lý, Thái tử đã thành đạo vào tuổi 35 với pháp hiệu Budhi (Phật) - Bạc giác ngộ. Ngài còn được gọi là Sakyamuni (Thích-ca Mâu-ni) - nhà hiền triết xứ Sakya hay người ưa thích sự vắng lặng. Sau 45 năm truyền giáo, Ngài đã nhập diệt vào năm 80 tuổi.

Cốt lõi giáo pháp của Ngài là bàn về nỗi khổ, giải thích nguyên nhân nỗi khổ và chỉ dạy cho con người con đường thoát khổ. Cốt lõi ấy được tóm thâu trong giáo lý Tứ diệu đế hay còn gọi là Bốn chân lý giúp cho con người thoát khổ. Bốn chân lý đó là:

1. Khổ đế

Chân lý chỉ ra nỗi khổ của con người. Theo Phật giáo, mỗi con người đều phải chịu khổ đau qua tám trạng thái: sanh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tăng hội, ngũ ấm xí thạnh. Đó là tám nỗi khổ mà bất cứ ai cũng phải trải qua.

2. Tập đế

Đức Phật dạy nguyên nhân của khổ đau là do con người có lòng tham lam, sân hận và si mê nên chìm đắm trong tài, sắc, danh, thực, thùỵ tạo ra những khổ đau triền miên.

3. Diệt đế

Là những phương pháp giúp con người diệt tận tham sân si, xóa sạch khát ái, dứt bỏ cội gốc của khổ đau, giải thoát khỏi nghiệp chướng trong vòng sanh tử luân hồi.

4. Đạo đế

Là con đường giải thoát mọi khổ đau, đó là con đường Trung đạo, xa lìa hai cực đoan: hưởng thụ dục lạc và ép xác khổ hạnh. Con đường Trung đạo đó thông qua tiến trình tu tập về Giới - Định - Tuệ để đạt tới giác ngộ giải thoát.

Trước khi Phật giáo xuất hiện, ở Ấn Độ đã có rất nhiều các trường phái, tôn giáo đi tìm lối thoát cho nhân loại. Mặc dù các tôn giáo này có khác nhau về cách thức hành trì, nhưng đều có mục đích chung là hướng con người giải thoát khỏi nỗi đau trên trần thế. Nếu *Veda* tìm giải thoát bằng hương ngoại, cầu sự trợ giúp của thế giới đa thần, thì *Upanishad* giải thoát bằng sự hợp nhất với Brahman, là con đường nỗ lực tự



Ảnh: Văn Thông

thần và tri thức. Tuy nhiên sự giải thoát của *Upanishad* vẫn là sự đan xen giữa duy tâm khách quan và duy tâm chủ quan, nên chưa thể đạt tới sự giác ngộ giải thoát hoàn toàn.

Kế thừa con đường giải thoát của các trường phái triết học Ấn Độ, Phật giáo đã tiến lên một bước bằng con đường giải thoát hướng nội và sự nỗ lực tự thân, xóa bỏ vô minh, dập tắt dục vọng, dứt bỏ mọi dục vọng của thế giới hiện tượng để giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Như vậy Đức Phật xuất hiện trên thế gian này có ý nghĩa rất lớn đối với đời sống nhân loại. Ngài hướng dẫn con người giải thoát khỏi khổ đau do vô minh gây ra, Ngài giúp con người biết phương pháp để thoát khỏi khổ đau, đạt tới giác ngộ giải thoát hoàn toàn. Suốt hơn 25 thế kỷ qua, hàng triệu người đã tìm được sự an lạc giải thoát trong giáo lý của Ngài. Cho đến ngày nay, giáo pháp của Ngài vẫn như vầng thái dương rực rỡ soi sáng nơi tối tăm để dẫn đường cho nhân loại thoát khỏi vùng vô minh đen tối.

Ngày nay, nền hòa bình của thế giới luôn bị đe dọa, nhưng thông điệp của Ngài vẫn đem yêu thương, hòa bình, hạnh phúc đến cho nhân loại. Ngài quả thật là Đấng từ tôn cao cả nhất luôn đem tình thương nhân ái đến cho con người, tình thương của Ngài đem đến với mọi loài chúng sanh, không trừ một chúng sanh nào mà không có tình thương của Ngài. Đối với các tôn giáo khác, có thể có một Đấng thiêng liêng nào đó xuất hiện để diệt trừ kẻ ác, bảo vệ người hiền, nhưng đối với Đức Phật, không phải Ngài xuất hiện trên thế gian này để diệt trừ kẻ ác, mà là dạy cho loài người con đường chân chính.

Với ý nghĩa đó, Phật giáo có mặt trên thế gian đã cung cấp một nền tảng đạo đức cho nhân loại, đã đóng góp rất lớn vào các lĩnh vực văn hóa, chính trị, xã

hội cho quốc gia nào biết ứng dụng giáo pháp ấy. Xưa cũng vậy, mà nay cũng thế, Phật giáo luôn đem đến hạnh phúc, an lạc cho con người trong cuộc sống, chỉ là con người có biết ứng dụng giáo pháp ấy vào cuộc sống hay không mà thôi.

Nhân mùa Phật đản Phật lịch 2560, xin kính chúc tất cả người con Phật trên thế gian có nhiều niềm vui, hạnh phúc trong ánh hào quang của Phật. ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thành hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, Cty Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 358 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội... xin liên lạc: **Tòa soạn**, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;
Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Kỷ ức đồng hiện và lịch sử đảng trí

LÊ HẢI ĐĂNG

Hội chứng Alzheimer tập thể

Lịch sử là bộ môn khoa học có khả năng làm sống lại quá khứ. Trên dòng sông thời gian, có rất nhiều dòng chảy đan xen nhau, tất cả cùng xuôi chiều đổ ra tương lai. Sử chính thống chỉ là một trong nhiều dòng chảy cùng hướng về quá khứ nhằm tạo nên một quang sáng lẻ loi trên nền thời gian dĩ vãng.

Cho đến thời điểm hiện tại, bên cạnh tư liệu sử viết về ngành nghề xuất hiện một cách khá khiêm tốn thì sử đời thường là bộ sử khiếm khuyết nhất trong kho tàng văn hóa nước ta. Trong nhiều cuộc hội thảo, người nghiên cứu thường tự hào công bố kết quả liên quan đến các vị vua, các bậc quan lại, những ông hoàng bà chúa, những vị lão thành cách mạng... hiếm người lợi ngược dòng thời gian để tìm hiểu về gái điếm, những tên tội phạm khét tiếng... Nghiên cứu về tệ nạn xã hội nước ta mới dừng lại ở những vụ trọng án, chưa vươn lên thành hoạt động thường xuyên của sử học đời thường. Xét với tư cách của một bộ môn có khả năng làm sống lại quá khứ, sử học đời thường chính là phần còn lại góp phần làm nên lịch sử một vùng đất, quốc gia... Theo đó, một cô gái điếm, một tên lưu manh côn đồ... cũng góp phần làm nên lịch sử đất nước.

Trên thực tế, chúng ta thiếu một cách tội nghiệp những ghi chép phản ánh đời sống xã hội của người

dân, từ hoạt động sản xuất, chế tạo máy móc, nông cụ... đến nghiên cứu, sáng tạo văn hóa, cả vật chất lẫn tinh thần. Sử quan phương dành nhiều nội dung cho đề tài chiến tranh, phong trào khởi nghĩa chống nội - ngoại xâm, cũng như thủ đoạn chiếm ngôi đoạt vị của nhiều vị vua, nhiều bậc trọng thần có tham vọng... Sách sử bàn quá nhiều về thành tích trận mạc, hiếm thấy nói đến các phát minh khoa học, những sáng kiến cải tiến kỹ thuật hay nghiên cứu triết học, y khoa, thiên văn, nghệ thuật... Bởi vậy, nhà sử học Bùi Thiết từng nói, sử Việt Nam chỉ là “chương sử”.

Trên nền độc tôn, sử chính thống trở thành duy nhất, đặc biệt đóng vai trò quyền uy nhằm xác định khung thời gian, một bộ khung không phải lúc nào cũng tương thích, nhất quán, thể hiện tính chất bao trùm lên mọi lĩnh vực. Hiển nhiên, có rất nhiều ngành, nghề, môn, loại... có thể dựa vào khung thời gian định chế của sử chính thống để biểu diễn nội dung liên quan, đặc biệt đối với những dạng thức văn hóa chính thống thuộc tổ chức quan phương; song, đối với văn hóa dân gian, những dạng thức tồn tại trong môi trường tôn giáo, tín ngưỡng, di sản các tộc người thiểu số... lại hoàn toàn nằm ngoài vành đai bao quát của sử chính thống. Và như vậy, sử quan phương chưa thể vươn lên thành bộ khung “pháp chế” thể hiện mức

độ toàn năng, đáng tin cậy và có độ phủ sóng rộng. Trong nhiều trường hợp, sự thiếu thốn về tư duy sử đã biến sử chính thống thành “độc quyền”, trong khi bản thân lại khan hiếm, khiếm khuyết những ghi chép về đời thường. Xuất phát từ mong muốn sang trang, bộ sử này còn thường xuyên đổi dòng khiến cho nhiều bước ngoặt tự tạo nên tính chất quanh co. Trên dòng chảy miền man của thời gian, lắm khi những trang cũ kỹ lại khiến người đọc nghiêng mình, đắm đuối. Trong khi đó, những trang sử chói lòa không khỏi làm người đọc hoài nghi. Và đó chính là một trong những nguyên nhân đẩy lịch sử rơi vào tình trạng đạng trí, quên mất tính chất đa dạng muôn thủa của đời sống.

Ký ức đồng hiện

Một thói quen khác hay mắc phải trong tư duy sử là điều chỉnh khung thời gian một cách tùy tiện. Trong quá trình nghiên cứu hồi cố, ký ức “ngày xưa ngày xưa” thường hiện về, lớn vồn, ám ảnh đầu óc người đương thời. Giới quản lý, thừa kế di sản văn hóa ít có thói quen ghi chép hay tìm hiểu lịch sử vốn di sản mà mình có

nhiệm vụ bảo vệ, gìn giữ. Đối với công trình kiến trúc cổ, may ra có những trụ đá, bia đá, chuông đồng... ghi chép năm hưng kiến, trùng tu cho người nghiên cứu có thể bám víu, còn lại chủ yếu phải xử lý những thông tin biết nháy múa và làm đẹp một cách khả nghi. Đằng sau chúng chứa đựng biết bao nghi vấn cần bóc tách và nổi ám ảnh về “ngày xưa ngày xưa” trở thành miền ký ức êm đềm



cho con người vọng tưởng, giống như cội rễ nối ngày xưa với ngày nay, người xưa với người nay. Trên cơ sở đó, khung thời gian có thể điều chỉnh, co giãn một cách hữu tình, mệnh mang theo lối sắp đặt kiểu huyền thoại. Các sự kiện lịch sử có thể xếp chồng lên nhau, theo hướng rời rạc, vật vạ, chấp vá. Nhiều người dành nổi ưu tư cho những sự kiện bề bộn trên bề mặt cuộc sống. Những lúc tâm tư bị vướng vào một vấn đề nào đó, tư duy huyền sử lại trở về, chấp chờn ám ảnh một thuở xa xưa.

Ở nhà trường, thầy cô dạy cho học trò lòng tự hào, tự huyễn dân tộc theo tư duy huyền thoại với những thần tích *Thánh Gióng đánh giặc Ân* hay *Con Rồng cháu Tiên*... Thay vì khuyến khích, dạy các em khả năng làm nên những trang sử mới đáng tự hào, lối mòn tự huyễn hoặc này làm cho giáo dục đi ngược lại sứ mệnh của mình. Tư duy văn-sử-triết bất phân tiếp tục lũng đoạn sách giáo khoa. Tất nhiên, thầy cô có thể viện lý do nhằm dạy cho các học sinh tinh thần yêu nước, lòng tự hào về truyền thống văn hóa dân tộc; tiếc thay, giống như tình yêu bao la của con người, không thiếu những biểu hiện lừa phỉnh, lừa dối lẫn nhau. Điều đó

vô hình trung đã khởi đầu cho một sự đổ vỡ, đặc biệt trong khoa học (sử), hậu quả sẽ diễn ra một cách khốc liệt, tệt hại. Con cháu chúng ta không thể cứ bé nhỏ, chẳng chịu trưởng thành và thấy cô cũng không thể “trẻ mãi không già”. Hiện tượng dàn cảnh cho huyền thoại đi vào chính sử góp phần kích thích tư duy đồng hiện trong ký ức và một lịch sử đạng trí tiếp diễn trên cung đường lảm lạp cho phép người ta tô vẽ, bóp méo lịch sử. Như vậy, dù chúng ta có ký ức lịch sử, nhưng ký ức đó đã xa rời chân lý trên lối mòn huyền thoại và lịch sử càng ngày càng xa dần sự thực theo dấu chân lạc lối.

Nơi các dòng sông đều chảy

Để tài, sự kiện lịch sử luôn là vấn đề bận tâm người nghiên cứu. Song, có lẽ, tư duy sử còn vương bận, bộn bề hơn. Mấy chục năm qua, ta có khoảng thời gian đủ dài để bình tĩnh nhìn lại những khiếm khuyết trong sách sử cũng như tư duy sử. Còn đó những khoảng trống đan cài mong muốn chủ quan và việc định đoạt cho lịch sử những nguyên tắc quyền uy đáng có. Thời gian sẽ bỏ lại tất cả để đi vào lòng dĩ vãng mênh mông, nhưng lịch sử

dân tộc vẫn níu kéo những gì đã qua theo chiều hướng đưa về thực tại nhằm làm sống dậy cả vùng ký ức vô tận, nơi chất chứa nhiều điều đáng nhớ và dễ quên. Trước khi hiện tại đi vào quá khứ cùng với hội chứng Alzheimer đến cướp đoạt ký ức chúng ta, hãy cho sự kiện đi vào lịch sử. Khi ấy, ta cứ việc ngủ yên cho sự kiện sống dậy trên trang sử lặng im.

Một bộ óc cá nhân tầm thường cũng nén chặt thông tin, dữ liệu, hướng chi bộ não sử của một quốc gia, dân tộc. Lịch sử mấy ngàn năm hay ngàn năm thực chất khác nhau bởi ký ức lịch sử... Nếu một người có thể nhớ được tiền kiếp thì hẳn nhiên ký ức của họ đã dài hơn những người chỉ sống một kiếp đời. Chưa kể, nếu không may mắc phải hội chứng đạng trí, đến cả những gì mới xảy ra cũng rơi vào lãng quên. Chúng mất trí gây ra nhiều trở ngại, khó khăn trong cuộc sống. Lịch sử giúp cho hội chứng ấy dừng lại ở mỗi cá nhân, nhưng khi nó di chuyển vào chứng đạng trí sử học, khi đó sẽ lây lan thành căn bệnh dân tộc.

Sử đời thường dù chưa trở thành mối bận tâm chung của những nhà làm sử, hơn bao giờ hết, nó vẫn hiện diện nhằm nêu lên đòi hỏi bức thiết của mình. Xuất phát từ nhu cầu ấy, sử đời thường đặt ra cho nhà làm sử mối quan tâm riêng. Người nghiên cứu sử không thể làm thay công việc của ông Google, cũng không cạnh tranh với học trò về khả năng ghi nhớ. Sử học phải hướng tới giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra bằng cách cung cấp thông tin, dữ liệu đa chiều về quá khứ. Đây chính là nơi các dòng sông đều chảy nhằm phác lên bức tranh tổng thể của một dân tộc. ■



TRƯƠNG HOÀNG MINH

Tục ngữ có câu “Thuốc đắng dã tật, lời thật mất lòng” nghĩa là thuốc tuy đắng miệng nhưng làm cho người ta hết bệnh, lời thật tuy có thể giúp người ta thấy được sai lầm mà khắc phục sửa chữa, nhưng lại trái tai. Tuy nhiên, nhiều người lại rất sợ sự thật, luôn luôn giấu giếm bưng bít, không dám tự nói ra và cũng không muốn người khác nói đến. Nếu có ai nói đến họ sẽ buồn giận ngay. Tôi thuộc nằm lòng câu tục ngữ trên nhưng lại sơ suất, mắc phải sai lầm đáng trách.

Tôi có người chú họ đã ngoài bảy mươi, gia cảnh chỉ đủ ăn, con cái cũng thế. Ông bị tai biến ba lần trong khoảng bốn năm. Lần thứ nhất tương đối nhẹ, chỉ hơi méo miệng, nói lắp, tay chân bên phải đều yếu, đi đứng phải chống gậy. Không lâu sau, ông bị lần thứ hai, nặng hơn, nói ngọng và ngồi xe lăn. Lần thứ ba thì bán thân bất toại, nằm liệt giường, miệng ú ớ như người câm, đầu óc không còn tỉnh táo, khi nhớ khi quên. Nằm một chỗ trong thời gian dài, con cháu trong nhà lại chăm sóc không kỹ lưỡng, chu đáo nên phần lưng và mông của ông bị lở loét, vừa hôi hám vừa hành hạ đau đớn, ông rên la suốt ngày. Khoảng ba bốn tháng trước khi

mất, ông sống đời sống thực vật, thỉnh thoảng lại bị co giật, ai đến thăm cũng lắc đầu thương hại!

Một lần, ông chợt hồi sinh sau cơn co giật mạnh đến sùi bọt mép. Tôi cùng vài anh em họ đến thăm ông. Vợ chồng Liêm - con trai ông - rước thầy về tụng kinh cầu an và bày bàn hương án ngoài sân đủ cả hương đăng trà quả ngày đêm khấn vái nguyện cầu. Thấy vậy, anh Tư Bính hạ giọng nói nhỏ với chúng tôi:

- Đã đến nước này rồi còn bày vẽ chi cho tốn tiền, họ đâu phải tụng không?

- Sống phải cho ra sống chứ sống như thế này thì chết còn sướng hơn? Anh Sáu Canh phụ họa.

Cô Hai Quý tặc lưỡi, than:

- Đau chân hả miệng! Tội nghiệp! Giày dép còn có số, chưa tới số làm sao chết được?

Tôi cũng góp lời, nói theo quán tính:

- Số mạng gì ở đây? Tại cái nghiệp của ông chưa hết đó thôi.

Vừa lúc đó thằng Liêm bước trở tới sau lưng tôi, ngồi xuống ghé, đưa mắt nhìn tôi với vẻ bực bội, hỏi:

- Anh nói cái gì nói lại nghe coi?

Biết mình sơ ý nhưng lỡ lời rồi làm sao rút lại được,

cũng không thể chối quanh nên buộc lòng phải lặp lại những gì đã nói theo yêu cầu của Liêm. Nó hẳn học, hỏi tôi:

- Như vậy là anh nói ba tui làm nhiều việc ác nên mới bị quả báo?

- Tôi không có ý đó, xin chú đừng hiểu lầm!

- Hiểu lầm? Liêm gần giọng. Anh làm như tui là con nít không bằng!

Không chỉ tôi mà cả mấy anh em có mặt đều biết khá rõ về cuộc sống của ông chú và các con của ông ấy, nhưng tôi thật tình không có ý đó, cũng không phân bua mà chân thành xin lỗi Liêm. Các anh em cũng cùng khuyên giải nó. Tôi biết nó hiểu lời tôi nhưng vẫn cố chấp. Tại sao nó bắt lỗi tôi mà không bắt lỗi cô Hai Quý? Tôi xin giải thích ngắn gọn như sau:

Số mạng là quan điểm xuất phát từ đạo Khổng, đạo Lão. Theo đó thì thân phận con người sống lâu hay chết yểu cùng họa hay phúc và tất cả những thứ khác nữa liên quan đến cuộc đời họ đều do ông trời sắp đặt, định sẵn, không thể thay đổi, cãi lại được. Nói dễ hiểu hơn là số mạng như cái khuôn làm bánh, cái khuôn như thế nào thì cái bánh như thế ấy không thể khác được. Quan điểm đó đã ăn sâu vào tận xương tủy của mọi người suốt mấy ngàn năm nay nên không ít người vẫn đều tin như thế. Mọi chuyện giàu nghèo, sang hèn, tốt xấu, hay dở, thành bại trong cuộc sống đều do... ý trời định hết!

Trong *Truyện Kiều*, cụ Nguyễn Du viết:

*Cho hay muôn sự tại trời
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao
Có đâu thiên vị người nào.*

Còn nghiệp là một trong những khái niệm quan trọng của triết học Ấn Độ cổ đại, có nghĩa là hành động, là sự tác động qua lại của sự vật và biến cố trong vũ trụ. Phật Thích-ca đã phát hiện nó cũng là mối liên hệ động lực của con người nên Ngài từ bỏ ý nghĩa truyền thống ban đầu, đưa nó xuống bình diện con người và giảng giải lại một cách mới mẻ, năng động và trực tiếp mang tính tâm lý. Từ đó nghiệp có nghĩa mới là ý nghĩ, lời nói, việc làm của con người; hay còn gọi là ý nghiệp, khẩu nghiệp và thân nghiệp. Nghiệp tạo ra nhân, nhân sinh ra quả tạo thành chuỗi mắt xích nhân quả vô tận trong cuộc sống con người. Nghiệp có thiện có ác, nghiệp thiện sanh ra nhân quả thiện, nghiệp ác sanh ra nhân quả ác.

Cũng trong *Truyện Kiều*, cụ Nguyễn Du đã viết về nghiệp như sau:

*Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều
Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm
Lấy tình thâm trả tình thâm
Bán mình đã động hiểu tâm đến trời
Hại một người cứu muôn người
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng*

Thừa công đức ấy ai bằng.

...

*Bán mình là hiếu cứu người là nhân
Một lòng vì nước vì dân
Âm công cất một đồng cân đã già
Đoạn trường số rút tên ra
Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau
Còn nhiều hưởng thụ dài lâu
Duyên xưa đầy đặn phúc sau dồi dào.*

...

*Những người bạc ác tình ma
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương.
Rồi cụ kết luận:
Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiện căn vốn tại lòng ta
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Qua hai giải thích trên cho thấy số mạng tương đương với nghiệp, chỉ khác nhau ở cách nhìn và cách đặt vấn đề. Tuy nhiên, nói đến số mạng, dù có khắc nghiệt đến đâu vẫn nghe nhẹ nhàng, dễ chấp nhận, bởi lẽ nó có ý nghĩa thụ động, bị ông trời đặt để, con người muốn hay không đều không được. Còn nói đến nghiệp (nhất là nghiệp dữ) thì nghe nặng nề hơn, khó chấp nhận hơn vì nó có ý nghĩa chủ động, do con người tạo ra, mà tạo nghiệp gì thì hưởng quả nấy là lẽ đương nhiên. Chính vì thế mà người ta rất dễ bị mặc cảm, khó chịu khi nghe người khác nói đến khái niệm nghiệp trước hoàn cảnh không mấy tốt đẹp của họ. Trường hợp của Liêm là một bằng chứng thiết thực dù nó biết rõ điều đó mà vẫn cố phủ nhận và sùng sộ với tôi.

Đạo Phật truyền vào nước ta hơn hai ngàn năm, cùng song song tồn tại và phát triển với đạo Khổng, đạo Lão. Tuy nhiên, giáo lý về nghiệp có lẽ chưa được truyền bá sâu rộng, nhân dân chưa thấm nhuần nên nó chưa đánh bại được khái niệm số mạng trong lòng họ. Ngay thời hiện đại mà nhiều người vẫn còn tin có ông trời, vẫn còn tin số mạng của mình do trời định chứ không tin vào cái nghiệp do chính mình tạo ra. Đặt niềm tin vào số mạng dễ dẫn người ta đến bi quan chán nản, thiếu ý chí phấn đấu, buông xuôi. Cũng có người quẩn trí làm liều, tạo nghiệp dữ để mong vượt lên số mạng. Còn đặt niềm tin vào nghiệp, người ta có thể thay đổi cuộc sống của mình tốt đẹp hơn bằng cách chuyển nghiệp dữ sang nghiệp lành.

Sự việc xảy ra tuy nhỏ nhưng đã dạy tôi bài học lớn về đối nhân xử thế. Tôi sẽ dè dặt, cẩn thận hơn đối với từng đối tượng và từng trường hợp tương tự dù cho những lời tôi nói là sự thật một trăm phần trăm. Muốn biết nhân trước của mình, hãy nhìn vào sự hưởng thụ hôm nay; muốn biết quả sau của mình, hãy nhìn vào việc mình làm hiện tại (*Dục tri tiền thế nhân, kim sinh thụ quả thị. Dục tri lai thế quả, kim sinh tác giả thị*). ■



facebook.

Hai gành phiền não

Mạng xã hội Facebook có chế độ chặn những người mà mình không thích, có nghĩa là mình sẽ hoàn toàn không thấy họ và họ cũng hoàn toàn không thấy mình. Nhiều người thấy tiện, thấy hay. Bởi người mình không thích thì cứ... chặn cho khỏe, khỏi phải mất công nhìn thấy họ rồi lại bực bội: *"Nhìn bản mặt thấy ghét!"*.

Thỉnh thoảng tôi thấy một số bạn bè Facebook chụp hình lại danh sách chặn của họ rồi đăng lên trang cá nhân kèm lời chú thích đại khái như: đây là kết cuộc của những kẻ khó ưa!

Ở đây tôi chỉ xin bàn về những trường hợp chặn vì ghét, chứ không nói đến những trường hợp chặn vì bị làm phiền. Nhiều người nghĩ rằng khi chặn những người mình ghét trên Facebook có nghĩa là mình đã tránh được sự khó chịu. Thật ra không phải bạn đang tránh sự khó chịu đâu, mà dường như bạn đang cố trốn tránh lòng oán ghét của mình.

Có phải bạn đang nuôi dưỡng lòng oán ghét tiềm tàng? Nhìn thử xem, khi liệt ai đó vào danh sách chặn, có nghĩa là người này trở thành "phần tử nguy hiểm" trong mắt bạn, mặc dù không còn thấy họ trên Facebook, nhưng khi cái tên đó vẫn nằm mãi trong danh sách chặn tức là nó sẽ mãi nhắc nhở bạn rằng: *"Tôi ghét hẳn"*. Mở danh sách chặn ra, bạn gặp tên

người đó. Không mở danh sách chặn, bạn cũng nhớ rằng mình đã chặn người đó.

Như vậy thì dù sao đi nữa, khi chặn một ai đó sẽ đồng nghĩa với việc bạn mãi mãi nuôi lòng oán ghét người này, chứ làm sao quên được? Chặn một người chẳng qua là nhắc nhở chính mình phải ghét họ. Danh sách chặn chính là bằng chứng cho sự tồn tại lòng hận thù trong bản thân mình. Khi nào bạn còn đưa người khác vào danh sách chặn của Facebook hay "danh sách ghét" của lòng, tức là bạn còn nuôi dưỡng lòng oán ghét. Điều bạn muốn quên chẳng qua là đối tượng mình ghét, chứ không phải quên đi lòng oán ghét.

Người bị ghét khổ là phải, vì họ bị người khác ghét nên khổ là đúng rồi. Song, người chủ ghét người khác, sao cũng khổ? Có bao giờ chúng ta nghe ai nói: *"Tôi sung sướng khi tôi ghét hẳn"* chưa? Toàn là khổ! Thí dụ nhé, bạn đang dạo bộ ở công viên, bỗng dưng gặp người mình ghét cay ghét đắng, tự dưng cuộc dạo bộ mất hết không khí vui tươi, bạn đâm ra bực dọc. Dù người này không nói gì đến bạn, thậm chí có thể không nhìn thấy bạn, nhưng hể ghét rồi thì gặp mặt cũng đã cảm thấy... khó ưa. Rõ ràng là không ai gieo rắc phiền não cho bạn, tự bạn đang tìm kiếm phiền não để ôm vào người.

Thấy rõ oán ghét là hại mình hại người, khổ mình khổ người, nhưng chúng ta vẫn cứ khăng khăng ôm



VĨNH THÔNG

về nhà những chiếc ba-lô mang tên “thù hận”, rồi cất kỹ trong tủ, khóa lại cẩn thận. Đến khi sức khỏe đã quá tệ, không còn đủ khả năng mang những ba-lô đó về nhà nữa, thì mình cũng sắp từ giã cuộc đời rồi. Cả cuộc đời, chỉ toàn mang về cho mình sự khổ đau!

Thay vì trốn tránh, tôi nghĩ bạn nên hãy tập chấp nhận.

Buông bỏ lòng oán ghét nghĩa là đối diện với người đó mà cảm xúc oán ghét trong lòng mình không còn tồn tại hoặc không phát sinh trở lại. Chỉ khi nào bạn không chặn họ, thấy họ hàng ngày trên Facebook, phát hiện họ vẫn có những điểm tốt, không quá đáng ghét, cái ghét trong bạn từ từ loãng dần rồi tan hẳn, đó mới là buông bỏ lòng oán ghét. Khi nào danh sách chặn trên Facebook rỗng và “danh sách ghét” của lòng cũng rỗng, bạn mới thực sự thành thơi.

Bỏ qua, không có nghĩa là tôi khuyên bạn nên tha thứ hay khoan dung. Bởi, bạn có chắc rằng mình là người đúng hay không mà đòi khoan dung kẻ khác? Khi nào đối phương sai ta mới có thể khoan dung, còn trong những trường hợp không thể chắc rằng ai đúng ai sai thì làm sao mình đòi quyền được khoan dung người khác? Bất đồng ý kiến về một quan điểm gì đó, có thể sẽ có kẻ đúng người sai. Nhưng có những thứ bất đồng không thể phân chia đúng sai.

Người nói ít, người nói nhiều, người nghiêm túc, người đùa cợt, người lạnh lùng, người phấn khởi...

điều đó không làm cho con người ta trở nên đúng hoặc sai, bởi đó là bản chất. Người nghiêm túc mà đối phương cợt đùa, không có nghĩa là mình đúng còn họ sai. Như ớt phải cay, muối phải mặn, đường phải ngọt, chanh phải chua... đó là bản chất, không thể bắt ép phải thay đổi được, càng không có cái gọi là đúng sai. Trăm ngàn người có trăm ngàn tính cách, người ta sẽ là người “đúng” khi sống đúng với tính cách của họ và bạn sẽ là người “sai” khi bắt người khác phải sống theo ý muốn của mình.

Tôi cũng không kêu gọi bạn hãy đừng ghét nữa, hãy yêu thương đi... tôi không hô hào kiểu đó. Mà là, hãy tập thay đổi thái độ nhìn nhận người khác đi. Để làm chi? Không phải vì họ, mà là vì mình, mình sẽ tìm được sự thoải mái cho lòng mình. Thay đổi thế nào? Đọc những trạng thái, bình luận, tin nhắn... mà không thấy nó khiến mình phải ghét người viết. Khi đọc một câu nào đó mà thấy khó chịu, có thể là lỗi của người viết, nhưng biết đâu cũng có thể là do chính bạn vì đã quá khó khăn và cố chấp.

Với cá nhân tôi, tôi nghĩ rằng trong giao tiếp không cần phải quá khắt khe, giáo điều. Người ta có thể nói chuyện lễ phép dạ dạ thưa thưa với bạn, nhưng có chắc rằng sau lưng bạn họ không nói xấu hay chửi bới? Có thể một người thốt ra một câu hơi mất lịch sự với bạn, khi nhận ra thì người này cảm thấy hối hận. Trong khi đó, bạn lại chấp vào câu nói kia để hờn giận, ghét bỏ. Nếu cả hai đều buông được, người kia không chấp câu nói đó để buồn, bạn không chấp câu nói đó để giận, thì chẳng phải cả hai đều thoải mái sao? Lời nói nhìn cho rất ráo thì chúng lại... chẳng nói lên được điều gì cả, con người sống đâu phải vì mục đích chấp vào lời nói để phán xét nhau.

Nếu có mười việc bắt gặp trong ngày, ta cảm nhận tám việc dễ chịu và hai việc khó chịu, thì đời sẽ đẹp biết bao. Nhưng rất tiếc nhiều người lại cảm nhận ngược lại. Chúng ta luôn thấy mọi thứ xung quanh mình khó ưa nhiều hơn là dễ thương. Gọi vui thì đó là hội chúng “nhìn đâu cũng thấy khó ưa”.

Trên đời vốn không có cái gì khó ưa hay dễ thương, mà chỉ có con người nhìn chúng với thái độ dễ thương hay khó ưa. Như một loài hoa ra đời sẽ tự mặc định về màu sắc, nhưng chúng không mặc định cho mình phải xấu hơn hoa này hay đẹp hơn hoa khác, cũng không một đấng thần linh nào mặc định cho chúng như thế. Tất cả chỉ là do con người tự ý xếp đặt một cách độc tài, rằng hoa hồng thì đẹp hơn bông vạn thọ chẳng hạn. Trong cuộc sống, sự đánh giá tốt xấu rồi cuộc đời từ cái nhìn của từng cá nhân.

Người khác mang phiền não đến cho mình cũng đủ để mình mệt lắm rồi, mình ngu dại gì mà lại còn tự rước phiền não cho bản thân. Hai gánh phiền não, một của “tha nhân” và một của “tự thân”, mang chi mà nặng vậy? ■

Thấp thoáng lời kinh

Ai có thể thờ giùm ai?

ĐỖ HỒNG NGỌC

Hai ngàn sáu trăm năm trước, một nhà minh triết phương Đông - Đức Phật - bảo đừng vội tin, đến ném thử đi rồi biết! Đến là thực hành. Ném thử là cảm nhận. Phải tự mình thực hành và tự mình cảm nhận. Không thể nhờ ai khác. Rồi Ngài vạch ra một con đường “thoát khổ” cho chúng sanh.

“Đây là con đường độc nhất dẫn tới thanh tịnh cho chúng sanh, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng đắc Niết-bàn...”

Có một con đường như vậy thật ư? Phật nói chắc là phải có rồi. Nói từ hồi bắt đầu dạy những bài học đầu tiên cho đến lúc sắp nhập Niết-bàn. Nói đi nói lại. Sợ người ta quên. Sợ người ta coi nhẹ, mãi mê chạy theo những “hí luận” nọ kia... Đó là thiền *Tứ niệm xứ* (Satipathana), thân-thọ-tâm-pháp. Rồi hình như thấy Tứ niệm xứ hãy còn có vẻ phức tạp quá, Ngài giản lược vào Thân hành niệm, rồi lại giản lược lần nữa cho phổ cập đến tất cả mọi người: Anapanasati (còn gọi là An-ban thủ ý, Nhập tức xuất tức niệm) để ai ai cũng có thể tiếp cận mà thực hành con đường “giải thoát”, bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào.

Ana là thờ vào, Apana là thờ ra và Sati là niệm, là nhớ, nghĩ. Nhớ nghĩ về sự thờ vào thờ ra. Chỉ có vậy thôi sao? Chỉ có vậy. Mà vô vàn. Mà “bất khả tư nghĩ”.

Đừng vội tin. Đến ném thử đi rồi biết.

“... Và này các Tỳ-kheo, như thế nào là tu tập nhập tức xuất tức niệm? Ở đây vị Tỳ-kheo đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngôi kiết-già, lưng thẳng và trú niệm trước mặt. Chánh niệm vị ấy thờ vô; chánh niệm vị ấy thờ

ra. Thờ vô dài, vị ấy biết: ‘Tôi thờ vô dài’ hay thờ ra dài, vị ấy biết: ‘Tôi thờ ra dài’ Hay thờ vô ngắn, vị ấy biết: ‘Tôi thờ vô ngắn’ Hay thờ ra ngắn, vị ấy biết: ‘Tôi thờ ra ngắn’...”

(Anapanasatisutta, Thích Minh Châu dịch)

Tôi đến với thiền khá trẻ, gần tuổi 60. Trước đó, những năm hai mươi tuổi tôi cũng có đọc thiền, biết thiền qua sách vở, qua Krishnamurti, Suzuki, thầy Minh Châu, thầy Nhất Hạnh... nhưng đọc để biết, để có kiến thức thể thôi. Tôi cảm thấy thiền là cái gì đó huyền bí xa vời, dành riêng cho một giới nào đó, có phần mê tín dị đoan nữa nên “kính nhi viễn chi”. Tôi là một thầy thuốc, một bác sĩ y khoa, tốt nghiệp gần nửa thế kỷ rồi, học cái khoa học thực nghiệm, nhiều năm làm ở khoa Cấp cứu bệnh viện rồi làm Giáo dục sức khỏe, tham gia giảng dạy, viết sách, báo..., làm việc như điên; cho đến một hôm người ta phải đưa tôi vào bệnh viện để mổ sọ não vì tai biến. Từ lúc lơ mơ đến lúc tỉnh dậy ở phòng hồi sức... hình như tôi đã trải qua một cuộc... phiêu lưu kỳ thú! Khi bước đi được những bước đầu tiên lảo đảo như một em bé trên nền đất, tôi thấy quả là phép lạ. Tôi nhìn tôi trong gương với cái đầu trọc lóc và thấy tức cười. Tôi đó ư? Đồng nghiệp ai cũng thương cho thật nhiều thuốc. Tôi chọn dùng một thứ duy nhất bởi biết bệnh mình không thể chữa bằng thuốc. Phải đi tìm một con đường khác. Rồi tôi đọc lại thiền, đọc lại *Tâm Kinh Bát-nhã*: “Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách...” Những câu kinh xưa mịt mờ bây giờ bỗng sáng rõ với tôi. Phải rồi. Phải tự tại thôi. Phải dựa vào chính mình thôi. Phải

thực hành thôi. Tôi vừa tìm hiểu kinh thư vừa lục toang đồng sách y khoa đã học từ mấy chục năm trước để tìm kiếm. Thì ra có sẵn một con đường mà bấy lâu mình xa lạ. “*Thở vào thì biết thở vào, thở ra thì biết thở ra...*” Chỉ có vậy thôi sao? Tin được không? Tìm hiểu thấu đáo, thực hành “miền mật” thì quả là có cơ sở để tin.

Gần đây ngày càng nhiều nhà y sinh học, tâm lý học, hợp tác cùng các nhà sư, dùng những kỹ thuật mới như EEG, PET, fMRI... hy vọng khám phá những “bí nhiệm” của Thiền thì “thiền” nở rộ như nấm gặp mưa, đến nỗi gây ra không ít hoang mang, ngỡ vực! Thực ra, đưa kỹ thuật vào khảo sát thiền chỉ có thể thấy được một góc cạnh nào đó thôi, vì đằng sau còn biết bao điều “bất khả thuyết”!

Câu hỏi đặt ra là tại sao chọn hơi thở làm đối tượng thiền? Tại sao không chọn một đối tượng nào khác?

Thực ra, chọn đối tượng nào cũng tốt cả, đất nước gió lửa... gì cũng tốt cả, nhưng chọn hơi thở để thiền thì tốt hơn.

Hơi thở dễ thấy nhất vì nó nằm ngay trước mũi mình, ngay trước mắt mình!

Lúc nào cũng phải thở. Ở đâu cũng phải thở. Mỗi phút thở cả chục lần nên để có cơ hội quán sát hơn. Thở lúc mau lúc chậm. Lúc ngắn lúc dài. Lúc phì phò lúc êm dịu, luôn thay đổi.

Khi thở chỉ mình mình biết, chỉ mình mình hay, chẳng “làm phiền” ai!

Thở vô thức. Lúc ngủ say vẫn thở. Trung khu hô hấp nằm ở hành não, cầu não, bên dưới và bên ngoài vỏ não... Thở không cần ta. Thở ở ngoài ta.

Thở là cầu nối giữa thân với tâm. Lúc sợ hãi, thở hỗn hển. Lúc sáng khoái, thở lâng lâng. Lúc mệt, thở đứt hơi, lúc khỏe, thở khoan thai.

Thở luôn trong thì hiện tại, ở đây và bây giờ, không có thở của hôm qua hay của ngày mai.

Và, đời người thực ra chỉ là... một hơi thở! Lúc chào đời hít mạnh một hơi vào phổi để rời khi lia đời, thở hắt ra một cái: trả lại những gì mình đã vay mượn tạm!

Gần hai mươi năm nay, tôi đến với thiền Anapanasati bằng cách riêng của mình. Khi có dịp chia sẻ, trao đổi, tôi thường nêu 3 giai đoạn thiền tập từ kinh nghiệm bản thân:

1/ Thở bụng, 2/ Chánh niệm hơi thở, và 3/ Quán niệm hơi thở.

Thở bụng đúng cách đã có thể giúp cải thiện sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống; Chánh niệm hơi thở có thể đưa đến “diệt trừ khổ ưu” và Quán niệm hơi thở thì dẫn đến “thành tựu chánh trí”!

Thở bụng

Nói đến thở, ta nghĩ ngay đến ngực. Thiết ra, thở ở bụng chớ không phải ở ngực. Thở bụng (abdominal breathing) hay còn gọi là thở cơ hoành (diaphragmatic breathing) là cách thở sinh lý nhất. Nhìn một em bé

ngủ say thì biết. Chỉ có bụng phình lên xẹp xuống. Nhìn con ếch, con thằn lằn thì biết.

Thiền tập Anapanasati nên bắt đầu bằng thở bụng. Có vị thiền sư nói về thiền. Thiền hả? Là phình xẹp, phình xẹp, phình xẹp...! Dĩ nhiên ở giai đoạn thiền sâu hơn thì thậm chí không còn thấy “phình xẹp” gì nữa cả!

Phổi ta như một cái máy bơm, lồng ngực như cái xy-lanh (cylindre), cơ hoành là cơ hô hấp chính, như một cái pit-tông (piston) thụt lên thụt xuống (giống bể lò rèn). Cơ hoành có thể nhích lên xuống khoảng 7-8cm, mà mỗi 1cm đã hút vào hoặc đẩy ra 250ml không khí. Lúc bình thường cơ hoành chỉ cần nhích lên xuống 1,5cm là đủ... sống. Khi áp suất âm trong phổi thì khí bên ngoài tự động lùa vào, tuôn vào, lấp đầy phổi và các phế nang, cho đến một lúc lượng khí bên trong đầy dần lên thì chuyển sang áp suất cân bằng nhau, hay nói cách khác, áp suất bằng không (0 = zéro), thì khí bên trong cơ thể và bên ngoài vũ trụ chan hòa thành một, không phân biệt.

Hô hấp thật sự không xảy ra ở phổi mà ở trong từng tế bào. Do vậy mà khi ta có cách nào đó điều chỉnh được lượng khí ra vào, hiệu ứng sẽ tác động đến từng tế bào riêng lẻ.

Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện kể chuyện trong lúc nằm chờ chết trên giường bệnh ở Pháp khi các bác sĩ Pháp lúc đó bảo ông chỉ còn có thể sống không quá hai năm, ông đã thực hành “thở bụng” sau khi tìm hiểu các phương pháp thở của khí công, dưỡng sinh, thiền, yoga của phương Đông và kết quả là ông đã sống thêm... 50 năm nữa và làm được rất nhiều việc có ích cho đời. Tôi may mắn được ông truyền thụ trực tiếp do cùng làm việc chung ở Bộ môn Tâm lý - Xã hội học ở trường Y nhưng cũng không dám tin, cho đến khi nằm bệnh mới thấy ừ nhỉ, sao không thử xem. Cùng lúc tôi cũng tham khảo thêm các đồng nghiệp phương Tây như Dean Ornish, Deepak Chopra đã đưa phương pháp thở bụng, thở cơ hoành vào các chương trình điều trị tim mạch, trị liệu toàn diện qua các nghiên cứu đối chứng nghiêm túc, đáng tin cậy về phương diện thống kê y học.

Chánh niệm hơi thở

“... Chánh niệm vị ấy thở vô; chánh niệm vị ấy thở ra...”

Niệm là nhớ, là nghĩ. Chánh niệm hơi thở là tâm ý chỉ “nhớ, nghĩ” đến hơi thở đang vào, đang ra chớ không để tâm ý đi lang xăng nơi này nơi khác. Chỉ có vậy. Tưởng dễ mà không dễ. Tâm ý vốn khoái lang bang, lang xăng trăm nghìn thứ, bay nhảy như khỉ như ngựa (tâm viên ý mã) không ngưng nghĩ. Lúc thì lòng tham nổi lên, tính toán toan toan.

Một đời lặn độn đo rồi đếm

Mỏi gối người đi đứng lại ngồi!!”

(Bùi Giáng)

Lúc thì sân giận ào ào đến, rồi dần vật, rồi lo âu, nghi kỵ, ngờ vực, hoang mang... Tiêu tốn biết bao nhiêu năng lượng cho những chuyện vô bổ đó! Bộ não chỉ chiếm có 2% thể trọng mà tiêu hao Oxygen đến 25-30%, phần lớn cho những chuyện “nhảm nhí” vô bổ này. Nếu chánh niệm được vào hơi thở thì những thứ tham, sân, nghi, lãng xăng, bực dọc kia... sẽ âm thầm lặn đi rồi... biến mất!

Đây chính là “thiền chỉ” (samatha). “Chỉ” là ngưng. Ngưng sự lãng xăng của tâm ý. Ngưng sự bứt rứt của cơ thể.

Chánh niệm vào hơi thở cách nào? “*Thở vô dài, biết thở vô dài. Thở ra dài, biết thở ra dài. Thở vô ngắn biết thở vô ngắn. Thở ra ngắn biết thở ra ngắn*”. Chỉ có vậy. Chữ “biết” ở đây có thể gây hiểu lầm. “Biết” ở đây không phải là “biết” mà là *nhận thức được* (recognize), *ý thức rõ* (realize), *cảm nhận được* (perceive) cái sự thở, cái hơi thở đang đi vào và đang đi ra, lúc dài lúc ngắn lúc sâu lúc cạn kia kia. Nhận thức, ý thức, cảm nhận, ấy chính là niệm (nhớ) về sự thở, về hơi thở. Vô não ta có cái hay: vùng này được kích hoạt thì vùng khác tắt ngấm. Đã nghĩ tới điều này thì không thể *cùng lúc* nghĩ tới điều khác. Nhờ đó mà ta giải thoát tâm ta khỏi những vướng mắc lãng xăng, tiêu tốn năng lượng vô ích! “Nhất tâm bất loạn” là vậy. Điều này dẫn tới “diệt trừ khổ ưu”, giải thoát tâm vậy.

Quán niệm hơi thở

Quán niệm hơi thở chính là “thiền quán” (vipassana). “Quán” không còn là “dõi theo” hơi thở đơn thuần nữa mà đã có sự phân tích, soi sáng (quán chiếu) dưới nhiều góc cạnh khác nhau để nhìn cho ra những điều mà bình thường không “thấy biết”. Cái thấy biết bấy giờ đã vượt khỏi cái trình hiện, cái giả tướng bên ngoài để nhìn được cái thực tướng bên trong, bên bờ kia. Và cái thấy “như thực” đó đã làm cho Huệ Năng sững sốt reo lên: Thì ra vậy! Không ngờ... không ngờ...

Vì, tiếp đầu ngữ có nghĩa là “một cách khác”, “một cách đặc biệt”, còn *passana* là “thấy”, là “biết”. Vipassana là thấy biết một cách khác, một cách đặc biệt! Một chiếc lá vàng rơi, người thi sĩ có thể thấy cả mùa thu, thấy con nai vàng ngơ ngác, nhưng người có quán chiếu lại thấy sự vô thường, vô ngã, sự bất sinh bất diệt...

Khi vào sâu trong định, hành giả sẽ không cảm nhận mình thở nữa. Hơi thở nhẹ gần như ngưng bật. An tịnh. Hòa tan. Tan biến. Đó chính là quãng lặng ở cuối *thở ra* - thường kéo dài, thông dong, nhẹ nhàng, yên tĩnh, vì không tốn năng lượng. Như chim lượn bay, không phải vỗ cánh, như xe ngon trốn chạy ở số không, không tốn nhiên liệu! Đó chính là giai đoạn “Prana”. *Pra* có nghĩa là trước và *Ana* là thở vào (trước *thở vào* cũng có nghĩa là sau *thở ra*). Có thể nói đến một phương pháp thiền “Pranasati” ở đây chẳng, nghĩa là đặt “niệm” vào quãng lặng, và thực chất đến một lúc cũng không

còn cả “niệm”! Những hành giả giàu kinh nghiệm cho biết có thể vào *định* ngay hơi thở đầu tiên có lẽ nhờ rèn tập mà quãng lặng ngày càng dài ra, mệnh mông ra như không còn biên giới, như hòa tan vào hư không, lắng đọng, thanh thoát. Lúc đó sẽ không còn ý niệm về không gian, thời gian, về ta, về người...

Thiền tập: “... *đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết già, lưng thẳng và trú niệm trước mặt...*”

Tim một chỗ yên tĩnh để thiền tập thì tốt nhưng không nhất thiết phải dưới gốc cây hay ngôi nhà trống. Đó là nói cho các vị “Tỳ-kheo”. Còn ta có thể ngồi ở một góc nào đó trong nhà cũng được. Ngay chỗ ồn ào náo nhiệt, giữa chợ búa, bến xe, sân bay... vẫn có thể “thiền định” được. “Ngoài không dính mắc là thiền, trong không lay động là định” (Huệ Năng). Cũng không nhất thiết phải ngồi, không nhất thiết phải kiết-già, bán-già. Đi đứng nằm ngồi gì cũng được, vì đi đứng nằm ngồi gì cũng phải... thở mà! Miễn là thoải mái, dễ chịu. Dù vậy, nếu ngồi tréo chân (kiết-già, bán-già) được thì tốt, giúp các cơ bắp thư giãn, đổi chiều co thắt.

Giữ lưng thẳng rất quan trọng. Ta dễ bị cong vẹo cột sống, đau thắt lưng, đau cột sống cổ nếu ngồi không đúng tư thế. Ngồi trước máy vi tính, lạy Phật... không đúng tư thế cũng sẽ bị đau thắt lưng, đau cột sống cổ như vậy. Một yếu tố rất quyết định là *thả lỏng toàn thân* - như thả trôi theo dòng nước hay treo thân trên móc áo. Thả lỏng toàn thân là làm cho toàn thân như rú xuống, xẹp xuống, bình bông, không còn căng cứng nữa! Tiêu hao năng lượng cho trương lực cơ (tonus musculaire) rất cao (khoảng 40% Oxygen), nên thả lỏng là giúp giảm đáng kể tiêu hao năng lượng do căng cơ.

Trú niệm trước mặt là không để “niệm” chạy lãng xăng. Buộc nó lại bằng cách chánh niệm vào hơi thở. “Thở” đến đâu biết đến đó. “Dõi theo” hơi thở vào hơi thở ra đó thì tâm ý không buông lung nữa. Từ từ thôi, đừng nóng vội. Thất bại thường do nóng vội. Cứ thoải mái. Đừng đặt “chỉ tiêu kế hoạch” gì ở đây.

Khi cơ thể đã chùng xuống, khi tiêu hao năng lượng đã giảm một cách đáng kể rồi thì cũng sẽ bớt nhu cầu phải cung cấp các dưỡng chất qua thức ăn! Ăn ít mà vẫn đáp ứng thì cơ thể đỡ vất vả, các tế bào đỡ hùng hục làm việc. Các nghiên cứu trên sinh vật bị cho nhịn đói vừa phải thấy sống lâu hơn và trẻ lâu hơn!

... Ở đây vị Tỳ-kheo đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng và trú niệm trước mặt. Chánh niệm vị ấy thở vô; chánh niệm vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy biết: “Tôi thở vô dài” hay thở ra dài, vị ấy biết: “Tôi thở ra dài”...

Chỉ có vậy. Mà “bất khả tư nghị”. Ai có thể thở giùm ai? Ai có thể thiền giùm ai? Cho nên chỉ có thể nương tựa vào chính mình thôi. “Duy ngã độc tôn” thôi vậy!

“*Trời cao đất rộng / một mình tôi đi / một mình tôi đi.*

Đời như vô tận / một mình tôi về / một mình tôi về... với tôi!” (Trịnh Công Sơn). ■

Đạo đức kinh doanh qua “Kim cổ cách ngôn”

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Lương Văn Can (1854-1927) là một nhà chí sĩ yêu nước đầu thế kỷ XX. Ông có tên tự là Ôn Như, hiệu Sơn Lão; quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Đông.

Đỗ cử nhân năm 20 tuổi (1874); sau đó, ông ra Hà Nội dạy học. Tháng 3 năm 1907 ông và các sĩ phu cùng chí hướng với Phan Bội Châu lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục để khai mở dân trí, cổ vũ tinh thần yêu nước của thanh niên trong những năm đầu thế kỷ XX. Năm 1914, Lương Văn Can và nhiều sĩ phu yêu nước khác bị thực dân Pháp bắt giam và bị đi đày ở Cao Miên (Campuchia).

Tháng 11 năm 1921, ông được giảm án và trở về Hà Nội, tiếp tục dạy học, mở trường Ôn Như và chuyên tâm soạn sách. *Kim cổ cách ngôn* là tác phẩm được ông viết vào những năm cuối đời và xuất bản năm 1925. Sách bao gồm hàng trăm câu cách ngôn của các bậc hiền triết Âu, Á, Mỹ, và được ông dịch ra chữ Hán, phụ chú chữ Quốc ngữ để giảng dạy cho học trò Đông Kinh Nghĩa Thục.

Nội dung sách bao gồm những tư tưởng, những bài học triết lý được chắt lọc từ tinh hoa văn hóa của nhân loại, đề cập đến nhiều mặt của đời sống. Những tư tưởng ông muốn đề cao và trao gửi cho người đọc vừa mang tính truyền thống lại vừa hiện đại, Những cách ngôn về đức cần kiệm, trung thực, độc lập trong suy nghĩ, biết chớp thời cơ, không bỏ qua việc nhỏ, chấp nhận thử thách, coi trọng tín nghĩa, danh dự và thời gian... Những điều đó là kim chỉ nam không những ở thời đại ông mà vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay. Trong lời tựa cuốn sách, ông viết:

“Cổ nhân có ba điều bất hủ: một rằng ‘lập đức’, hai rằng ‘lập công’, ba rằng ‘lập ngôn’. Nay như có đức hạnh để làm tiêu biểu cho người, thì người ta sùng bái vô cùng, có công nghiệp để tế độ cho người, thì người ta nhờ vô cùng, hai sự ấy còn mãi mà không bao giờ nát, nhẽ ấy đã đành rồi. Đến như nhờ nói, chỉ là không ngôn chưa có thực sự, sao cũng gọi là bất hủ? Bởi vì nhờ nói là tiếng

trong bụng, có tư tưởng điều gì thì phát ra nhờ nói, nói ra mà nghĩa lý chính đáng ai ai cũng lấy làm phải, đời đời cũng lấy làm phải, bởi nhờ nói ấy mà lập nên đức tốt thành được công to, thế thời nhờ nói lưu truyền mãi mãi, dẫu muôn đời cũng không đổi, còn bao giờ mà nát mất, chả phải bất hủ là gì?” (Kim cổ..., sđd, tr.3).

Chẳng những ông quan tâm đến cuộc sống của người dân nói chung, mà đặc biệt đối với giới doanh nhân, ông khuyên họ: *“tín dụng tức tư bản”* (chữ tín





chính là vốn liếng); đồng thời ông cũng khuyên những ai đang *nao núng* làm giàu: “*hoàng kim vô chủ, độc sinh ư căn kiệm nhân gia*” (miếng vàng không có giống, chỉ sinh ra ở nhà nào biết cần kiệm).

Ông chỉ rõ: “Bí quyết thành công của nhà kinh doanh là trung thực - nghĩa là nguồn lợi thu về phải theo lẽ tự nhiên, không vì lợi ích mà làm điều xằng bậy hoặc phiêu lưu mạo hiểm. Giả dụ như người tích trữ gạo, vải mà lại mong mất mùa lúa, mùa bông thì đó là cái tâm địa ích kỷ, độc ác. Lại có người kinh doanh chuyên mua thừa bán thiếu, làm hàng giả để đánh tráo hàng thật, cũng bởi lòng tham không cùng mà thôi. Xét kỹ ra, người ta giàu nghèo ở tâm đức, ở lòng ngay thẳng, khoan hậu với người, đấy cũng là phép thuật kinh doanh vậy!...”

Ngoài ra ông còn chỉ ra những rủi ro cần tránh trong kinh doanh. Đặc biệt lời dạy về đạo đức kinh doanh, triết lý kinh doanh và văn hóa doanh nhân theo truyền thống của người Việt.

Theo nhà sử học Dương Trung Quốc, *Kim cổ cách ngôn* là “sách giáo khoa bàn về cách làm giàu và bàn về của cải để mong tìm ra một đạo làm giàu của người Việt Nam mà không bị cuốn vào cơn lốc làm giàu của xã hội thời thuộc địa”.

Có thể nói rằng, trong suốt thời gian dài Lương Văn Can đã “*lập đức, lập công*” bằng những hoạt động thể hiện hoài bão cách mạng của mình, đến cuối đời, ông để lại bản di ngôn cho hậu thế, đó là một cách để “*lập ngôn*” đúng lời ông viết ở đầu sách vậy.

Được biết, năm 2011, bằng sự giúp đỡ của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, cùng với những nỗ lực của Câu lạc bộ Doanh nhân Sài Gòn, Nhà xuất bản Thời Đại đã in lại cuốn sách này theo phông ảnh bản cũ năm 1925. Trong phần thích nghĩa, văn ngôn của ông sử dụng gần 100 năm trước, nên ít nhiều không còn phù hợp với văn nghĩa hiện nay, vì thế trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi xin được trích một số đoạn của tập sách qua bản dịch của ông Phạm Quốc Bằng, đăng trên tạp chí *Hán Nôm* số 1 (18) năm 1994, những tiêu đề này do dịch giả phân đoạn:

Đời người với của cải

Người ta từ sự ăn uống, may mặc đến những việc ở tuổi trưởng thành như trai lấy vợ, gái lấy chồng, chỗ đi mừng, nơi đến viếng đều phải nhờ cậy vào tiền của. Của cải là sự sống của con người. Chính vì vậy khi dùng của cải, phải xem nguồn gốc của nó có trong sáng không, có hợp nghĩa không, tiêu đi có xứng đáng không, hay thái quá hoặc bất cập. Của cải lấy từ trời đất, song phải được làm nên bởi tâm sức của mình. Như đấng quân tử phải lao tâm mà được bổng lộc; kẻ nông phu phải đổ sức ra cấy lúa, trồng dâu, nuôi súc vật; người thợ thủ công làm bách nghệ, kẻ gồng gánh bán buôn thu được tiền của thì của ấy đều là nghĩa cả. Nếu không phải thế thời là phi nghĩa. Nguồn của cải đã trong sáng, thì việc chi tiêu phải có đạo, phải tính toán, cân nhắc việc nhẹ, việc nặng, việc khoan, việc gấp, việc trước việc sau. Việc gì nên chi thời chẳng nên kiệm, việc gì cần phải kiệm thì không được phóng túng. Mọi việc chi tiêu đều phải lấy nghĩa làm trọng. Như bậc quân tử từ xưa tới nay luôn luôn vì nghĩa, chẳng nói lợi mà lợi ở đấy. Còn kẻ tiểu nhân thì chỉ vì lợi, vậy mà lợi chưa thấy lợi, hại đã ở bên trong rồi. Cho nên nói của cải đến bằng con đường vụ lợi, ích kỷ thì nguy hại cho đời người lắm thay!

Ai cũng có nết tin

Người ta bởi cùng khổn, đến nỗi phải chịu thiếu tiền bạc của người, hoặc vay mượn đồ vật của người mà không trả ngay được, thì lập tức bị người ta cho là kẻ xấu. Nếu nhẫn nhục đến kêu xin người ta khoan nhẹ cho, thì liền bị chê trách là bẻm mép. Nếu gấp mà không nói, thì người ta lại cho là lì lợm, gian dối. Tóm lại, chỉ vì thiếu thốn mà không biết cách gì để làm cho hợp ý người được. Ta thiết nghĩ lương tâm, nết tin thật ra ai cũng có. Ai chẳng muốn đến ơn đáp nghĩa, giữ niềm tin. Song chỉ vì túng thiếu mà phải loanh quanh đưa đẩy. Tục ngữ rằng: “Phú quý sinh lễ nghĩa”. Chẳng ai có của mà lại chịu điều thất tín với người!

Kinh doanh phải hiểu nghĩa

Ý nghĩa của hai chữ “kinh doanh” thật là sâu sắc. Như người dân quê chuyên cấy trồng, Người thợ làm bách nghệ, nhà thương gia buôn chuyến hay đứng cửa hàng đại lý... tất cả đều là kinh doanh. Bí quyết thành công đối với nhà kinh doanh là ở sự trung thực. Nghĩa là nguồn lợi thu về phải theo lẽ tự nhiên, đừng bao giờ vì lợi mà làm điều xằng bậy hoặc phiêu lưu mạo hiểm. Giả dụ như người tích trữ gạo, vải mà lại mong mất mùa lúa, mùa bông thì đó là cái tâm địa ích kỷ, độc ác. Lại có người kinh doanh chuyên mua thừa, bán thiếu, làm hàng giả để đánh tráo hàng thật, cũng bởi lòng tham khôn cùng đầy thối. Xét kỹ ra, người ta giàu nghèo là ở tâm đức, ở lòng ngay thẳng, khoan hậu với người, đây cũng là phép thuật kinh doanh vậy! Kia xem những người bụng dạ khắc bạc, trong kinh doanh chỉ chăm chăm lợi mình, hại người, nguồn lợi trước mắt thu về nhiều đấy, vậy mà tương lai con cháu mặt vận. Cũng là bởi đạo trời ban phúc cho người thiện, trừng phạt kẻ gian tà. Vậy nên nhà kinh doanh phải lấy điều đó mà xem xét mình!

Không gì bằng ruộng đất

Xem trong thiên hạ từ xưa đến nay, người ta tàng chứa của cải thường gặp phải lửa cháy, nước dâng hoặc

trộm cướp, giặc giã lấy đi... Người trữ vật báu thì càng sinh nguy, mắc nạn. Như người thôn quê nhà có vài trăm đồng bạc thì đêm ngủ không yên. Duy có ruộng đất thì chẳng lo ngập lụt hỏa hoạn, chẳng lo trộm cướp, giặc giã. Kẻ cường bạo cũng không dễ cướp nổi một thước đất. Dẫu người có sức khỏe xách nổi ngàn cân cũng không có thể gồng ruộng mà chạy được. Ruộng đất chính là vàng mười quý giá mà không người nào phải lo cầm giữ, canh phòng. Ví bằng có gặp cảnh binh lửa, loạn lạc, người ta phải bỏ làng xóm ra đi, nhưng lúc yên hàn lại trở về. Cửa nhà có thể tan nát, song ruộng đất thì đâu vẫn thuộc về đấy. Lại bảo nhau khai khẩn, cấy trồng thì chẳng mấy vụ, sẽ có thể trở nên giàu có. Vậy mới nói: trong thiên hạ không gì quý bằng ruộng đất, người ta cần phải bảo nhau mà giữ lấy!

Răn người đứng trước của cải

Việc làm ra của cải, xưa nay vốn có đạo lý của nó. Bậc chính nhân muốn “trị quốc, bình thiên hạ” cũng phải lấy của cải làm gốc. Người dân bình thường hàng ngày ăn uống, may mặc, tiêu dùng,... không có của thì không được. Song đứng trước của cải, đối với người đời vẫn cần phải răn bảo. Cần răn người lấy của không thuộc quyền sử dụng của mình; răn người thấy lợi mà quên đi điều nghĩa; răn lòng tham không đáy lao theo của cải không biết đường trở lại; răn kẻ gian dối không còn chút lương tâm, hại người để làm lợi cho mình vậy.

Với người nghèo, muốn vươn lên phải chọn nghề cẩn thận. Không nên vì nghèo mà chứa sòng bạc để cám dỗ con em người khác. Không nên nhân buôn bán đổi chác mà làm lẫn của giả lừa lọc người ta.

Kẻ hàn sĩ thì không nên vô đoán, ra vào trong xóm ngoài làng, đương chỗ đất bằng mà sinh sóng gió. Kẻ chen mình vào chốn quan nha thì không nên vì lợi riêng mà làm hại người lương thiện. Không nên kiếm chuyện quấy nhiễu nhân dân, khiến người oan không được rửa oan. Kẻ bình dân thì đừng lừa nhau để chiếm đoạt tài sản của nhau, đừng vay mà chẳng trả, hoặc kiếm có tước đoạt công sức người khác. Ấy toàn điều phải bền lòng giữ lấy đức vậy”...

(Tập chí Hán Nôm 1/1994)

Qua một số nội dung đó, ta thấy những cách ngôn mà Lương Văn Can biên soạn vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay đối với mọi người; trong đó đặc biệt là giới trí thức và doanh nhân là những thành phần được kỳ vọng để tạo nên sự hưng thịnh cho đất nước trong giai đoạn Việt Nam hòa nhập với các nền kinh tế trên thế giới. ■

Tài liệu tham khảo:

- Kim cổ cách ngôn, Ôn Như Lương Văn Can, Nxb Thời Đại & CLB Doanh nhân SG xb, 2011.

- Tập chí Hán Nôm số 1/1994.





Hiệu ứng placebo & nocebo

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Hiệu ứng placebo

Trong quyển sách "Nơi không có bác sĩ" (Where there is no doctor, ở ta dịch và xuất bản với tựa đề: "Chăm sóc sức khỏe"), bác sĩ David Werner, tác giả cuốn sách, đã kể lại một trường hợp: "Có lần tôi thấy bệnh nhân nhức đầu dữ dội. Một phụ nữ đưa anh ta miếng khoai mài bảo rằng đây là thuốc giảm đau rất mạnh. Anh ta tin lời đã ăn nó và kết quả là khỏi đau nhanh chóng".

Ở đây, yếu tố tâm lý của người bệnh đã được tác

động để phát huy tác dụng tích cực của nó. Khi người bệnh được cho dùng một chất nào đó không phải là thuốc, nhưng nếu người đó có sự tin tưởng tuyệt đối đó là thuốc thật, dùng chất đó và khỏi bệnh thì hiện tượng đó được gọi là "hiệu ứng placebo". Trong chừng mực nào đó, có thể ghi nhận hiệu ứng placebo để giải thích những vụ việc liên quan đến việc chữa bệnh "kỳ lạ" mà nhiều người cho rằng khoa học khó có thể giải thích được. Đó là việc dùng nước lạnh, bùa chú, hay

bất cứ thứ gì không phải là thuốc, nói chung là dùng những phương tiện, phương cách không theo y học chính thống, nhưng có sự tin tưởng của người bệnh vào tác dụng của chúng vẫn có thể chữa được bệnh.

“Placebo” xuất phát từ tiếng La-tinh có nghĩa là “Tôi làm vui lòng” ý nói bác sĩ sẽ tác động đến tâm lý của người bệnh, tạo cho họ sự phấn khởi, tin tưởng để mau hết bệnh. Trong quá trình điều trị bệnh, thấy thuốc thường khai thác tối đa yếu tố tâm lý để giúp quá trình bệnh diễn tiến tốt. Bác sĩ có mối quan hệ tốt với bệnh nhân, cung cách khám chữa bệnh đúng mực, nói năng nhẹ nhàng, thân tình giải thích rõ ràng cặn kẽ, sẽ giúp bệnh nhân ổn định về mặt tâm lý và giúp việc điều trị bằng thuốc hoặc bằng phương thức trị liệu nào đó sẽ nhanh và tốt hơn. Không hiếm trường hợp đã xảy ra chỉ vì một lời nói của bác sĩ mà làm cho bệnh của bệnh nhân thêm nặng hơn hoặc giảm đi rõ rệt.

Trong quá trình điều trị bệnh, bác sĩ điều trị có thể cho một thứ thuốc để khai thác hiệu năng placebo. Thí dụ, bệnh nhân bị rối loạn không cần dùng đến thuốc, nhưng lại có tâm lý không thể cưỡng là phải được dùng thuốc, bác sĩ có thể cho dùng vitamin để khai thác tác dụng tích cực của yếu tố tâm lý. Và thuốc trong trường hợp này là chất không có tác dụng chữa bệnh thật sự, được gọi là placebo (ở ta thường được dịch là “giả dược” hoặc “thuốc vờ”). Người bệnh dùng placebo do tin tưởng đó là thuốc chữa bệnh thật sự và có thể khỏi bệnh.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu để tìm ra và sản xuất một thuốc mới, người ta phải loại bỏ hoàn toàn yếu tố tâm lý trong các giai đoạn thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc. Bởi vì, theo định nghĩa, thuốc là những chất có tác dụng thực sự dùng để điều trị, phòng bệnh và chẩn đoán bệnh. “Có tác dụng” nghĩa là thuốc là hóa chất có tác dụng vật chất, hấp thu vào trong cơ thể sau đó được chuyển hóa bài tiết để đạt hiệu quả chữa bệnh, phòng bệnh, chẩn đoán, chứ không phải chỉ dựa vào tin tưởng nào đó mà khỏi bệnh.

Khi nghiên cứu tác dụng của một thuốc mới, để loại trừ yếu tố tâm lý, người ta thường sử dụng phương pháp mù đôi (double blind study).

Trong phương pháp mù đôi, những người bệnh tham gia nghiên cứu được chia làm hai nhóm ngẫu nhiên và giống nhau ở một số đặc điểm (như tuổi tác, giới tính...) một nhóm sẽ được điều trị bằng thuốc cần được thử nghiệm trong nghiên cứu, nhóm thứ hai được điều trị bằng placebo có hình dạng kích cỡ, màu sắc, mùi vị giống như thuốc thật. Thuốc mới thử nghiệm chỉ được đánh giá là có tác dụng thật sự khi nhóm một có tỷ lệ tính theo thống kê là khỏi bệnh, trong khi nhóm hai có tỷ lệ được xem là không khỏi bệnh. Gọi là “mù đôi” vì cả người bệnh lẫn bác sĩ chỉ định thuốc và theo dõi điều trị không biết thuốc nào là thuốc thật, thuốc nào là placebo (người bệnh nhóm hai không được cho biết là dùng placebo, cứ đinh ninh là dùng thuốc thật).

Cần loại bỏ yếu tố tâm lý của cả bệnh nhân dùng thuốc lẫn bác sĩ chỉ định thuốc thì việc nghiên cứu về tác dụng của thuốc mới thật khách quan.

Hiệu ứng nocebo

Hiện tượng placebo, tức là giả dược hay thuốc vờ, chẳng chứa thứ gì là thuốc thật sự chỉ là chất trơ mà lại chữa được bệnh thì thật đáng ngạc nhiên. Nhưng còn có hiện tượng đáng ngạc nhiên hơn là placebo có thể gây tác dụng phụ có hại rất trầm trọng.

Trong một tổng quan vào năm 2013, các nhà y dược học ghi nhận trong 41 thử nghiệm lâm sàng thử thuốc mới trị bệnh Parkinson, có đến 8,8% các trường hợp người tình nguyện dùng placebo bị tác dụng phụ có hại của thuốc. Tức là, trong 100 người dùng placebo không phải thuốc thật, có đến 8-9 người bị các tác dụng phụ của thuốc trị bệnh Parkinson hành hạ: khô miệng, táo bón, buồn nôn, nôn, chóng mặt, mất ngủ, ảo giác, rối loạn trương lực cơ, tăng vận động. Đến độ 8-9 người này chịu không nổi phải bỏ dở cuộc thử nghiệm.

Hiện tượng bị tác dụng phụ có hại của placebo được gọi là hiệu ứng nocebo xảy ra từ lâu, gần như đồng thời với việc phát hiện placebo. Từ “nocebo” do tác giả Walter Kennedy đưa ra vào năm 1961. Nocebo cũng xuất phát từ tiếng La-tinh có nghĩa “Tôi gây hại” đối nghịch với placebo là “Tôi làm vui lòng”.

Khi làm thí nghiệm với placebo, trong khi chờ đợi hiệu ứng placebo thì người ta lại có hiện tượng mà Kennedy gọi là phản ứng nocebo (nocebo reaction). Đối với một chất trơ không phải là thuốc, nếu người bệnh nghĩ đó là thuốc thì có thể bị các tác dụng phụ của thuốc. Tác dụng phụ của placebo được gọi là nocebo có thể là những gì khó chịu đối với cơ thể một cách tổng quát như mệt mỏi, nhưng cũng có thể có tính đặc hiệu, như người dùng placebo định ninh đó là thuốc quinine trị sốt rét sẽ bị ù tai nghe thấy tiếng chuông reo trong lỗ tai (tác dụng phụ của thuốc quinine thật) ở mức chịu không nổi.

Cần lưu ý, placebo có nguyên nghĩa là “Tôi làm vui lòng” cũng có ý cho rằng lời nói, thái độ của bác sĩ có tác động tích cực đến tâm lý của người bệnh, tạo cho họ sự phấn khởi, tin tưởng để mau hết bệnh. Cũng thế, nocebo với nguyên nghĩa “Tôi gây hại” cũng dùng để chỉ lời nói, thái độ của bác sĩ không tốt, gieo sự nghi ngờ sẽ làm bệnh của người bệnh nặng thêm.

Trong một nghiên cứu lâm sàng thực hiện vào năm 1980, một số bệnh nhân sau cuộc mổ (hậu phẫu) được dùng thuốc giảm đau theo yêu cầu (tức có đau mới dùng thuốc). Các bệnh nhân này được chia làm 3 nhóm cho dùng thuốc giảm đau theo yêu cầu là placebo (tức không có tác dụng giảm đau nào hết) trong ba ngày, đặc biệt trước khi cho dùng thuốc bác sĩ dặn dò với 3 kiểu nói.

Nhóm 1, bác sĩ không nói gì cả.

Nhóm 2, bác sĩ nói với người bệnh: “Thuốc giảm đau

được cho dùng có thể là thuốc thật nhưng cũng có thể là placebo”.

Nhóm 3, bác sĩ nói với giọng quyết liệt: “Thuốc giảm đau cho dùng là thuốc cực kỳ tốt”.

Kết quả là nhóm 1 số có người bệnh yêu cầu được dùng thuốc giảm đau nhiều hơn cả, nhóm thứ 2 có số người bệnh yêu cầu dùng thuốc giảm đau giảm hơn nhóm 1 là 20,8%, còn nhóm 3 có số người bệnh yêu cầu dùng thuốc giảm đau giảm hơn nhóm 1 đến 33,8%. Tức lời nói của bác sĩ theo kiểu nào có thể làm bệnh nhân giảm bệnh hay bệnh nặng thêm.

Cơ sở vật chất của placebo và nocebo

Yếu tố tâm lý của con người đã tạo nên hiệu ứng placebo và nocebo. Ngày nay, khoa học đã chứng minh hiệu ứng placebo và nocebo có ảnh hưởng đến não bộ, tức chúng không chỉ tác động về mặt tâm lý mà còn cả về mặt sinh lý.

Người ta đã chứng minh, đối với đau đớn của người bệnh, placebo gây giảm đau hay nocebo làm đau nhiều hơn (hyperalgesia) là do đã tác động làm thay đổi hoạt động chất sinh học có tên cholecystokinin và thụ thể của nó trong não bộ mà các thứ này liên quan đến sự dẫn truyền tín hiệu đau trong cơ thể. Đặc biệt, hiện nay lý thuyết về cơ sở vật chất của hiệu ứng placebo, nocebo được thừa nhận nhiều hơn cả là lý thuyết mô tả hệ thống opioid nội sinh hay còn gọi các endorphin có trong cơ thể con người. Lý thuyết này được tóm tắt như sau.

Khi đưa thuốc giảm đau gây nghiện, cũng là ma túy nếu dùng ngoài mục đích trị liệu, là morphin vô trong cơ thể, thuốc sẽ gây nhiều tác dụng khác nhau như làm giảm đau rất tốt, ức chế hô hấp, kích thích tim, liệt nhu động ruột, gây khoái cảm... nhờ gắn vào các thụ thể có trong cơ thể (nhiều nhất ở não, tủy sống) gọi là thụ thể opioid (opioid receptor). Có thể ví các thụ thể là ổ khóa, morphin hay các opioid nào khác là chìa khóa, chìa tra vô ổ làm khóa mở, tức là gây nên các tác dụng mà tác dụng con người rất mê là mê mê sáng khoái.

Từ năm 1975, người ta tìm thấy hai chất sinh học có trong cơ thể có tác dụng giống như morphin gắn vào các thụ thể opioid. Đó là *Met-enkephalin* và *Leu-enkephalin* và hai chất sinh học này mở đầu cho việc tìm kiếm các chất được sản sinh trong chính cơ thể có tác dụng như morphin gọi là *endorphin* (morphin nội sinh hay opioid nội sinh). Như vậy, ta thấy trong cơ thể ta cũng có ma túy nhưng loại ma túy này hoàn toàn vô hại do chính cơ thể ta sản xuất ra, không thừa và chính nhờ chúng mà cuộc sống ta mới thoải mái hay nói rộng hơn là cảm thấy hạnh phúc. Nếu không có các endorphin, đáng lý đau chút ít sẽ thành đau rất nhiều, cảm thấy cuộc đời khổ sở. Cơ sở của placebo, nocebo chính là các endorphin và các thụ thể của nó. Hiệu ứng placebo tác động làm endorphin sinh ra nhiều hơn và gắn vào thụ thể opioid tốt hơn, và nocebo thì tác động ngược lại.

Placebo, nocebo và chân tâm, vọng tâm

Trong giáo lý Phật giáo có 2 loại tâm: *tâm thiện* tức *chân tâm* và *tâm bất thiện* tức *vọng tâm*.

Khi người Phật tử nói “Sống phải có tâm”, “có tâm” ở đây chính là có chân tâm, thiện tâm, tâm từ bi... Còn khi nói “Phải sống vô tâm” thì vô tâm không có nghĩa là không có tâm gì cả, như cây đá, mà vô tâm ở đây có nghĩa là không có tâm chấp trước vào các sự vật hiện tượng có hại như tâm gian dối, tâm ghen ghét, tâm hận thù, tâm tham lam, tâm không xem trọng sức khỏe và mạng sống của người khác... Hay vô tâm chính là dứt bật vọng tâm.

Chân tâm, vọng tâm là những vấn đề được nêu ra từ thời có Đức Phật mà theo người viết, rõ ràng có sự liên hệ với những vấn đề cốt tủy của lĩnh vực chăm sóc sức khỏe của thời hôm nay, trong đó có placebo và nocebo.

Rất mong các thầy thuốc có “tâm” luôn toàn tâm toàn ý trong công việc chuyên môn, tu dưỡng rèn luyện liên tục kiến thức và kỹ năng của mình, vận dụng rất tốt placebo để đừng bao giờ biến nó thành nocebo gây hại bệnh nhân. ■



Tưởng nhớ

Huynh trưởng Nguyễn Thông Nguyễn Như Danh

LTS: Cố cư sĩ Huynh trưởng cấp Tấn Nguyễn Như Danh, pháp danh Nguyễn Thông, quê quán làng Cẩm Văn, xã Điện Hồng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; sinh ngày 16 tháng 4 năm 1924 tại phường Thái Trạch, Thành nội Huế vừa tạ thế ngày 28 tháng 4 năm 2016 tại Huế, hưởng Thượng thượng thọ 93 tuổi.

Cư sĩ tham gia Gia đình Phật tử từ năm 1951, đã từng kinh qua các nhiệm vụ: Huynh trưởng Gia đình Phật tử Phú Hòa, Thư ký Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Thừa Thiên, Phó Thư ký Ban Hướng dẫn GDPT Trung phần, Đoàn trưởng Đoàn cựu Huynh trưởng GDPT Thừa Thiên-Huế, Thư ký Trường Trung học Bồ Đề - Thành nội Huế.

Cư sĩ là người chấp bút hầu hết các đoạn văn giới thiệu các chương trình ghi âm Phật giáo của Trung tâm Hoa Đàm (một cơ sở truyền thông Phật giáo thành lập năm 1970 do cố Huynh trưởng Tâm Đại Lê Văn Dũng phụ trách). Những đoạn văn của cố Huynh trưởng Nguyễn Như Danh đi cùng với các chương trình ghi âm Hoa Đàm đã lưu truyền mãi đến tận ngày nay bởi một văn phong truyền cảm, ngôn từ dung dị nhưng sâu lắng...

Hòa trong không khí hân hoan kính mừng ngày Đản sanh của Đức Từ Phụ, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo giới thiệu một đoạn văn tiêu biểu của cư sĩ Nguyễn Như Danh đã viết năm 1971, do cố Huynh trưởng Lê Văn Dũng đọc trước sân chùa Từ Đàm nhân mùa Phật đản 2515.

VHPG xin cảm ơn cư sĩ Tâm Ấn Nguyễn Văn Thịnh đã bỏ công chép lại đĩa ghi âm cùng tài liệu do cư sĩ Lê Văn Chính và gia đình cố Huynh trưởng Nguyễn Như Danh cung cấp và gửi cho chúng tôi.

Sau đây là đoạn văn ấy:

Trong không khí trong lành của sớm mai mùa hạ, hương thơm thanh khiết của muôn triệu đóa hoa sen ngào ngạt tỏa khắp trần gian, báo tin vui kỷ niệm Đản sanh Đức Thích-ca Mâu-ni Từ phụ. Hai ngàn năm trăm mười lăm năm, hai ngàn năm trăm mười lăm lần nhân loại hân hoan tỏ bày niềm tri ân và ngưỡng mộ với bậc vĩ nhân vô thượng đã xuất hiện giữa ba ngàn thế giới như vì sao rạng rỡ chói sáng cuộc đời tăm tối khổ đau của chúng sanh. Ngài là đấng minh sư đã giảng dạy con người thấu rõ giá trị và biết phát huy khả năng cùng trí tuệ của mình để tiến bộ, để thoát khỏi vòng nô lệ thần quyền, nô lệ thiên nhiên và nô lệ ngay cả bản thân mình. Ngài là bậc y vương đã đem lại cho thế nhân phương thuốc giải thoát nhiễm mầu, các ràng buộc sống chết, luân hồi. Cao cả như thế, Ngài đã mang lại chúng sanh tình thương rộng lớn, tình thương không phân biệt giai cấp, không hạn hẹp biên cương mà là một tình thương bình đẳng bao la như nước đại dương bao phủ địa cầu. Hơn hai mươi lăm thế kỷ qua, Ánh Đạo Vàng của Thế Tôn tỏa rạng năm châu, đến đâu là lan tràn niềm an vui đến đó. Chưa có một giọt máu nào đã đổ ra nhân danh Phật hay nhân danh giáo lý của Ngài, chưa có một quốc gia dân tộc nào phải bị tiếp nhận đạo Phật sau áp lực của súng đạn, của tiền tài, danh vọng, địa vị, mà thọ nhận trong tinh thần cởi mở, trong tinh thần hòa đồng, an lạc tạo nên một dân tộc tính, một màu sắc văn hóa đặc thù cho quốc gia, xứ sở.

Đức Phật là hiện thân của hòa bình, đạo Phật là đạo hòa bình. Hòa bình như ánh trăng rằm, như bầu trời trong xanh không một gợn mây, như hương thơm đồng

nội, như hơi thở trẻ thơ, như lời cầu kinh chân thành nhất của Phật tín đồ.

"Tâm bình, thế giới bình", Phật đã dạy như vậy. Hãy vứt bỏ con dao thâm độc trong tâm của mi, tức khắc cuộc sống sẽ an lành. Cho đến nay đã không vứt bỏ con dao đục vọng đó, trái lại còn tạo thêm muôn vàn con dao khác cho nên lửa hận thù hung bạo đang thiêu đốt quê hương ta, đang sát hại đồng bào ta. Con người quên mất lời khuyên nhủ của Phật; con người đang cuồng tín xây dựng chiến thắng, vinh quang trên đổ nát, điều tàn của quê hương, trên máu xương của đồng loại.

Hôm nay trước Phật đài trang nghiêm, giữa rừng cờ 5 sắc tung bay, trong không khí ngào ngạt hương hoa, chúng ta chí thành làm lễ kỷ niệm ngày Đản sanh Đức Thích-ca Mâu-ni Từ phụ và với tất cả tấm lòng tha thiết, chúng ta nguyện cầu đất nước chóng được thanh bình, đồng bào sớm thoát cảnh huynh đệ tương tàn và an cư lạc nghiệp; và cũng với tất cả niềm chân thành, chúng ta nguyện không bao giờ để cho ngoại đạo, tà thuyết lung lạc tinh thần, để danh vọng quyền lợi bức thúc mà thiếu chí hướng thượng hoặc phản lại bổn phận hộ trì Chánh pháp của chúng ta. Và bây giờ trầm hương nghi ngút, chuông mõ ngân vang, kính mời liệt vị gạn lọc tâm tư, thể nhập Từ bi quán đón mừng ngày xuân muôn thuở đã trở về với chúng ta trong nắng đẹp một mùa sen tịnh khai.

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật! ■





Cái còn để lại

HOÀNG TÁ THÍCH

Có lần, nhân một cuộc gặp gỡ nhiều người quen biết, trong lúc trà dư tửu hậu về “chuyện đời”, tôi nghe một cô gái nói một câu làm tôi không ngừng suy nghĩ. Cô ta nói: *“Bây giờ em mới thấy khi nằm xuống, chẳng có ai mang theo được cái gì cả. Trái lại, những cái mình đã cho người khác, thì lại vẫn còn”*.

Câu nói này thực ra xưa cũ lắm rồi, đã nhiều người biết, đã nghe và có thể đã từng nói, nhưng không biết có bao nhiêu người làm được cái điều đơn giản đó, nghĩa là không coi trọng vật chất để có thể cho người khác một cách dễ dàng, và đồng thời nghĩ rằng bây giờ cho đi, nhưng khi mình chết đi cái đó vẫn còn đó... Còn đây là còn trong ý nghĩa của cái gọi là không mất đi. Không phải còn cái mình cho, nhưng còn được người ta nhắc đến cái mình đã cho vì cái mình cho đã giúp đỡ được cho họ. Cho có nghĩa là san sẻ cái mình có nhiều mà người khác đang cần. Cho đây là sự chia sẻ, là biểu hiện của tình thương, của tinh thần không tham luyến của cái vật chất, là thấy được mọi vật đều là vô thường, không có gì tồn tại vĩnh viễn cả.

Sở dĩ câu nói đó làm tôi suy nghĩ, vì nó được thốt ra từ miệng của một cô gái còn trẻ, đang sống một cuộc sống đầy đủ, sung sướng, không hiểu sao cô

ta lại có những suy nghĩ già dặn, mà mới nghe qua tưởng như có phần hơi tiêu cực như thế. Vua A-lich-sơn Đại đế ngày xưa, khi sắp chết mới ngộ được hai chữ vô thường, vì hàng trăm bác sĩ tài giỏi dưới trướng chẳng ai có thể cứu ông thoát chết, vàng bạc chẳng có ích gì và khi chết đi thì chỉ còn hai bàn tay trắng. Có điều không biết khi còn oai quyền, sống trên nhung lụa, ông có nghĩ ra điều đó không hay là chỉ khi thấy mình sắp chết mới ngộ được. Chẳng bằng Bill Gates, khi đang còn tiền rừng bạc biển, đã ngộ được chân lý, thấy nếu chết trên đồng tiền của mình là một điều ngu xuẩn, nên hai vợ chồng đã đem hết những gì mình có để giúp đỡ cho nhân loại một cách “không biên giới”.

Người ta có thể ngộ ra một điều là cái gì mình cho người khác vẫn sẽ còn mãi sau khi mình chết, không chỉ của cái mà còn tài năng công sức của mình đã tạo ra những sản phẩm để phục vụ nhân loại, nhưng thực ra sau khi chết rồi thì chẳng ai còn biết gì nữa, nên khi còn sống mà nghĩ được như thế mới đúng là đã ngộ vậy. Anh hùng hy sinh thân xác nơi sa trường để bảo vệ tổ quốc và tên tuổi sẽ được lưu danh sử sách. Dĩ nhiên là khi họ xông pha nơi lửa đạn, đối diện với cái chết, chẳng ai nghĩ đến chuyện sẽ được lưu danh sử sách cả, nhưng đất nước phải biết ơn là chuyện hiển nhiên. Có điều, dù được sử



sách lưu danh, hay ngay cả được tạc những pho tượng để khắc ghi công trạng đối với đất nước, dần dần cũng chỉ là những cái để trang trí thành phố cho đẹp mắt chứ chưa chắc có thể còn nằm mãi trong tâm trí những người mang ơn họ. Steve Jobs đến bây giờ vẫn còn được nhắc tên mỗi lần người ta cầm trên tay cái iPhone hay những sản phẩm Trái táo, chỉ vì những sản phẩm của ông để lại vẫn đang còn thời kỳ sung mãn, chứ nếu một thời gian sau, có những sản phẩm khác ra đời hiện đại hơn thì cái tên Steve Jobs rồi cũng sẽ đi vào quên lãng mà thôi.

Ngày 5 tháng 3 vừa qua, người khai sinh email của mạng internet, Ray Tomlinson, đã qua đời. Hiện nay, hàng tỷ người khắp nơi trên thế giới đang dùng email như một nhu cầu không thể thiếu được, nhưng thử hỏi có mấy ai biết đến cái tên Ray Tomlinson kia đâu.

Nói cho cùng, những người tạo ra những sản phẩm hữu dụng cho đời sau thụ hưởng, thực ra chẳng có ai nghĩ rằng “để người đời sau nhớ đến mình” sau khi chết cả. Họ làm ra sản phẩm vì bản thân họ, nhưng khi chết đi vẫn được người đời nhắc đến. Những người nhìn thấy điều đó, và nghĩ ra được chân lý “cái cho người khác” chính là cái còn lại sau khi mình chết là những người có cái tâm nhân ái hoặc cái tuệ sáng suốt, vì một khi đã chết đi thì chẳng còn biết gì nữa cả. Nhưng chỉ

nói thế thôi, mấy ai dù đã ngộ được chân lý đó thì lại có thể xem nhẹ của cải của mình để đem phân phát cho kẻ khác?

Làm một điều tốt thì thế nào cũng nhận được một quả tốt, và ngược lại. Đó là chân lý của luật nhân quả. Chuyện Phùng Huyền đi đòi nợ cho Mạnh Thường Quân là một điển hình, không phải đợi đến sau khi chết, mà trong khi còn sống vẫn nhận được cái mình đã cho đi.

Mạnh Thường Quân là một nhân sĩ thời Chiến quốc bên Trung Hoa, vừa có tài vừa hào phóng được vua Tế trọng dụng và làm đến chức Tướng quốc, rất giàu có. Ông ta nuôi trong nhà hàng ngàn môn khách. Và cũng vì nuôi rất nhiều môn khách, nên ông cũng cần tiền bạc và đã cho vay để lấy lời. Đất Tiết là nơi Mạnh Thường Quân được phong, con nợ của ông rất nhiều. Có một hôm Mạnh Thường Quân sai một người tâm phúc là Phùng Huyền qua đất Tiết để đòi nợ, nhưng gặp lúc dân làng này đang gặp hoàn cảnh khó khăn, không thu hoạch gì được nên không có tiền trả nợ. Phùng Huyền bèn xóa hết số nợ của Mạnh Thường Quân. Khi về, được chủ hỏi, Phùng Huyền bảo là lấy hết tiền mua hai chữ “Nhân Nghĩa” cho ngài rồi. Mạnh Thường Quân nghe xong chỉ mỉm cười chẳng trách Phùng Huyền một câu nào.

Một thời gian sau, Mạnh Thường Quân bị thất sủng phải rời khỏi kinh thành. Môn khách bỏ đi hết, vì chẳng ai còn muốn lưu luyến với người đã mất hết quyền hành. Phùng Huyền bèn đưa Mạnh Thường Quân đến đất Tiết tạm lánh. Dân chúng trong làng nghe tin đã ra khỏi làng mấy chục dặm để đón rước ân nhân. Lúc đó, Mạnh Thường Quân mới thấy của cải mình cho đi chẳng mất đi đâu mà lại còn nhận được cái quả báu ngay trước mắt.

Làm một điều thiện mà không nghĩ đến phước đức, chỉ do cái tâm mình thì đúng là thiện tâm. Tuy nhiên dù không cần nghĩ đến phước đức thì thế nào cũng sẽ nhận lại được phước báu trả lại. Đó là căn bản của luật nhân quả. Ít nhất là khi ngộ được điều đó, người ta sẽ không còn tham quý vật chất và khi giúp được người khác sẽ thấy lòng được an lạc, đó cũng chính là phước báu. Chỉ thương yêu mà không ghét bỏ hận thù người khác thì bằng chứng trước mắt là trong phút lâm chung, sẽ thấy mình được ra đi một cách thanh thản, nhẹ nhàng.

Một khi đã hiểu được chân lý nhân quả, thì dù không làm được điều thiện, cũng sẽ tránh làm điều ác, tốt cho mình và cả cho người. Chân lý đó, Đức Phật không những đã khai thị cho đệ tử lúc Ngài còn tại thế mà mãi mãi sau khi nhập diệt, vẫn là một chân lý giải thoát cho chúng sanh đến bây giờ.

Chân lý của Đức Phật để lại cho đời sau không phải là của cải vật chất, cũng không phải là một sản phẩm thời đại, mà chỉ là một con đường, nên phải tu tập mới có thể nhìn thấy được. ■

Hai mẫu chuyện, một ước nguyện

CAO HUY TÂN

Nguồn: thanhnien.com.vn

1 Sau thời kinh tối, sư cụ trụ trì chuẩn bị đi ngủ. Bỗng sư cụ thấy xuất hiện ở phía sau mình hình dáng một người đàn ông to lớn. Người đó tay cầm một con dao nhọn dí sau lưng mình, miệng nói như ra lệnh, “Tiền bạc để đâu khai ra, nếu không khai hoặc giấu giếm sẽ biết công dụng của con dao này”. Sư cụ sắc mặt không thay đổi nói, “Tiền bạc của kẻ tu hành không nhiều và để hết trong hộc bàn, người cứ lấy”. Kẻ trộm sau khi lục soát khắp chùa thấy không có gì quý giá bèn lấy hết tiền trong hộc bàn rồi đi ra cửa. Sư cụ nói “Nhà người có thể để lại cho ta ít tiền đủ để mua gạo cho ngày mai được không?”. Ngạc nhiên trước yêu cầu ấy nhưng tên trộm cũng làm theo ý nhà sư và quay gót. Nhưng nhà sư lại một lần nữa nói, “Lấy được tiền mà không cám ơn ta à”. Bực mình ông sư già quá, nhưng thấy cần phải rút lui nhanh nên tên trộm nói cám ơn và biến mất trong màn đêm.

Chẳng lâu sau, dân trong huyện bàn tán về việc bắt được một tên trộm tiền của nhà chùa. Khi sai nha dẫn phạm nhân đến trước mặt, sư cụ nói “Đúng là người này đã vào chùa hôm nọ, nhưng chính tôi đã biểu tiền cho anh ta, bằng chứng là trong hộc bàn vẫn còn tiền, và trước khi ra cửa anh ta còn cám ơn tôi mà”.

Tên trộm được tha bổng. Sau khi bọn sai nha ra về, tên trộm lạy tạ sư cụ và nhất quyết xin ở lại chùa làm đệ tử. Từ đó người ta thấy một chú tiểu lớn tuổi mà hiền lành siêng năng kinh kệ. Chỉ mấy năm sau chú trở thành nhà sư có uy tín trong nhà chùa. Khi sư cụ về với Phật, nhà sư trở thành người trụ trì kế nhiệm nhà chùa.

2 Tại một khu làng quê, có một đôi vợ chồng nhà nghèo sống dựa vào mảnh ruộng nhỏ do cha mẹ để lại. Nhờ hai người bỏ công chăm bón mảnh ruộng và trời không phụ lòng người nên hai người sống đủ ăn. Hai vợ chồng lại có lòng thương người nên thường xuyên tận tình giúp đỡ kẻ khốn cùng.

Một hôm có người hành khát già hom hem đến trước cửa nhà xin ăn. Hai vợ chồng mời vào trong nhà dọn cơm tử tế. Lạ thay ông lão ăn rất khỏe, hết nồi cơm mà vẫn chưa no. Người chồng giục vợ nấu cơm thêm. Khi đã no bụng, ông lão nằm ra đất ngủ ngon lành. Khi thức dậy, ông kiếu từ và biểu hai vợ chồng nhà ấy một hạt lúa rồi dặn khi nào cần thì bóc hạt lúa lấy gạo nhưng không bỏ vỏ lúa...

Biết đã may mắn gặp được Bụt nên hai vợ chồng ấy cất giữ hạt lúa rất cẩn thận. Gặp khi có nạn hạn hán, trời không mưa lại thêm nước ở đầu nguồn bị chặn, dân tình đói khổ, ruộng đồng khô cháy, sông ngòi cạn nước tro đáy. Nhớ đến hạt lúa của Bụt, hai vợ chồng đem ra tách lớp vỏ trấu. Lạ thay, không chỉ một hạt gạo mà cơ man nào gạo chảy đầy thúng này đến thúng khác. Hai vợ chồng san sẻ cho mọi người, không chỉ ở trong làng mà cho đến cả những người ở nhiều nơi khác. Nhờ thế mà ai ai cũng no đủ trong cơn hoạn nạn. Hai vợ chồng còn đốc thúc dân chúng quanh vùng đào những hồ nước lớn để trữ nước ngọt và làm các con đập để ngăn mặn.

Rồi tai họa lại toan làm khó cho dân khi mùa mưa lũ đến. Nước từ trên trời rơi xuống gây ngập lụt; nước từ các con sông từ trên thượng nguồn đổ về. Một lần nữa tai họa lại ập đến, dân tình khốn đốn. Nhưng nhờ các con đập ngăn mặn được cải tạo và nhờ các hồ trữ nước nay trở thành các hồ trị thủy, cảnh ngập lụt không xảy ra.

Hai vợ chồng nông dân nhớ đến vỏ hạt lúa hôm nọ, đem ra xem. Lạ thay hai mảnh vỏ nhanh chóng biến thành hai chiếc xuồng và từ hai chiếc ấy, nhiều chiếc xuồng khác tiếp tục sinh ra nữa. Dân chúng có phương tiện đi lại thuận tiện trong vùng sông nước...

Hai vợ chồng mới biết tác dụng thần kỳ của hạt lúa của Bụt và ra sức làm ăn lương thiện.

Mấy tháng nay miền Nam và vùng Tây Nguyên gặp cơn nắng hạn. Nhiều tháng liền không có mưa. Đã thế nước sông Cửu Long bị chặn lại ở thượng nguồn. Dân tình khốn đốn, đói ăn, khát nước.

Kính lạy Đức Phật Thích-ca, chúng con sống trong cõi ta-bà này, do vô minh nhiều kiếp, không thoát cảnh trầm luân đau khổ. Nhưng chúng con luôn nhớ lời dạy hãy đem trí tuệ và từ bi ứng dụng trong cuộc đời.

Kính lạy Đức Văn-thù Bồ-tát. Ngài là tượng trưng cho trí tuệ vượt bậc. Sư tử xanh mà Ngài ngồi, có thể đạp bằng mọi trở ngại để giáo hóa chúng sanh.

Kính lạy Đức Phổ Hiền Bồ-tát. Ngài là tượng trưng đại nguyện đại hạnh giáo hóa chúng sanh không biết mệt mỏi. Voi sáu ngà mà Ngài cỡi tượng trưng cho hạnh lớn này.

Chúng con xin cúi đầu đánh lễ. ■

Phòng khám của người nghèo và tu sĩ tại Huế

Bài & ảnh: NGUYỄN NGUYỄN AN

Bất kỳ vị tu sĩ hoặc người nghèo nào ở Huế có nhu cầu khám chữa bệnh tại Phòng khám Từ thiện Tuệ Tĩnh đường Hải Đức đều qua các bước sau:

Bước một, quý vị lấy số, ngồi hàng ghế, có thể xem ti-vi chương trình truyền hình An Viên, chờ gọi số thứ tự đến tiền sảnh một vị ni cô nhập tên vào máy cấp mã bệnh nhân. Mã này chỉ cần đánh hàng số sẽ hiện tên tuổi bệnh nhân.

Bước hai, sau khi nhập tên, ngồi chờ gọi vào phòng nhận bệnh. Phòng này, luôn luôn có một y tá chuyên đo huyết áp và cấp phiếu khám.

Bước ba là khám bệnh. Nếu cần xét nghiệm máu, chụp hình, khám Đông y bệnh nhân để nghị với bác sĩ. Khám xong đi lấy thuốc, ra về. Tiến trình gọn nhẹ, nhanh chóng.

Vừa qua tôi đến nhận thuốc (tôi có sổ nhận thuốc hàng tháng), tôi lấy số 87. Nghe tiếng chị Nguyễn Thị Bạch Lan gọi tôi vào nhận bệnh. Anh y tá đo huyết áp cho tôi 120/80. Anh nói "Huyết áp tốt rồi". Tôi cảm ơn anh; đây là lần thứ nhất tôi có chỉ số huyết áp như vậy sau hơn hai năm tôi khám chữa cao huyết áp tại đây (từ 180, 160 xuống 140 rồi 120/80). Có thể nói tôi đã tạm lành bệnh. Thường thì tôi không uống thuốc trước khi đo cho chính xác. Ngồi chờ khám, tôi nghĩ rất hay là có thời gian nghỉ trên mười phút để cơ thể trở lại bình thường, khi ấy đo huyết áp đúng hơn.

Một thời gian hai năm tôi lui tới với Tuệ Tĩnh đường, tôi quen biết nhiều y, bác sĩ cho đến bệnh nhân. Khi đặt máy nghe vào ngực, bác sĩ (BS) Đoàn Thị Bích Hồng luôn hỏi, "Có khỏe không?". Nghe nhịp tim của tôi bình thường, BS mới kê toa cho thuốc. Gần đây, BS Trương Thị Thanh Hà nói: "Sáu tháng nên xét nghiệm máu một lần". Cô y sĩ Phương Tâm dặn: "Tháng sau bác nhớ nhịn ăn sáng để xét nghiệm máu, cháu đã ghi vào giấy rồi". BS Võ Khắc Chấn, BS CKII Nguyễn Thị Xuân Tịnh... ai cũng ân cần chăm sóc. Trong hai năm qua, tôi cũng được Đại đức, ThS.BS.Thích Tâm Quang, Phó Giám đốc Tuệ Tĩnh đường Hải Đức khám và phát thuốc hai lần.

Tôi gặp BS Phan Thiết Sơn, ông là người quen cũ của tôi, khi đó ông là Giám đốc Bệnh viện Giao thông Vận tải Huế. Hiện nay ông khám Tai Mũi Họng cho Tuệ Tĩnh đường Hải Đức. BS Sơn tâm sự: "Cơ sở hạ tầng ở đây hơn nhiều phòng khám đa khoa khác. Mô hình Đông Tây y kết hợp, mạnh về Đông y, môi trường thoáng mát sạch sẽ, cơ sở khang trang". Với kinh nghiệm quản

lý một bệnh viện Nhà nước hơn mấy mươi năm, BS Phan Thiết Sơn tiếp: "Khu vực từ thiện không làm chủ được ngân sách. Ban Giám đốc đã cố gắng rất lớn mới duy trì được như hôm nay, chi phí thường xuyên tối thiểu một năm phải 4 tỷ đồng".

Là một bệnh viện từ thiện luôn cứu giúp cho người nghèo, Tuệ Tĩnh đường Hải Đức được rất nhiều bệnh nhân hàm ơn, trong đó có tôi đã được phòng khám này khám chữa. Anh Trần Xuân Tư 42 tuổi ở phường Hương Long thành phố Huế: "Tôi nhận thuốc hàng tháng tại đây. Y bác sĩ ở đây ân cần chu đáo...". Chị Nguyễn Thị Mai ở Bàu Vá phường Phường Đức thành phố Huế: "Em đau tay, đi châm cứu thường xuyên ở đây, đây miễn phí tiền kim và châm cứu". Trước sân của phòng khám, một tuần hai buổi các em khiếm thị sang học phục hồi chức năng do cô Dung ở Hội Người mù tỉnh Thừa Thiên-Huế dạy. Cô Dung nói: "Các em đều có bảo hiểm, nhưng khi đau ốm thường sang nhờ bác sĩ phòng khám chẩn đoán trước, rồi mới đi khám bảo hiểm sau. Các cô chú rất chu đáo".

Tôi lên tầng hai tìm thầy Phó Giám đốc phòng khám. Thầy đang bận siêu âm cho bệnh nhân. Hình ảnh một vị Đại đức bác sĩ có vóc người nhỏ nhắn, đôi mắt từ ái làm lòng tôi băng khuâng khi ở trong cái nhìn ấm áp ấy. Trong sâu thẳm tim tôi dâng lên lòng quý mến, biết ơn thầy... ■



Hàng chè tàu trước ngõ

QUYÊN VĂN

Ngày ấy, như đại đa số các hộ gia đình trong làng, ngõ nhà tôi được bao bọc bởi hai hàng chè tàu mát rượi. Chè tàu là giống cây rất dễ trồng. Chỉ cần cắt một nhánh cắm xuống đất, ít hôm sau bén rễ, đâm cành tốt tươi.

Ngày bé, tụi con nít chúng tôi thường chơi ngay trong ngõ, cạnh hàng chè tàu. Tôi nhớ mãi cái trò chơi đồ hàng dùng lá mít quấn thành nôi, thúng, rá, mẹt. Còn sỏi đá, gạch vụn làm thức ăn, hàng hóa. Chúng tôi chia nhau thành hai nhóm, ngồi đối diện, dựa hàng chè tàu.

- *Chị ơi, mớ rau này giá bao nhiêu nghìn ạ?*
- *Tôi bán rẻ, có một nghìn thôi.*
- *Sao đắt thế, bán cho tôi hai trăm đồng nhé?*

Màn đối đáp như thật của lũ trẻ vô tình học được khi xuống chợ cùng mẹ và về áp dụng vào trò chơi khiến người lớn đi ngang cũng phải bật cười thích thú. Tiếng nói cười, thậm chí là cả tiếng cãi, hờn dỗi nhau hòa quyện cùng tiếng chim sẻ lích chích trên tàu cau tạo thành âm thanh nhộn nhịp, hồn nhiên đến trong trẻo!

Mỗi sáng, bố thường dắt tôi ra ngoài ngõ, bảo tôi đứng thật thẳng xem cao hay thấp hơn hàng chè tàu bao nhiêu cen ti mét. Bố xoa đầu, mỉm cười bảo "*Lớn hơn hàng chè tàu rồi là phải ngoan đấy nhé!*"

Bố luôn tạo cho tôi niềm vui bất ngờ bằng những chuyện như vậy! Tôi chăm chú theo dõi bố cắt tỉa từng khóm chè tàu. Bố tỉ mỉ, ngắm chỗ nọ tới chỗ kia, rồi nhờ tôi tư vấn xem cắt thế đã đẹp, thẳng chưa?

Như một nghệ nhân bonsai chuyên nghiệp bố khéo léo tạo nên bờ chè tàu vuông vức, ai tới cũng tấm tắc khen đẹp! Có đợt không biết nhỏ em tôi lấy từ đâu về mấy sợi tơ hồng vắt ngay lên hàng chè trước ngõ. Có tơ hồng quấn quýt, hàng chè đẹp thêm, duyên dáng hơn hẳn. Nhìn từ xa, hai gam màu vàng, xanh pha lẫn trông như dải lụa của nàng tiên nào ghé thăm con ngõ và bỏ quên.

Sau mỗi đợt mưa, những lá non bắt đầu tua tủa mọc lên mỡ màng. Đi đâu về ngang ngõ, thể nào tôi cũng để tay là là ngang mặt trên hàng chè tàu. Một cảm giác mát rượi, mơn man ùa vào từng thớ thịt rất dễ chịu. Tôi gọi đó là khoảnh khắc chè tàu thay áo. Sau đợt thay áo chè tàu lại khoác lên mình màu xanh sậm quen thuộc. Cái màu xanh đậm bền bỉ ấy mặc kệ nắng, mặc kệ gió khắc nghiệt vẫn sẵn chắc, đầy sức sống. Nó quen



Nguồn: giamcanantoan.com

thuộc, dân dã nhưng cũng rất kiên cường như những người dân lao động nghèo lam lũ.

Mỗi đợt mất điện, bố bảo mẹ hãm sẵn ấm chè tươi rồi đứng cạnh hàng chè tàu gọi mấy cô chú hàng xóm qua thưởng thức. Bên bát chè xanh những câu chuyện thường nhật được mọi người tâm tình, sẻ chia. Xót lòng làm sao khi đứa con cả nhà cô Minh nhận giấy báo trúng tuyển đại học nhưng vì gia đình quá hoàn cảnh nên quyết định bảo lưu lại một năm. Rồi chuyện làm ăn xa của mấy hộ trong làng cực nhọc nhưng bị kẻ xấu lừa lọc. Ở quê lúc bấy giờ ai cũng khổn khổ như nhau, chỉ biết san sẻ dăm ba đồng cho nhau gọi là chút lòng thành. Giây phút ấy có lúc tôi nghĩ chẳng nơi nào có thể tình cảm hơn tình làng nghĩa xóm, tối lửa tắt đèn có nhau.

Bao tháng năm, hàng chè tàu vẫn tươi tốt hai bên ngõ nhà tôi. Đó cũng là hàng chè tàu số ít còn sót lại. Giờ đây thay vào hàng chè tàu xưa là những khối bê tông vuông vò cắm với những rào sắt nhọn hoắt. Tôi bỗng thấy thương quá đối những đứa trẻ quê bây giờ và thấy mình may mắn khi xưa được nô đùa dưới hàng chè tàu xanh ngắt. Bao tháng năm, màu xanh đậm của hàng chè vẫn thủy chung không thay đổi. Hàng chè tàu mộc mạc tiễn tôi đi. Hàng chè tàu ấm áp đón tôi về. Với tôi hàng chè tàu như bến bình yên cho ký ức tuổi thơ tôi neo đậu. ■

Láng giềng gần

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Ngay hôm chuyển về nhà mới, ông đã mất ngủ. Sau một ngày bụng bê, khuôn vác, tưởng đặt lưng xuống là đây một giấc tới sáng, đầu dè... Ông vừa thiu thiu, bỗng giật mình bởi tiếng nói cười rần rạt từ ngôi nhà phía sau. Nghe giọng nói, ông đoán nhà ấy đồng con, sần sần một lứa choai choai. Dù qua hai lớp tường và khoảng cách hơn mét nhưng ông nghe rõ bọn trẻ kể cho nhau chuyện ở quán cà-phê, quán nhậu, ở đại lý vé số, bãi rác rồi hỏi nhau về thu nhập trong ngày. Chốc chốc lại có tiếng gọi cửa cùng bước chân hối hả, liền đó là tiếng cửa sắt rín rít nghiêng xuống nền xi-măng lẫn trong tiếng con chó hực hực. Chuỗi âm thanh ấy kéo dài đến khi phở vắng khiến ông quá giấc, mãi mới ngủ lại được.

Tầm năm giờ, bọn trẻ nhà ấy đã thức. Chúng giành nhau đi vệ sinh rồi cãi nhau vì nhầm mũ, lộn dép. Chẳng cần biết mọi người xung quanh đang ngon giấc, chúng nói cười vô tư như ở chốn không người. Sau lúc ồn ào, bọn trẻ rời nhà khi trời hửng sáng. Hôm sau và nhiều hôm sau nữa, điệp khúc ấy vẫn lặp lại.

"Lẽ nào bố mẹ chúng không biết con mình làm phiền láng giềng? Những người ở cạnh sao cứ mũ ni che tai? Tổ

trường dân phố cùng các đoàn thể đâu mà không chấn chỉnh gia đình nhí nhớ kia?" Ông tự vấn nhưng không tìm được lời đáp; buồn bực bị nén lại khiến người ông bốc hỏa. Nói cho đúng, thỉnh thoảng có nghe tiếng một bà cụ nhắc bọn trẻ đi nhẹ nói khẽ nhưng bớt bớt được một lúc rồi đầu lại vào đấy; lời nhắc nhở bị chìm giữa mở âm thanh hỗn độn. *"Nhất định phải làm việc với chủ nhà này!"* - Ông nung nấu.

Ông chưa kịp "làm việc" với nhà phía sau thì khó chịu lại đến từ khu nhà trọ kế bên. Vẫn là âm thanh ồn ào nhưng không giống "dàn đồng ca" của bọn trẻ, đây là giọng "độc diễn" quá cỡ của người phụ nữ từ quê lên phố trông cháu. Mới tới, chị đã xáp vô bắt chuyện với người xung quanh, cứ tự nhiên như thân nhau từ kiếp trước. Chẳng mấy bữa, chị đã cập nhật "tình hình địa bàn" có lẽ chẳng thua cảnh sát khu vực là mấy; nào là vợ chồng ở cuối dãy trọ cưới đã năm năm vẫn chưa có con; nhà đầu hẻm vừa bán một tỷ bảy; quán cà-phê đằng kia mới mất xe AB... Với eo chum phụng phịch và chân tay chắc nịch, với "khuôn trăng" dư sức đẩy đận cùng nước da đậm màu nắng khiến chị thành nỗi sợ của mấy đứa trẻ xung quanh. Đứa nào khóc mà thấy chị trợn mắt, giả giọng uôm uôm là co rúm như gà con



gặp quạ rồi nín bật. Ông dị ứng nhất là cách nói chuyện rồn rảng của chị này, mở miệng là oang oang như cãi nhau. Mỗi khi chị la con mắng cháu, ông lại lắc đầu nhăn mặt; dù đã cách tường nhưng mấy lỗ thông gió đưa mớ âm thanh lúc rin rít như kim khí cọ nhau, khi lại the thé như xé vải, nghe rất cả tai! Gặp nhau nơi ngõ, ông góp ý nhỏ: *"Ở tập thể, chị nên nói vừa thôi."* Chị ta cười cười, về ngay nhiên rồi đáp lại bằng giọng

bồn cợt: *"Dân biển chúng em ăn sóng nói gió quen rồi, bác ạ. Thế bác bảo nói vừa là bao nhiêu thì cho biết để em điều chỉnh?"* Ông trừng mắt, nặng mặt, bỏ vô nhà.

Ồn ào, láo nháo không chỉ đến từ phía sau và kế bên mà còn từ ngôi nhà của đôi vợ chồng trẻ phía đối diện, hơi chếch bên trái nhà ông. Dăm bữa nửa tháng, vợ chồng nhà ấy lại cãi nhau, lằm lằm chồng xách cây rượt vợ chạy trốn chết, vừa chạy vừa kêu la như bị cắt họng. Tâm sẫm tối, cứ nghe cái giọng nhũn nhụa như dính vào nhau trong hơi men của anh chồng thợ xây ấy, ông lại cảm thấy bất an. Những cuộc đấu võ mồm của vợ chồng họ luôn có xu hướng leo thang và phát tán ra ngoài làm láng giềng điếc tai nhức óc. Điệp khúc ấy lặp lại dài dài khiến những người ở gần cũng hết kiên trì can ngăn.

Riêng người phụ nữ trong khu trọ có nước da hệt Bao Hắc tử có vẻ bứt rứt trước cảnh lục đục của vợ chồng họ. Mỗi khi nhà ấy "mở đài" "tăng âm", chị lại đi ra đi vô rồi than vãn giữa trời: "Khổ!"; "Sao lại thế nhỉ?!"... Nhiều lần chị vào vai thuyết khách nhưng bị anh chồng mặt đỏ phùng phùng gạt phăng: "Việc nhà tôi, cấm xía vô!". Chị lủi thủi về, lát sau lại qua, khoanh tay đứng im, ý chừng sẵn sàng ứng phó tình huống xấu. Và quả đúng thế, hôm chồng ra đòn với vợ, chị nhảy vô can. Cô vợ tội nghiệp co rúm sau tấm lưng chắc như bàn thạch của người láng giềng; kẻ vũ phu xáp tới, miệng gào như điên dại: "Tránh ra! Tránh ra!". Hiệp sĩ bất đắc dĩ vẫn không nhúc nhích, giọng bình thản: "Anh thôi đi!". Anh ta lão đảo, người yếu như con bún tươi nhưng vẫn cố lấn tới. "Thôi nè!". - Anh ta nhảy vô, tay giáng xuống người đối diện. Chị né ngang khiến kẻ ra đòn mất đà, ngã sấp xuống mặt đường. Chờ cho kẻ ấy lồm cồm bò dậy, chị chỉ mặt, dẫn giọng: "Đánh vợ là hèn!". Nói rồi, chị đưa cô vợ đang xanh xám mặt mày về phòng trọ của mình và gọi công an. Sau vụ ấy, kẻ làm chồng kia không dám "dạy" vợ bằng... tay nữa nhưng vẫn phun những lời cay độc hằng đêm, sau những cuộc nhậu.



"Sống ở đây không tâm thần thì chắc cũng tồn thọ!"
- Ông cay đắng nghĩ. Bỏ cả cục tiền mua đất cát nhà, những mong có chỗ ở đàng hoàng nhưng cứ sống bất an thế này thì khác nào mua dây buộc mình. "Đòn tra tấn vô hình" đến từ láng giềng đã khuấy động sự bình yên trong nhà; từ bụi dọc với xung quanh, ông chuyển sang cau có với vợ. Trước khi "định vị" tại đây, ông bảo vợ tìm khu nào có an ninh tốt, khu công chức hay trí thức càng tốt. Nhưng bà nhất quyết chọn chỗ này; với lý do, phía Nam được ví như đầu rồng của thành phố nên vượng, nhà hướng Tây lại hợp tuổi ông. Hợp mà sống dở chết dở thế này thì khác nào tự đày đọa mình! Nhìn chồng ta thán, đưa tay chỉ quanh xóm rồi nhăn mặt, bà xoa dịu: *"Ở đâu cũng có người tốt kẻ xấu. Và lại, biết đâu họ đáng thương đáng quý nhưng mình chưa hiểu hết"*. Ông vẫn lắc đầu nguây nguậy, giọng như rên: *"Chịu hết nổi rồi, bà lo mà chuyển nhà đi!"*. Bà tròn mắt nhìn chồng, ngỡ ngác lẫn buồn bực: *"Ơ hay, chuyện nhà đất sao ông nói đơn giản như mua bó rau con cá?"*. Liên đó, bà bao vây khống chế ý muốn của chồng bằng cách đưa ra những khó khăn xung quanh khoản "đầu tiên". - tiền đầu, nào là tiền vay chưa trả hết, sổ đỏ đang thế chấp ở ngân hàng, tiền công thợ nề chưa thanh toán xong... Ông khoát tay, ý chừng không muốn nghe.

Ngày hôm sau, ông gia cố cổng cửa để chống ồn giống như người ta be bờ khi sống chung với lũ. Cửa nhà ông đóng im ỉm ngày đêm, cả những ngày hè hùng hực cũng không hé ra đón gió. Bà mở cửa, ông lại đóng vào; chỉ mỗi việc ấy mà hai người cũng lờ đi qua tiếng lại.

Với láng giềng, ông chẳng trò chuyện; qua lại thăm hỏi càng không. Khi được mời góp tiền cúng tất niên khu phố, ông xua tay. Sau cúng, láng giềng ngồi lại góp ý cho nhau những điều hay dở rồi quây quần bên mâm cơm. Trong khi mọi người mở lòng há dạ thì cổng nhà ông vẫn đóng. Những tiếng "dzô, dzô" liên hồi đem lại sáng khoái cho ai đó nhưng như đám mũi nhọn đâm vào ông. Sau tiệc vui là ca hát, với loa đài tăng âm hết cỡ. Ông đi ra đi vô, nhìn những người láng giềng ham vui quên cả giờ giấc bằng ánh mắt "hình tia chớp".

Với con, ông chẳng cho chơi với bọn trẻ cùng phố. *"Dây vào bọn láo nháo ấy chỉ có thiệt thân!"* - Ông thường bảo thế. Thăng bé học lớp 10 nhiều lần đứng sau cổng sắt, nhìn các bạn đá banh, đá cầu hay chơi trò "trốn-tìm", về thềm muốn. Có bữa nó trèo cổng chui ra, trầy xước te tua, bị ông nện cho kêu trời. Ông muốn ngày ngày đưa đón con đi học để khỏi phập phồng lo nhưng bà không chịu; lý do: *"Không thể cầm tay con dắt mãi qua đường"*. Vậy nên, mỗi lần con đạp xe đi, ông lại nóng lòng dõi theo; nó về, mới yên tâm.

Sau lần can dự của bà ở trọ lảm lòi bên cạnh, sự bất hòa của đôi vợ chồng trẻ trước nhà ông có phần hạ nhiệt, nhưng những đêm không ngủ của nhà phía sau tăng lên. Những tiếng nói cười thả cửa hay cãi nhau chí chóc của bọn trẻ nhà ấy khiến ông giật mình, thức

giác hằng đêm. Những tối ti-vi truyền trực tiếp bóng đá châu Âu là y rằng ông có đêm trắng lê thê. Tầm một, hai giờ sáng, ông đang ngon giấc thì bị dựng dậy bởi những tiếng hét *"Vào! Vào!"* cùng tiếng đập bàn rầm rầm. Nếu không bóng đá, chúng chuyển qua "chương trình văn nghệ", đêm khuya vẫn văng vẳng lời ca nào lòng *"Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào..."*; *"Đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng cô đơn..."*. *"Hết chịu nổi với nhà này rồi!"* - Ông muốn hét lên.

Ông phải đi vòng khá xa để đến ngôi nhà sau nhà mình. Bà cụ chủ nhà đang hoay loay nhen bếp than tổ ong trước sân, ngỡ ngàng nhìn khách. Nghe ông giới thiệu, bà bắc ấm nước lên bếp rồi mời vô nhà. Bà cụ tầm bảy mươi, nhìn những tấm hình bà chụp với học sinh treo trên tường đã cũ, ông đoán bà nguyên là nhà giáo. Qua câu chuyện, ông biết bọn trẻ làm ồn mỗi đêm chẳng phải con cháu nhà này. Chúng lang thang bán báo, đánh giày, nhặt ve chai, bán vé số; bà gặp chúng vạ vật nơi gắm cầu hay mái hiên nào đó và đưa về đây che chở; biến nhà mình thành mái ấm tình thương cho những mảnh đời bất hạnh.

Thấy ông nhìn ấm nước đang reo, bà nói khe: *"Phải đun nhiều nước mới đủ cho bọn trẻ đổ bình mang theo"*. Chuyện trò một lúc, bà trải lòng: *"Tuổi già sống trong ồn ào cũng mệt nhưng thương các cháu bươn chải mưu sinh nên tôi chẳng quản, chú ạ"*. Bà nhìn ông, khơi gợi sẽ chia: *"Các cháu đi sớm về khuya, chắc cũng phiền xung quanh, mong chú thông cảm"*. Ông khe *"vâng"*, cảm thấy hổ thẹn khi nhìn bà; lại thấy may khi chưa tỏ bày bức tức.

Trên đường về, ông nhận điện thoại từ trạm y tế phường; lúc đầu tưởng nhầm nhưng không. Nghe giọng gấp gáp của người gọi, ông linh cảm chuyện chẳng lành. Vừa bước vào phòng khám của trạm y tế, ông khựng lại, chân tay bủn rủn khi thấy con trai nhăn nhó với những vết xây xước đầy người, áo quần xộc xệch. Thoáng thấy ba, thằng bé khẽ kêu lên, ngược nhìn bằng đôi mắt ngấn nước. Cạnh đó, người phụ nữ lảm lòi ở trọ gần nhà cũng mặt sùng, tay trái băng trắng toát. Hốt hoảng nhìn xe đạp của con bẹp dúm ở góc sân, ông nghĩ ngay đến tai nạn. Lờ mờ đoán căn nguyên sự vụ và cả thủ phạm, ông nhìn thẳng mặt người láng giềng, lớn tiếng: *"Chị đã làm gì thằng bé!?"*. Đáp lại vẻ hằm hằm của ông, chị xua tay lắc đầu, ú ớ không cất nên lời bởi môi sưng vù. Anh bác sĩ đang băng vết thương cho chị dừng tay, nhìn ông, nghiêm giọng: *"Anh phải cảm ơn chị ấy!"*. Ông ngỡ ngác... Thì ra, khi thằng bé qua ngã tư thì bị một thanh niên vượt đèn đỏ đụng vào. Vừa lúc chị ở cạnh nhà trở tới, phóng xe lao theo chặn kẻ gây tai nạn nên bị hấn tông ngã, bỏ chạy. Vết thương đầy mình nhưng chị vẫn cố đưa con ông tới trạm y tế phường gần đó.

Ông bối rối nhìn người phụ nữ láng giềng; lúc lâu mới cất giọng lí nhí: *"Tôi xin lỗi chị"*. Người kia đáp lại bằng ánh mắt bao dung thay cho lời nói. ■



Kính mừng Phật đản Phật lịch 2560

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Đản sinh

Từ vô lượng kiếp huân tu
Cung trời Đâu-suất vô ưu tịnh nhàn
Thương chúng sinh hiện trần gian
Tìm phương dẫn độ thoát đàng khổ mê
Người ơi! Lai khứ đi về
Sen vàng bầy đóa bồ-đề hương xưa

Xuất gia

Hoàng cung phúc báu đong đưa
Phàm phu tham đắm mộng thừa bẽ dâu
Thượng căn quán chiếu nông sâu
Như thực như thị vượt sầu bờ kia
Vô thường khổ chướng nguyện lia
Tình tiền danh lợi đầm đìa phù vân

Tu khổ hạnh

Tứ sự ăn mặc phong trần
Tạm nương tạm có mấy lần vào ra
Nay lia rũ bỏ phù hoa
Sá chi bèo bọt sương pha mộng hồ
Quán thân tứ đại hư vô
Mặt ốm đẹp xấu phù đồ huyền như

Thành đạo

Núi rừng vắng lặng huyền thư
Tận cùng thăm thẳm tịch trừ hạo nhiên
Này da này thịt tương duyên
Này xương này máu hão huyền sắc không
Nụ cười giọt lệ ru hồng
Tam thiên thế mộng một dòng thiền gia

Chuyển pháp luân

Nam-mô Bát-nhã Ba-la...
Vườn xưa Lộc Uyển hiển tòa xa luân
Kiêu-trần-như tăng lực thần
Trí tuệ vô lượng xoay vần hoàng dương
Ta-bà hội nhập mười phương
Pháp âm vi diệu lạc thường thuyền không

Nhập Niết-bàn

Một ngày rũ áo thông dong
Thế gian như thị dòng sông luân hồi
Khứ lai tỉnh thức mộng đời
Như Lai an trú mỉm cười tịch nhiên
Niết chi xứ xứ nhiệm huyền
Bàn chi vô lượng thánh hiền nhàn du
Sen vàng chín phẩm trượng phu
Viên thành chơn tánh vô ưu đỉnh thiên.

Phật tại tâm

NGUYỄN SĨ CẨM

Lắm khi muốn đến chùa
Tìm Phật để phân bua
Rằng đời lắm khổ lụy
Nhưng tuổi già ngại xa!

Chi bằng tu tại nhà
Phật vẫn chẳng cách xa
Thành tâm mà sám hối
Ta tìm lại được ta.

Cung đàn đạo cả

NGUYỄN THỌ

Tháng Tư như cung đàn đạo cả
Vọng giữa trời ngày Đức Phật đản sanh
Niềm vui, trái tim người rung mãi
Hai lăm thế kỷ như vẫn mới, tâm thành

Con chấp tay quy ngưỡng đấng Cha lành
Nơi phạm vũ “Từ Đàm
Quê hương tôi” yêu dấu

Trước lễ đài uy nghiêm
Nguồn tâm linh nung nấu
Nguyện cầu quốc thái dân an
Tiếng chuông Tổ đình sớm mai thanh thoát
Thấp thoáng dáng Thầy lần chuỗi mắt thương

Đất Thần kinh - đất Phật huy hoàng
Bao mùa sen vẫn yên bình an lạc
Hạnh cúng dường
người ơi không thể khác
“Đẹp đạo - tốt đời”
phụng hiến đắp xây...

Niềm vui tháng Tư

PHẠM THỊ THANH VÂN

Tháng Tư Khánh Đản về chùa
Mưa thưa thớt hạt gió lùa qua song
Cổng chùa mái phủ rêu phong
Vườn chùa thanh tịnh thông dong lối vào
Tiếng chuông thanh thoát nhiệm màu
Trang nghiêm cõi Phật xóa đau cõi người
Mây chiều bàng bạc chơi vơi
Ngoài sân chim hót hoa cười cùng nhau
Hai ngàn năm lẻ qua mau
Mười phương chư Phật truyền trao pháp mầu
Cúi đầu đánh lễ ngôi cao
Lòng từ chỉ lối tránh vào bến mê
Tán tu ngày ấy con về
Hoa khai kiến Phật bút đề tâm kinh
Nguyện cùng chư Phật chứng minh
Cho con kiên định niềm tin giữa đời
Vui trong ánh đạo rạng ngời
Giữ cho tâm Phật chẳng rời tâm con
Tháng Tư ngày hội trăng tròn
Về bên đài Phật ní non cùng Người
Lời kinh dẫn lối đưa lời...!



Chuyện kể của người đánh cắp tượng Phật Thích-ca Mâu-ni

VĨNH NGUYỄN



Tôi là người lính quá may mắn trở về thăm nhà sớm sau Hiệp định Paris ngừng bắn năm 1973 có hiệu lực. Là bởi hai lần, thấy mẹ tôi mất, tôi đều theo tàu chiến đấu ở Biển Đông không thể về được. Nay có lệnh ngừng bắn. Hòa bình rồi! Đơn vị cho tôi về phép ngay để tôi tìm chị em tôi.

Từ Hải Phòng về đến thị xã Đồng Giàu, tôi phải đi ba ngày ba đêm, qua hai chuyến tàu và năm chuyến xe tăng bo. Càng vào, đường càng xấu...

Tôi đi nhờ chiếc xe tải quân sự vào Vĩnh Linh. Tôi tụt xuống thị xã Đồng Giàu thì trời đã trưa. Vừa mệt vừa đói, tôi quyết định tìm tới nhà một người bạn thân. May quá bạn có nhà. Nhà bạn giờ là mấy cái xà đòn gác lên bức tường còn lại, phía trên lợp tranh. Bạn kể: "Mấy cái xà đòn là bới lên trong đồng nhà sập. Còn tranh thì nhờ xe chở từ trên rừng về. Xung quanh nhà ai cũng vậy cả. Bố mẹ đang ở chỗ sơ tán sẽ về sau. Mình về trước lợp nhà, dọn chỗ ngủ".

Trong chiếc ấm tích nhà bạn đang hãm nước hoa Rừng Rừng; cũng bứt từ trên rừng đặng chát mà ngon quá, uống đã khát quá. Loại cây hoa chấm trắng li ti mà nhạc sỹ Phạm Duy tự "dịch" sang lời Việt gọi là hoa Thạch thảo cho một nhạc phẩm của ông mà đến giờ người nhạc sĩ tài hoa đã đi xa nhưng tác phẩm "Ta ngắt đi một chùm hoa Thạch thảo... Em nhớ cho mùa thu..." thì vẫn còn ở lại với đời...

Chùa Đồng Giàu có bị bom không? Tôi hỏi bạn.

Không! Lạ thật. Cả thị xã tan hoang riêng chùa Đồng Giàu vẫn còn nguyên vẹn, bạn nói.

Nghe vậy tôi bỗng đứng hết mệt, hết đói. Tôi nói là tôi cần đến xem chùa Đồng Giàu ngay bây giờ và rủ bạn cùng đi.

Ừ, thì đi. Bạn tôi chấp thuận.

Bạn cũng như tôi lúc này chưa vợ nên chẳng vướng bận gì.

Chúng tôi đứng trước cổng tam quan chùa, bạn trở thành người hướng dẫn và bình luận: "Người ta cũng khá 'thông minh' mà xây thêm để biến cổng tam quan thành ba lô ủ mòng ba sôi hai lạnh...". Đoạn chúng tôi tiến vào

chùa mà cửa chùa đang mở hẹp một cánh. Ông gác chùa nhận ra bạn tôi là người trong phường nên lặng lẽ không hỏi han gì.

Tôi đứng sững như trời trồng giữa chính điện. Hiện lên ở đó là một đồng phân đạm chất ngất. Hai gian bên là vôi bột và xi-măng chất đầy. Không còn ban thờ Tam bảo, không còn một tượng Phật nào. Chùa Đồng Giàu đã thành nhà kho hợp tác xã. Tôi hiểu vậy và hỏi bạn: "Thế các tượng Phật đâu cả?".

"Rứa ra ông không hiểu gì a? Người ta đã đốt hết sau cải cách ruộng đất cũng khá lâu rồi". Bạn ngập ngừng một chút rồi nói thêm: "Nhưng còn sót lại một Ngài!". "Hiện Ngài đang đặt thờ ở đâu?". "Ở nhà anh Ty cũng trong phường này thôi, gần lắm". Nói rồi, bạn cầm tay tôi kéo đi xem Ngài Thích-ca Mâu-ni còn sống sót.

May mắn thay, nhà bạn vẫn còn chiếc xe đạp tốt. Từ đây lên làng Vĩnh tôi khoảng 12 cây số. Tôi quyết định ngay trong đầu là lên làng chở bà chị cả về thăm chùa Đồng Giàu trong nội chiếu nay. Bởi ngôi chùa này là hồn thiêng tối thượng của thầy tôi, gia đình tôi và tôi - cậu bé khai tâm học chữ từ ngôi chùa này.

Nhà chị tôi ở ngay đầu làng. Tôi đi xe thẳng vào giữa sân. Mấy đứa cháu con chị nhận ra tôi đều đồng thanh reo tướng lên: "Cậu Đạt, cậu Đạt về mạ ơi!".

Chưa kịp mở ba-lô quà cáp cho các cháu, tôi nói với chị cả: "Chị ơi, chị phải đi với em về chùa Đồng Giàu ngay, thăm chùa rồi thăm anh chị Ty luôn thể". "Ty nào?". Chị tôi hỏi lại.

"Anh Ty chồng chị Sơn chứ còn Ty nào. Chắc anh cùng tuổi Kỷ Ty với chị đó". Anh tuổi Ty nên cha mẹ mới đặt tên Ty luôn. Chị cả tôi đã nhớ ra người quen thân, nhưng chị vẫn vận lại: "Thì cậu mới về, việc gì còn có đó, vôi vàng rứa là khổ!".

"Khổ cũng phải đi". Tôi nói mạnh: "Lâu lắm rồi chị được trở về thăm chùa, lại có xe, chẳng phải đi bộ, thăm vợ chồng anh Ty luôn thể. Rồi em chở chị về. Em còn phải đi trả xe. Cơ nghiệp cả nhà người ta chỉ còn dựa vào cái xe đạp này thôi mà công việc của họ thì đang ngập đầu...".

Chị thay áo. Đoạn rút năm thẻ hương trên ban thờ bỏ vào trong giỏ xách ra sân. Biết đường xấu, tôi đã buộc lên boóc-ba-ga tấm áo mưa vải bạt để chị ngồi cho bớt xóc.

Đã gần tới chùa Đồng Giàu, tôi hỏi chị vào nhà anh Tỵ trước hay vào chùa trước? - Vào chùa trước, chị tôi nói ngay. Và tôi cho xe rẽ vào con đường đất.

Xuống xe, chị tôi đứng sững không muốn đi vào. Một người khách viếng cảnh chùa dù chỉ một lần nay đến thăm lại cũng phải sững sốt vì không còn gì để gọi là chùa... Huống gì chị tôi là con của một vị Thượng tọa đắc pháp tại Huế đã từng chủ sám (chánh tọa) nhiều lễ chẩn tế và trụ trì qua nhiều ngôi chùa lớn ở vùng đất này.

Chúng tôi vào chính điện ngôi chùa chỉ qua cửa mở một cánh. Mắt chị mở to trừng trừng. Khung cảnh điện thờ như một "sự lạ"? Sự lạ là đồng phân đạm, đồng vôi bột, đồng xi-măng chất đầy ba gian chính điện thờ. Chẳng nói gì, chị tôi đi thẳng vào trong và rẽ sang nhà hậu tăng: Một cái giường đơn sơ sài, chiếu chăn nhàu nát của người trực ngày đêm canh giữ công sản hợp tác. Ở đây còn cả đồng rơm rạ, củ chè, củ bó ngổ ngang. Mấy cái bừa cỏ, mấy bình phun thuốc trừ sâu xông lên mùi hắc rất buồn nôn... Tôi dắt chị ra giếng nước. Gờ giếng một mảng đã lở nhưng nước giếng vẫn rất trong. Chị tôi kéo nước lên rửa mặt, lấy khăn lau và búi lại tóc. Tôi nhìn cây đa bị bom cắt tước các cành cao, thân cây rễ chuối quấn vòng vèo đang bật lên mầm lá mới, nụ mới. Cách giếng nước khoảng mười mét có cái hồ hình tròn, dấu tích một quả bom, mới cấy rau muống.

Chị em chúng tôi bản thân trở lại giữa sân chùa. Coi kho là một người trung niên. Ông theo dõi chúng tôi đi lại này giờ nhưng vẫn lặng lẽ đảo mớ rơm đang phơi bên góc sân mà không cần hỏi han. Chắc ông đoán chị tôi là người tử tế, còn tôi thì ông nhớ mặt đã đến với bạn trước đó vài giờ. Ở đây chắc ông đã từng chứng giám thập phương bốn đạo thường trở lại thăm chùa Đồng Giàu? Hay là người ta đã sám hối về một sự lỗi lầm, xúc phạm đến quyền tự do tín ngưỡng của chúng sanh, đã hủy hoại một công trình khoa học Phật giáo mà ông cha họ tập trung bao nhiêu công của để dựng lên?

Tôi đang tự lực vấn thì chị tôi bảo trở lại điện thờ. Lần này thì chị kéo tôi đi. Đứng trước điện, sao mà chị tôi lóng ngóng thế? Tôi hỏi và tôi hiểu. Trước đây vô chùa, miệng niệm Nam-mô A-di-đà Phật là có chú tiểu đánh chuông cho chị lạy Phật. Nay trở lại thăm ngôi chùa cũ mà cha chị đã từng trụ trì mà Phật pháp không, ban thờ không, chuông mõ không. Mắt chị tôi rơm rớm, tay rút thẻ hương trong giỏ đưa cho tôi. Tôi đánh que diêm. Thẻ hương cháy nghi ngút tỏa khói thơm nồng. Hai tay chị tõe thẻ hương và dùng tay quạt cho nó tắt ngọn lửa nhỏ. Hai tay chấp lấy thẻ hương và cung kính vái vái niệm niệm trong miệng rồi nhìn lên khoảng không "điện thờ" miệng lầm thầm giờ phát ra thành tiếng rất nhỏ và rất nhẹ: Nam-mô A-di-đà Phật Đại Từ Đại Bi...

Đoạn chị cả tôi lại lóng ngóng. Tôi chợt hiểu là chị tôi muốn tìm nơi cắm hương. Tôi vội nói nhanh: "Thôi cứ cắm đại vào đồng phân đạm ấy!". Chị gạt đầu. Tay chị chum thẻ hương run rẩy và cắm xuống đó. Chúng tôi đi ra sân chùa. Chị nói: "Hình như là năm năm hai (1952), thấy ngôi đàn chẩn tế ở chỗ này?". Ủa, hóa ra chị nhớ vẫn khá chính xác.

Hơn hai chục năm rồi mà thời gian không khóa lấp nổi ấn tượng về tuổi trẻ của chị - ấn tượng quá lớn - lễ chẩn tế thỉnh nguyện thập phương chư Phật mà người cha làm chủ sám. Chị nói rằng lúc ấy tôi còn nhỏ còn chị đã là một cô gái choai choai, nhưng vẫn tranh với lũ nhỏ, giằng xé cho được một mảnh lá cờ phan. Lúc đó chị chẳng còn nhớ mình là con thầy. Lá cờ phan không còn đủ chia cho lũ nhỏ và cả người lớn. Người ta đợi chiếc áo choàng vàng đang choàng trên người chủ sám. Và, phút si mê ấy đã đến. Họ không đợi đến lúc chủ sám cởi chiếc áo choàng tung lên trời khi lễ tất. Họ sớm nhanh nhẹn kéo tuột tấm áo ra khỏi tay, khỏi cổ chủ sám. Và, một cuộc reo hò, tranh giành giằng xé lần thứ hai. Trẻ nhỏ cho chí người lớn, ai cũng cố giật cho mình có một mảnh áo trong tay.

Bỗng chị hỏi tôi: "Đến giờ chị vẫn không hiểu cái tích vì sao lại có cuộc tranh giành lá cờ phan màu trắng và tấm áo choàng vàng của vị chủ sám sau lễ chẩn tế hạ đàn?". Và tôi nói: "Lúc ấy em cũng chẳng biết chút gì. Chỉ biết xông vào với lũ nhỏ mà kéo mảnh vải mong nó đứt ra. Đứa nào không có thì chạy theo người lớn mà khóc mà xin để người lớn thương hại xé lại cho một mảnh nhỏ. Có được mảnh cờ, mảnh áo này là mừng rơn về đưa cho mẹ để mẹ khâu cho cái vòng đeo cổ. Nếu nhỏ quá thì khâu luôn vào ngực áo như phù hiệu trường lớp của các em học sinh bây giờ... Mãi sau này đọc sách, em mới biết cái tích này phát nguồn từ bên Ấn Độ: 'Có lũ diều hâu thường hay ăn thịt trẻ con. Trong những lễ chẩn tế lớn nhiều khi đến hai ba ngày, chủ sám đã đọc rất nhiều thần chú đã ứng nghiệm, nó gắn kết vào màu trắng lá cờ phan có viết chữ Phạn và tấm áo choàng vàng gắn kết nhiều mảnh ô vải vuông mà thành một tấm áo choàng - một mảng trời bao la rộng lớn mà mấy ngày chủ sám quần quanh người có sức mạnh thần thông để ban phát cho chúng sanh. Đứa nào có mảnh vải bùa này là lũ diều hâu, lũ ma tà sợ hãi không bén mảng tới nữa...".

Chị cười...

Chúng tôi trở lại "chính điện". Hương khói sắp tàn. Chị tôi vẫn giữ nếp con nhà Phật tử: Vào chùa thắp hương lạy Phật, trước lúc từ giã là trở lại ban thờ chấp tay xá xá mấy cái rồi mới cắp nón ra đi. Nhưng đôi tay chị cứ lóng ngóng mới tội nghiệp làm sao! Bởi chị muốn chấp tay nhưng rồi lại thôi. Chị không còn muốn xá xá vào đồng phân đạm dù có nắm chân hương ở đó...

Chúng tôi khi tới không chào hỏi gì ông coi kho nên giờ ra đi cũng vậy. Cũng muốn chào ông một tiếng nhưng ông đang múc nước làm gì ngoài giếng sau vườn khá xa, đành thôi vậy.

Chúng tôi đi bộ. Tôi đẩy xe đi trước. Chỉ ngoặt hai đoạn đường ngắn là nhà anh chị Ty đã hiện ra. Sau chiến tranh, anh chị sinh một dãy đến năm đứa con. Nhà cấp bốn, ba gian, mái ngói tường xây khá vững chắc. Đất ở đây pha cát rất tốt, rất hợp với các loại rau su hào, bắp cải... là vùng trù phú của thị xã. Nghe lệnh ngừng bắn, dân chúng kéo nhau về liền. Chợ búa bán mua cả ngày tấp nập đông vui nên chợ Đồng Giàu là rất sát nghĩa với tên gọi của nó.

Tôi dựng xe vào bờ rào mé sân. Anh Ty đã nhận ra tôi và cả chị tôi nữa. Anh ra sân mời chị em tôi vào nhà.

Chị tôi buông nón và đứng sững như trời trồng trước hiên. Bởi chị đã ngợp thấy ở gian giữa, đứng trên hương án cao trên ban thờ, Ngài Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni một tay chỉ thiên một tay chỉ địa. Toàn thân Ngài tỏa sáng một màu vàng chói lọi. Nhất là trên đầu Ngài vầng hào quang tỏa hình tia mặt trời ra tám cõi. Phía trước Ngài hai con rồng chầu kết hình bầu dục cùng một màu vàng uốn lượn. Anh Ty nói rằng, nguyên đây là một súc gỗ mà người nghệ nhân tài ba đã chạm khắc sâu vào nên giữa thân Ngài và hai con rồng là một khối gỗ thống nhất không lắp ghép. Thế mới quý giá vô song!

Đoạn tôi đặt mấy thẻ hương lên chiếc khay cho anh Ty dâng lên ban thờ Phật. Tôi rút ra ba cây hương, xạch diêm thắp cháy rồi đưa cho chị tôi. Chị tôi vái ba vái. Chị chấp tay cúi đầu niệm niệm thì thầm nội dung ở trong kinh *Thủy Sám*. Sau đó chị vái lại ba vái rồi đưa hương cho tôi. Tôi cắm ba cây hương lên chiếc lư đồng trước vầng hào quang của Ngài!

Chị Ty pha ấm trà mang ra bàn uống nước đặt ở gian bên ngoài. Anh Ty đang ngồi đợi ở đây. Bà con láng giềng kéo tới. Người ngồi xuống bậc thềm. Người vẫn còn đứng ngoài sân. Những đứa nhỏ len lỏi vào nhìn những vị khách mới tới. Như đã thành lệ, mỗi khi có khách lạ đến thắp hương lạy Phật là anh Ty lại kể chuyện về Ngài nên họ kéo nhau tới nghe.

Chị tôi lễ xong tới luôn bàn nước. Anh Ty rót nước mời và nói chân tình: "Chị cháu này, hình như chị với tôi cùng tuổi thì phải. Lúc thầy bị bắt lần đầu, tôi còn nhớ: Chị xuống chùa nấu cơm bới xách cho thầy. Lúc ấy cậu Đạt đây (chỉ tôi) còn nhỏ mới ở trên xuống học. Thập phương bốn đạo kéo vào nhà lao đấu tranh: Thầy là ông thầy chùa phúc hậu, vô tội, bắt thầy là vô lý là trái đạo!".

Ở trong tù, bọn mật thám phòng nhì Pháp tra tấn rất dã man nhưng thầy một mực không khai nên chúng không có căn cứ. Sau ba tháng, thầy lại trở về chùa.

Đến năm năm hai (1952), thập phương bốn đạo đóng góp tiền bạc, chùa Đồng Giàu được tu bổ khang trang. Kế đó là lễ chấn tế lớn để thỉnh thập phương chư Phật.

Phải, chị tôi công nhận. Anh Ty tiếp: "Tôi nhớ chị có mặt trong đám trẻ nhỏ cùng tôi với cậu Đạt đây giằng giật lá cờ phan?".

Phải!

Và cuối năm đó thầy lại bị chúng bắt vô xà lim Đồng Giàu lần thứ hai. Nhân lúc chúng sơ hở, thầy trốn thoát rồi nhờ đường dây cơ sở giúp thầy lên được chiến khu Bến Tiêm... Mãi sau này tôi mới hay tin thầy mất ở trên quê?

"Phải! Nhưng vì sao mà chùa không còn?". Chị tôi hỏi lại anh Ty.

Ấy ấy, đó là điều tôi muốn kể với chị hôm nay. Nó là như vậy: Sau khi thầy đi rồi, các chú tiểu cũng dần dần rời khỏi chùa. Bốn đạo cũng không biết làm sao nữa. Há để một ngôi chùa to lớn được xếp vào hạng nhì thị xã lại không có người hương khói? Ở phường đây có ông già Khang không vợ không con nên bốn đạo tới mời ông trông coi và làm cỏ vườn chùa. Ông nhận lời. Từ đó, mọi người gọi ông là ông từ Khang.

Tôi đi bộ đội. Trung đoàn chuyển quân qua Xa-vân-na-khệt. Tôi mới tham gia trận đánh đầu tiên đã bị trọng thương vào đầu và ngực. Tôi nằm an dưỡng nửa năm rồi được quyết định xuất ngũ mang quân hàm hạ sĩ. Tôi trở về nhà thì vừa lúc đất nước hòa bình. Tôi vào thăm chùa Đồng Giàu, ông từ Khang vừa mất.

Vết thương trong người tôi, trở trời hơi gió thì có nhức buốt còn bình thường thì không việc gì. Tôi chưa vợ lại nhanh nhẹn, tháo vát nên ủy ban phường nhận vào làm liên lạc. Công việc là người ta sai vật ấy, chị nờ...

Lúc này dân ở đây vào tổ đổi công rồi vào hợp tác. Nửa vào hợp tác xã nông nghiệp. Nửa vào hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Thôi thì hợp hành liên miên. Làm liên lạc, tôi vừa đi vừa chạy mới kịp đưa giấy tờ cho những cuộc họp ấy...

Đến cuộc họp 'Phật pháp là duy tâm cần bãi bỏ. Đưa chùa Đồng Giàu làm nhà kho cho hợp tác xã Đồng Bắc...' thì tôi rụng rời chân tay. Nhiều cuộc họp bàn kín đầu rồi tôi không hề biết. Hôm nay đã đưa ra Hội đồng. Trong cuộc họp này có người không tán thành. Họ cho rằng chùa chiền là tự do tín ngưỡng của nhân dân... Là người theo đạo Phật, tôi đồng thuận và phụ họa theo (ngoài hành lang khi nghỉ giải lao), rằng đây còn là di tích lịch sử mang tính văn hóa nghệ thuật cần được bảo vệ. Tôi bị ông An chủ tịch xạc cho một trận: 'Này, chú mày là thương binh, đã từng đổ máu vì dân vì nước ở chiến trường bạn Lào mà nay lại lạc hậu, ích kỷ, không biết hợp tác xã đang thiếu nhà kho, mà "Hợp tác là nhà, xã viên là chủ" sao chú mày lại quên?'

Tiếp đó, mặc sự phản đối xì xầm lời to tiếng nhỏ, chủ yếu những người có đạo còn những người bình thường thì trước sau vẫn lặng tiếng im hơi. Hơn nữa ủy ban đã ra nghị quyết rồi thì đó ai còn lay chuyển. (Chị tôi đổi thẻ ngôi, tay run run đưa lên trán. Anh Ty tưởng chị tôi muốn hỏi điều gì, song chị tôi chỉ thờ dài và im lặng). Anh Ty nói tiếp: Chị tưởng cái lợi họ dễ lắm hay sao? Các ông bí thư, chủ tịch phường đều là những thượng úy, trung úy đánh Pháp từ bên Lào huy chương, huân chương đầy ngực. Họ có công nên dân chúng ai nấy đều nể. Các ông nói một tiếng là dân chúng nghe theo răm rắp. Huống hồ đây là

ngợi quyết. Ai dám cãi lại nghị quyết? Cãi lại nghị quyết tức là chống lại chính quyền rồi. Chợt anh Tỵ hỏi lại chị tôi: “Thế trên làng chị người ta không nói Phật, Thánh là duy tâm à? Thế chùa trên làng không bị thu dụng cho hợp tác xã hay sao?”

“Không!”. Chị tôi trả lời cộc lốc.

Anh Tỵ trừng mắt: “Hồng. Hồng. Thế là ở đây hồng. Hồng cả rồi”. Anh dẫn giọng. Nước mắt ứa ra. Anh nói trong nước mắt: “Tối ấy ông Hưởng, trưởng công an phường, chiếu theo nghị quyết của ủy ban, họ đưa một số dân quân, một số người trong ủy ban và tôi đến chùa. Ông ra lệnh cho chúng tôi vào điện hạ bệ các Ngài xuống: Ngài Tam Bảo, Ngài A-di-đà, Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát, Ngài Địa Tạng, Ngài Di-lặc, Ngài Hộ Pháp, Ngài Tiêu Diện vân vân và vân vân... Họ ôm các Ngài ra sân. Tôi cúi xuống ôm hai tay hai Ngài, rồi giả vờ để xuống, cúi xuống lại đứng lên để đi sau đoàn người. Lợi dụng lúc cúi xuống, tôi đặt xuống sân một Ngài, rồi mau chóng cho đôi chân Ngài Thích-ca Mâu-ni đứng vào trong cặp quần trước bụng. Sau tiết đông chí, trời rất lạnh. Tôi mặc chiếc áo bông rộng thùng thình ra bên ngoài. Nghĩ thế nào... giờ tôi cũng không hiểu ra sao lúc đó tôi lại có hành động như vậy. Khi ấy, đôi chân Ngài Thích-ca đã đứng vững trong cặp quần. Toàn thân Ngài với hai con rồng uốn chầu khuất trong hai vạt áo bông. Cứ thế, một tay tôi giữ Ngài, tay khác ôm thêm một Ngài khác trước bụng và đi vòng ra sau lưng nhà hậu tăng làm như người muốn đi tiểu tiện. Phía giếng nước không có ai. Tôi đi vòng ra sau lưng chùa, rồi chuôi nhanh Ngài Thích-ca vào trong bụi rười um tùm. Tôi quá mừng. Không có ai trông thấy việc làm của tôi. Tôi đi vòng ra sân, đặt Ngài Tiêu Diện xuống đó và theo sau tốp người vào khuôn chuyển khác. Một chuyển. Hai chuyển. Ba chuyển, và mấy chuyển sau đó nữa mới xong. Chuyển cuối cùng là hai Ngài Thiện - Ác quá to lớn nên đoàn người phân đôi để cùng khiêng. Hai Ông to lớn tưởng nặng lắm ai hay lại nhẹ. Bên ngoài sơn son thếp vàng, mặt mày râu ria dữ tợn, nhưng bên trong tổng bọng nên mới nhẹ đến thế. Họ đặt hai Ngài Thiện, Ác xuống, rồi xô ngã hai Ngài đè lên trên tất cả các Ngài đã khuôn ra trước. Lúc này, ai cũng muốn làm cho xong việc. Các ông trong ủy ban cũng không cất cử ai kiểm kê số tượng Phật để làm gì.

Đoạn mọi người lùi cả ra. Có người giả vờ đi tiểu tiện rồi bỏ về. Tôi nhận ra lúc này mấy vị chủ chốt trong đảng ủy, ủy ban không có gương mặt nào cả. Đến khi các tượng Phật, Thánh đã chất thành một gò giữa sân chùa thì ông Hưởng xuất hiện. Trên tay ông cầm chai dầu hỏa tưới lên các Ngài, rồi hô:

Ai xung phong vào đốt!

Không có ai trả lời. Đoàn người tản bót về quá nửa.

Bỗng ông An, chủ tịch, và ông Tâm, bí thư xuất hiện. Ông Hưởng nói: Báo cáo hai anh, không ai chịu vào đốt.

Ông An ờ... à... lấp bắp nơi cửa miệng, đầu cúi gập gật rồi nói: “Thôi được, tất cả ngồi xuống đây làm vài bát

cho ấm bụng cái đã. Nói rồi, ông lúi trong bị xi-măng ra hai bi-đông rượu, hai cái bát sắt tráng men, rồi rót ra bát đặt xuống nền sân gạch. Không ai nói gì với ai. Không có ai lên tiếng chúc tụng điều gì. Đoạn hai ông chủ tịch, bí thư bung lên nửa bát rượu và cùng uống cạn. Ông An tiếp rót vào hai bát rồi ngẩng mặt về phía ông phó chủ tịch và ông Hưởng như là nói đến phiên hai vị. Và, hai ông ấy tới bung lấy bát rồi dốc cạn. Ông An kéo tay ông Hưởng ra một chỗ xa và thì thầm trao đổi điều gì đó. Lúc này ông Tâm tự tay rót rượu. Ông rót hai bát đầy tràn, đặt lên tay tôi một bát, nói: Cùng lính tráng với nhau, nào uống đi, chú mày. Ông Tâm dốc bát rượu ào ào ực ực vào trong cổ họng. Thấy tôi còn chần chừ, ông trợn mắt: Hết ngay! Sợ quá, tôi nhả mặt nhưng cố uống cho kỳ hết.

Lúc này ông An, ông Hưởng “hội ý” xong đã trở lại. Ông An còn đập đập vào vai ông Hưởng nói nhỏ những lời sau chót mà tôi còn nghe rõ “cứ thế nghe, cứ thế”.

Hai ông trở lại ngồi bệt xuống sân gạch. Ông An rót rượu vào hai bát đã sạch nhẵn như lau. Rượu nặng, uống một hơi cả bát đầy, tôi thấy người oải ra. Đến lúc ông An nâng cao bát rượu đầy, khuyến khích: Ai nâng bát lên với tôi chớ, đừng để yếu đi chớ! Uống nữa còn rót, rượu vẫn còn trong bi.

Không ai hưởng ứng. Ông Tâm đi tới bung bát rượu đặt lên tay tôi: Uống với chủ tịch đi mày! Ông An bung bát rượu đầy chạm vào bát tôi. Có nhiều tiếng hô “Uống”. Sợ ông Tâm lại mắng, tôi uống bát rượu đầy thứ hai.

Như đã bàn bạc đầu đầy cả rồi, sau tầm rượu thứ hai là hành động. Ông Hưởng hô lớn: “Đồng chí Ty, cầm lấy đóm châm vào đi! - Úi... Sao là tôi? Còn họ thì tránh? Họ bắt một mình tôi lãnh tội? Trời Phật ơi, tôi không muốn làm điều ác! Biết vậy nhưng tôi không thét ra lời. Rượu đã ngấm vào thập phủ ngũ tạng. Tôi chơi với và ngã chúi xuống sân gạch. Nhưng, có hai người kéo tay tôi đứng thẳng lên. Người tôi đã xoay chong chóng. Nhưng cái đầu tôi lúc ấy vẫn biết những sự việc đang diễn ra xung quanh. Tôi vẫn nhớ đến Ngài Thích-ca Mâu-ni đang đứng trong bụi rười.

Họ giữ cho tôi đứng vững. Và, một người đặt vào tay tôi bó đóm ruột mây đang đỏ lửa. Họ vừa giữ vừa đẩy tôi nhích dần về phía các Ngài! Cây đóm như nòng súng ba-dô-ca chuẩn bị khạc cục lửa vào các Ngài! Họ vừa giữ vừa rê rê cho đôi chân và toàn cơ thể người tôi nhích đi cho đến khi đầu lửa đóm chạm trúng vào một Ngài! Và, một khối lửa bùng lên!

Tôi tối tăm mặt mày. Tôi thấy tôi bị giật trở lại. Đúng. Họ kéo tôi giật lùi một đoạn cho xa ngọn lửa rồi để tôi nằm lại ở đó. Không còn có ai hỏi han gì tôi cả. Lửa cháy rần rần. Tôi lịm đi. Trong cơn mê man tinh thần bất toại, tôi nghe hình như có tiếng la chửi trong các ngó: “Quần đốt chùa! Trời đánh Thánh vật chúng bay! Quần đốt chùa! Trời đánh Thánh vật chúng bay!”

Chị tôi khóc òa. Khóc tức tưởi. Anh Tỵ bung chén nước uống rồi nói tiếp: “Trời ơi! Khi tôi tỉnh rượu, tôi vẫn còn

nghe những tiếng chửi ở những phường khác: 'Trời đánh Thánh vật chúng bay! Quân đốt chùa!'. Tôi nghĩ, trong lúc tôi đang mê man những tiếng chửi rủa kia có thể còn riết róng, cay nghiệt hơn nhiều vào những quân vô đạo, mà, lúc đó, họ chỉ biết thoát thân, bỏ chạy về nhà ngủ khi hoặc vẫn lẩn tránh đầu đó, vẫn cho người theo dõi đám cháy đã tiêu sạch chùa, hoặc đang quây lại nhậu nhẹt ở đầu đó để bàn tính chống trả, bởi những lời chửi rủa ấy có thể mang lại hậu họa cho họ?

Ngọn lửa vẫn cháy phừng phực. Tôi ngồi dậy. Tôi khóc. Tôi đã nhớ ra tất cả: Họ ép tôi uống rượu. Tôi sợ hãi. Tôi dờ dẩn. Tôi mê muội. Tôi đã cầm đóm lửa. Họ đẩy tôi đến chỗ các Ngài khi các Ngài đã được chất lên như một đồng củi gộc đã được tưới dầu! Giờ các Ngài đang thành những thỏi lửa chồng lên nhau. Ông Thiện, Ông Ác to lớn càng đè các Ngài bẹp xuống. Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát cứu khổ cứu nạn, cái đầu rụng ra khỏi cổ, bàn tay đã buông lơ lửng nước Cam Lộ! Ngài Địa Tạng cứu độ chúng sanh nơi địa ngục, tai sút, hai cánh tay lia thân, các ngón tay đã mủn. Đức A-di-đà Tây Phương tiếp dẫn nằm sấp mặt. Ngài Tiêu Diện Đại Sĩ thống lãnh tam thập lục bộ cô hồn, miệng Ngài luôn phun lửa để tránh tiếng ồn cho thập phương tu hành đắc đạo. Nhưng Ngài không thể phun lại nổi ngọn lửa tẩm dầu đang thiêu đốt quanh thân Ngài và tất cả các Ngài! Tất cả, tất cả các Ngài đang biến thành tro! Tôi gào khóc như người lên cơn động kinh. Tôi nói mếu máo trong hơi thở mệt nhoài: "Các Ngài, Niết-bàn là thế này ư? Người ta đã đưa các Ngài về chốn Niết-bàn như thế này ư?" Tôi khóc. Tôi nói đại trong nước mắt về những lời này hình như chưa phải nghĩa thì phải? Tôi đâu đã hiểu chữ Niết-bàn?

Mô Phật! Chị tôi thốt lên!

Rồi bỗng có tiếng gà gáy, anh Ty kể tiếp, một tiếng rồi nhiều tiếng. Trời sắp sáng. Xung quanh tôi vắng lặng. Tôi mới biết là người ta cố đẩy một mình tôi vào làm cái việc tàn ác vô song này! Tôi nhìn ngọn lửa đang cháy âm ỉ trên tượng Ông Thiện, Ông Ác, các Ngài khác đã biến dạng không còn có thể nhận ra danh đức mỗi vị. Tôi nhớ đến Ngài Thích-ca Mâu-ni đang còn đứng trong bụi rười. Tôi đi dò quanh chùa coi còn có động tĩnh gì không? Cổng tam quan im ắng. Quanh giếng nước sau chùa im ắng. Những giọt sương trên những lá đa giọt xuống đầu tôi lạnh buốt và im ắng. Cửa sau nhà hậu tăng để ngỏ. Xung quanh chùa Đồng Giàu chỉ còn là một màn đêm dày đặc.

Tôi lẹ làng đi đến bụi rười. Tôi cúi xuống kéo Ngài Thích-ca Mâu-ni ra và đặt Ngài đứng theo vị trí và động tác che chắn như khi "thỉnh" Ngài từ trong chùa ra đây. Tôi ôm Ngài và áp chặt Ngài vào bụng tôi. Ngoài trời tiết đông lạnh nhưng lòng tôi ấm áp lạ thường. Tôi mang Ngài đi về phía nhà tôi. Tôi hé cửa lọt vô nhà.

Vợ tôi trở mình, hỏi: Ba nó đấy à? Vàng, tôi đây. Tôi đáp nhanh và gọn cho vợ biết để an tâm mà vỗ lưng cho con khỏi trở giấc. Đúng thế, nghe tôi đáp, vợ tôi ôm đứa con nhỏ ngủ lại bình thường.

Thật yên tâm. Tôi đặt Ngài Thích-ca Mâu-ni xuống giữa bàn. Tôi bật diêm châm đèn... Tôi bắc thang lên tra. Tôi đưa Ngài Thích-ca Mâu-ni lên và đặt Ngài đứng trong bồ lúa đã vơi hơn nửa rồi đập nắp lại. (Mô Phật, tiếng chị tôi). Tôi xuống cất thang sang bên chái nhà ngoài. Một quá, tôi chui luôn vào chăn bên lưng vợ nóng ấm, nhưng không sao nhắm mắt lại được. Quanh tôi như có lửa vẫn cháy rần rần. Trong tai tôi vẫn ong ong những tiếng chửi thành tiếng: "Quân đốt chùa! Trời đánh Thánh vật chúng bay! Quân đốt chùa!".

Mô Phật! Chị tôi lại thốt lên. Hai tay ôm lấy mặt và gục xuống bàn nức nở khóc.

* * *

Vĩ thanh

Năm tháng trôi qua. Nghiền ngẫm mãi tôi mới viết xong câu chuyện này. Tôi mang bản thảo về chùa Đồng Giàu đọc cho bạn tôi nghe, người bạn chí cốt từ thuở thiếu thời của tôi. Giờ bạn là vị thánh giả đầu tiên, tôi nghĩ vậy. Trước là để khoe với bạn. Sau là để bạn chỉ cho đôi ý cần thiết mà sửa sang lại bản thảo cho tốt hơn.

Mới bước vào nhà, bạn tôi đã cho hay: Anh Ty vừa mất! Ôi! Đời người sao mà ngắn ngủi! Quá buồn. Tôi bảo bạn cùng đi thăm chị Sơn với tôi luôn thể thấp nén hương cho chồng chị.

Ở đây, nhiều người đang tụ tập ngồi nghe chị Sơn kể lại câu chuyện mà trước đây anh Ty thường kể cho những ai tới thăm. Chị Sơn kể rành rẽ, khúc chiết, xúc động không kém gì chồng chị trước đây. Có khác chăng một chút là ở ngôi thứ của người kể. Trước đây anh Ty xưng "tôi", thì nay, chị Sơn dùng "nhà tôi" vậy.

Tôi và bạn bước vào hiên nhà chị Sơn rồi ngồi xuống bậu cửa để cùng nghe với những người đến trước đã ngồi chật trong nhà, những thánh giả tâm đắc đang hầu chuyện gia chủ.

Chị Sơn đã nhìn thấy chúng tôi đi vào nhưng vẫn kể tự nhiên. Câu chuyện đã đến đoạn cuối: "Trong đêm tối, nhà tôi hé cửa bước vô nhà, châm đèn, bắc thang lên tra và, nhà tôi đưa Ngài Thích-ca Mâu-ni lên "tọa" trong bồ lúa và đập nắp lại".

Từ khi chị Sơn kể chuyện thay anh Ty, câu chuyện có thêm một đoạn ở cuối chót là lời trần trối của chồng chị: "Đến khi nào giới Tăng Ni Phật tử, thập phương bốn đạo đóng góp xây lại chùa Đồng Giàu và có Thầy về trụ trì thì mẹ chúng nó mới được để thập phương bốn đạo thỉnh Ngài Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni trở lại chùa Đồng Giàu. Bằng không, dù ai có chồng tiền của ngang đĩnh Đầu Mâu hoặc mang những cái danh, cái chức vị cá nhân hoặc các tổ chức, dù có đủ mọi giấy tờ (có dấu triện đỏ chói)... thì, mẹ chúng nó cũng đều cự tuyệt không thể để họ mang Ngài Bổn Sư ra khỏi nhà mình.

Sau khi tôi nhắm mắt rồi, mẹ chúng nó dù là đàn bà cũng phải sống thanh cao, ăn mặc ngay ngắn, sạch sẽ và cùng với các con đêm ngày thệ nguyện TÂM TÍN CHÂN ĐỨC mà hương khói cho Ngài!". ■

Trẻ em và thức ăn chay

CAO HUY HÓA

An chay từ rất lâu đời là chuyện của phương Đông, là chuyện thường ngày của người Phật tử, nhưng từ mấy chục năm qua lại là chuyện thời sự của phương Tây và của thế giới. Có hiện tượng đó là vì:

- Đạo Phật đã được truyền bá qua phương Tây và các lục địa khác. Phật tử hiện nay có đủ màu da.

- Khoa học dinh dưỡng và y khoa hiện đại đã chỉ ra nguy cơ của chuyện ăn thừa thịt, thiếu rau quả, do đó có nhiều người cải thiện chế độ ăn, nghiêng về rau quả.

- Ăn chay không còn là ăn cực khổ (!). Ăn chay vẫn có thể đủ chất dinh dưỡng, khiến cơ thể mạnh khỏe, nhẹ nhàng.

- Thế giới đang đau đầu vì vấn nạn hâm nóng trái đất, biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính... trong đó ngành công nghiệp chăn nuôi và thức ăn công nghiệp quy mô lớn là một trong những thủ phạm đáng kể của ô nhiễm môi trường và hâm nóng trái đất.

- Cách nuôi và lấy thịt trong các trại chăn nuôi vô cùng tàn ác, khiến lương tâm con người phải xét lại cách hành xử với con vật.

Càng ngày càng có nhiều người phương Tây ăn chay, người trí thức và người trẻ càng ăn chay nhiều hơn; có người ăn chay triệt để, có người ăn chay có kèm theo ăn trứng và các sản phẩm từ sữa.

Chuyện ăn chay đang trở thành bình thường trên thế giới, nhưng... đó là bình thường đối với người lớn. Thế còn trẻ em? Hình như ở đâu cũng có dè dặt. Trong nhiều gia đình Phật tử ăn chay định kỳ (tháng 2 ngày, 4 ngày hoặc 10 ngày...), có trường hợp cha mẹ cho mấy đứa nhỏ được ăn mặn, vì *"tội, hẳn nhỏ quá, ăn rứa là thiếu chất!"*. Ngay cả những cô nhi viện Phật giáo, những trường mầm non từ thiện Phật giáo, có nơi cho trẻ ăn mặn, và như thế bếp núc chia hai, chén đĩa chia hai, và thuê người ngoài vào nấu, hoặc đem thức ăn đến. Lý do cũng vì những người điều hành tin rằng con



nít cần ăn thịt cho đủ dinh dưỡng. Ngay cả giới y khoa, có nhiều bác sĩ không tin tưởng giá trị dinh dưỡng của ăn chay, huống hồ gì cho trẻ em ăn chay!

Chuyện bên Tây cũng thế, nhưng... có khác! Khác là vì bên Tây có dư luận nhiệt tình ủng hộ ăn chay, đặc biệt có một con người lỗi lạc đã không đồng ý với định kiến cho rằng ăn chay là thiếu chất dinh dưỡng, mà trái lại, ăn chay làm cho con người lành mạnh và giàu thể lực. Người đó là *Matthieu Ricard*, sinh ngày 15/2/1946, người Pháp, nhà văn viết tiểu luận (essayiste), nhà sư danh tiếng theo pháp môn Tây Tạng, người cộng sự và thông dịch viên của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14. Nhà sư là con của ông Jean-Francois Revel (tên khai sinh là Jean-Francois Ricard), một nhà triết học Pháp nổi tiếng và bà Yahne Le Toumelin, một nữ họa sĩ theo trường phái trừu tượng. Ông làm việc tại Viện Pasteur (Paris), và năm 1972, đỗ tiến sĩ về tế bào di truyền học tại Đại học Sorbonne, nhưng liền sau đó ông bỏ ngang nghiên cứu khoa học và dẫn thân vào hành trình tâm linh bằng cách đến đất Phật Darjeeling ở Ấn Độ để tu tập. 26 năm sau, thầy xuất hiện như là một nhà sư Tây Tạng và là một học giả. Thầy đã viết nhiều tác phẩm, trong đó, có một tác phẩm cùng viết với cha mình "*Happiness: A Guide to Developing Life's Most Important Skill*" (Hạnh phúc: Hướng dẫn phát triển kỹ năng quan trọng nhất trong cuộc sống), và một tác phẩm nổi tiếng khác, cùng viết với nhà vật lý thiên văn học Việt Nam Trịnh Xuân Thuận, cũng là một Phật tử: "*L'infini dans la paume de la main*" (Vô tận trong lòng bàn tay).

Nhà sư Matthieu Ricard lên tiếng nhân sự kiện người ta giới thiệu một *thực đơn chay tự chọn cho căng-tin các trường*, một thực đơn không dính dáng đến tôn giáo nào mà chỉ cốt đem lành mạnh cho con người, tôn trọng sự sống con vật và góp phần trong sạch môi trường. (Dĩ nhiên trong căng-tin, vẫn những món ăn mặn bình thường, nhưng có thêm thực đơn chay để học sinh tự chọn). Thiện ý đó không được Thị trưởng Gilles Platret của thành phố Châlon-sur-Saône đáp ứng, vì theo ông thị trưởng, *một thực đơn như thế đặt ra "những vấn đề quá lớn" và "theo nhiều nhà thần học chuyên khoa ăn uống", chế độ ăn chay "không đem đến những nguồn dinh dưỡng đầy đủ cho trẻ, đặc biệt là chất sắt, mà thiếu nó sẽ đưa đến một môi trường cho học sinh"*.

Trong một bài báo nhan đề "*Pour des menus végétariens à l'école*" (Về những thực đơn cho học sinh ở trường) đăng trên tờ *Le Monde* (online) ngày 1/9/2015, nhà sư Matthieu Ricard đã bác bỏ những định kiến đó bằng những luận cứ khoa học rõ ràng và chắc chắn. "Theo những dữ liệu được cung cấp bởi Tổ chức toàn cầu về sức khỏe và Tổ chức LHQ về lương thực và nông nghiệp (FAO), trong phần lớn nguồn thức ăn rau quả, có 9 a-xít a-min quan trọng bảo đảm đầy đủ lượng và tỉ lệ thích đáng cho con người. Hơn nữa, FAO cho biết, đem so sánh hàm lượng protéines trên hàng trăm

thức ăn, thì 13 thức ăn đầu tiên của danh sách là rau quả (trong đó, đậu nành 38,2%, đậu Hà Lan, 33,1%, đậu đỏ và đậu lăng 23,5%) và một loại nấm (men bia 48%)".

Trong hàng trăm thức ăn đó, thịt đứng sau xa các thức ăn thực vật. "Loại thịt xếp đầu tiên, dăm-bông heo, ở vị trí thứ 14 với 22,5%, loại cá đầu tiên, cá ngừ, vị trí 23 với 21,5%, trong khi trứng và sữa lần lượt ở vị trí 33 và 75 với chỉ 12,5% và 3,3% protéines. Một nguồn thực phẩm đơn giản cho con người có gốc thực vật đủ giải quyết nhu cầu về protéines, cả lượng và chất". Không chỉ thấp hơn protéines so với nhiều thức ăn thực vật, mà thịt, vốn lâu nay được coi là tối ưu cho bữa ăn của con người, lại có thể dẫn đến nguy cơ về sức khỏe và bệnh lý. "Một nghiên cứu về bệnh ung thư và dinh dưỡng được hướng dẫn bởi EPIC (European Prospective Investigation into Cancer and Nutrition) thực hiện trên 521.000 người, đã chứng tỏ những người ăn nhiều thịt đỏ có đến 35% nguy cơ phụ phát triển ung thư kết tràng, hơn những người ăn ít thịt".

"Theo một nghiên cứu khác xuất bản ở Đại học Harvard năm 2012 bởi An Pan, Frank Hu và những cộng sự, thực hiện trên hơn 100.000 người được theo dõi qua nhiều năm, mức tiêu thụ hằng ngày về thịt dính líu đến một nguy cơ tăng lên tử vong do tim mạch đến 18% nơi đàn ông và 21% nơi đàn bà, trong khi tử vong do ung thư lần lượt là 10% và 16%. Đối với những người tiêu thụ nhiều thịt đỏ, nếu thay thế thịt bởi lương thực là những hạt đầy đủ (céréales complètes) hay những nguồn protéines thực vật khác thì sẽ giảm được 14% nguy cơ tử vong sớm. Mặt khác, thịt chứa cặn bã của chất trừ sâu bệnh khoảng 14 lần nhiều hơn thực vật, và hơn gấp 5 lần những sản phẩm sữa. Những chất gây ô nhiễm hữu cơ tồn tại dai dẳng đã tích tụ trong những mô béo của con vật và đi vào thức ăn của người. Những chất đó cũng được tìm thấy trong thịt của cá nuôi, vì được nuôi bởi thức ăn được chế tạo tập trung khởi từ protéines động vật. Những phân tử đó không chỉ gây ung thư mà còn độc hại cho sự phát triển hệ thần kinh của thai nhi và trẻ nhỏ".

Tuy nhiên, *vitamine B12 cần thiết cho sự hình thành hồng huyết cầu của máu, thì không có trong cây cỏ, nhưng người ta tìm thấy nó trong sữa và trứng. Như vậy, những người ăn chay vegetariens không có vấn đề gì, vì họ dùng sữa và trứng, còn đối với những người ăn chay triệt để vegans (không dùng các sản phẩm từ sữa và trứng) thì nhà sư khuyên dùng dạng thực phẩm bổ sung, từ hoạt chất có vitamine B12.*

Một dấu hỏi được đặt ra: Liệu ăn chay có thích hợp với phát triển thể chất, đặc biệt là cho những tài năng thể thao? Nhà sư đã dẫn chứng rõ ràng: "Carl Lewis, sở hữu 9 huy chương vàng tại các thế vận hội; Bode Miller, huy chương vàng trượt tuyết trên núi; Edwin Moses, vô địch 122 lần 400 mét vượt rào; Martina Navratilova, nữ vô địch lâu nhất trong lịch sử tennis; nhà vô địch chạy



marathon Mỹ Scott Jurek; Patrik Baboumian, được mệnh danh là “người mạnh nhất thế giới”; Fauja Singh, người Ấn ăn chay, là người 100 tuổi đầu tiên còn chạy marathon; và nhà vô địch trẻ thế giới về trí nhớ, Jonas Von Essen”.

Cuối cùng, có gì thuyết phục hơn chuyện ăn chay đem lại lợi ích cho những nhà bảo hiểm sức khỏe? “Những nhà bảo hiểm không sai lầm chút nào: tại Mỹ, Kaiser Permanente, một công ty bảo hiểm lớn về bệnh tật, với hơn 9 triệu người tham gia, khuyến khích bác sĩ ‘khuyến tất cả bệnh nhân một chế độ ăn có căn bản thực vật’. Tại Anh, một công ty bảo hiểm đời sống đề nghị giảm 25% phí bảo hiểm cho những người ăn chay. Những tác giả của công trình nghiên cứu của Anh làm việc trên 65.000 người, trong đó có 17.000 người ăn chay, đã kết luận: ‘Những chính quyền muốn làm sáng tỏ công luận về một chế độ thuận lợi cho sức khỏe và phù hợp với môi trường, thì cần khuyến cáo dân giảm tiêu thụ những sản phẩm động vật”.

oOo

Như thế, những bằng chứng khoa học về lợi ích của ăn chay nêu trên là có tính thuyết phục cao, góp phần củng cố nhận thức lâu nay của Phật tử. Thật ra, Phật tử có thể nói rất dài danh sách những người ăn chay mạnh khỏe, vui tươi, nước da sáng; nữ đẹp mà nam cũng đẹp, những người này không đâu xa mà ở xung quanh chúng ta, họ là người tu hành và người bình thường. Trên

mạng, cũng loan tin các người đẹp thế giới và VN sở hữu nét thanh xuân và làn da đẹp nhờ ăn chay trường, xin nêu vài diễn viên và ca sĩ VN nổi tiếng: Trương Thị May, Việt Trinh, Võ Hạ Trâm, Hồ Quỳnh Hương...

Tuy nhiên, đối với người ăn chay bình thường, đặc biệt là đối với người trẻ và học sinh, đầu chế độ ăn không cầu kỳ, nhưng món chay cần bảo đảm nguồn sạch, đủ chất dinh dưỡng, tiện dụng và ăn ngon miệng. Những yếu tố đó đã được giải quyết ở nhiều người và nhiều nơi, và nếu được xã hội ngày càng công nhận lợi ích ăn chay một cách rộng rãi để bớt đi sự hoài nghi về “ăn chay thiếu chất”, thì sẽ đến lúc thực đơn chay ở căng-tin nhà trường sẽ được học sinh tự chọn tận tình, nhất là lớp trẻ phương Tây bây giờ đã sớm trưởng thành trong suy nghĩ cứu vãn hành tinh này và vì lý tưởng cộng sinh với vũ trụ và muôn loài. Vui lắm chứ, những con người lớn lên sẽ giàu từ bi và trí tuệ! ■

Chú thích:

1. **Céréales complètes:** Đây là những hạt lương thực từ cây trồng như lúa mì, gạo, lúa mạch và đại mạch, tạo thành lương thực căn bản của con người từ mấy ngàn năm. Trước thời đại công nghiệp, những thứ đó được nấu và ăn nguyên hạt, sau khi lấy hết vỏ. Sau đó, con người đã xay và biến đổi hạt với quy mô lớn, làm tách ra và vất bỏ cám và mầm, để cho ra một thứ bột tinh chế. Bột này có ưu điểm là để làm bánh, làm sợi rất mềm mại và giữ được lâu. Tuy nhiên, những tinh chất trong cám và mầm đã bị mất đi.

(theo EUFIC - European Food Information Council)



Trò chơi nhóm

Tôi rất thích được thức dậy trong đêm để chuẩn bị khởi hành cho một chuyến đi. Màn đêm có một sự quyến rũ đặc biệt và, khi thành phố ngủ yên, dường như có nắm giữ một bí mật nào đó mà sự huyền bí chỉ bị khám phá lúc mặt trời sắp mọc. Trong sự tĩnh lặng, tôi có thể nghe được tiếng động rất khẽ của những người đang tắt bật để chuẩn bị hàng cà-phê hay thức ăn sáng cho những vị khách thức dậy sớm đang đi bộ thể dục quanh khu nhà. Trong bóng đêm lơ mơ đó tôi thường bị thu hút bởi những ánh đèn hay bởi những mùi vị phát ra từ những quán phở, quán hủ tiếu hay bún bò Huế.

Thời điểm ấy tôi không bị những tiếng ồn giao thông trên đường phố hay những tiếng còi inh ỏi làm phiền... và nhờ thế mà quên đi cái cảm giác khó chịu là đang sống trong một thành phố lớn và hiện đại.

Trong một không khí như vậy tôi đã chuẩn bị một

chuyến đi về Quy Nhơn. Có lẽ đây là lần đầu tiên mà trong suốt cuộc hành trình, dù đêm trước ngủ rất ít, tôi vẫn không thấy mỏi mệt. Ngược lại, nói một cách thành thật, tôi thấy mình vui và được cười đùa thật nhiều.

Thật rất khó kết nối được nhiều người và bảo họ bằng lòng thức dậy sớm... dẫu biết là sau đó sẽ gặp để sống những phút giây vui vẻ bên nhau, quây phá một cách dí dỏm và thông minh hoặc trao đổi về những ý nghĩ sâu lắng, nhẹ nhàng.

Tôi chợt hiểu ra rằng những người mà chúng ta gặp gỡ trong đời quan trọng biết bao, những người bạn gắn bó cùng ta suốt một thời gian dài hay có khi chỉ dừng lại trong những phút giây ngắn ngủi.

Một bức hình, một câu chuyện giữa hai người hoặc thậm chí với những tranh luận bất ngờ không chờ đợi... tất cả đều là những kỷ niệm quan trọng và góp phần mang lại một ý nghĩa nào đó cho đời sống chúng ta.

Chuyến đi thật dài nên tôi đã có đủ thời gian để suy



ELENA PUCILLO TRUONG
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch

ngiht và nhớ lại nhiều điều. Trong những điều ấy có câu chuyện của một người bạn thân ở Ý.

Nhiều năm trước, bị áp lực gia đình và công việc nên anh bị căng thẳng nặng, tâm thần rối loạn và bị ức chế tâm lý rất sâu. Rồi tuy không tin tưởng lắm nhưng nghe theo lời của một người bạn, anh đến gõ cửa phòng mạch của một bác sĩ tâm lý trị liệu để nhờ giúp tìm lại sự bình an.

Người bạn thân mến của tôi tưởng là mình sẽ trải qua vài giờ, nằm trên một chiếc giường trong phòng khám để kể về những nỗi lo âu của mình. Điều mà anh từng thấy qua các phim ảnh Mỹ hay các phim của đạo diễn Woody Allen, trong đó người bị trầm cảm nằm kể liên tục những khổ tâm của mình với bác sĩ tâm thần và phải trả rất nhiều tiền, nhưng không bao giờ giải quyết được vấn đề của mình.

Thế nhưng ông bác sĩ tâm lý lại đề nghị bạn tôi tham gia trị liệu nhóm. Buổi chiều đầu tiên, bạn hỏi hộp đến

phòng mạch, sẵn sàng tham gia vào nhóm trị liệu. Anh nhìn thấy có nhiều chiếc ghế đặt sẵn dựa vào tường trong một căn phòng, thế nhưng anh được mời ngồi xuống đất với các bệnh nhân khác. Nhà tâm thần học nói vài lời rồi ra lệnh... và ngay tức khắc bạn tôi chơi với: Tất cả phải ngồi thành một vòng tròn và sau đó bắt đầu gào lên những âm thanh từ cổ họng cho thỏa thích.

Sau chừng mười phút, căn phòng trị liệu giống như một chiếc cối trong sở thú, âm thanh hỗn loạn như tiếng khí kèn, sư tử rống... và sau buổi trị liệu, toát mồ hôi vì gắng sức, tất cả đều trở về nhà cùng với những vấn đề mà trước khi đến phòng chữa trị họ đã mang theo; điều khác biệt là túi tiền đã rỗng.

Người bạn của tôi sau đó đã vượt qua cơn khủng hoảng tinh thần và rối loạn tâm lý nhờ những buổi tâm tình với vợ và những người bạn thân thiết, chắc chắn thành công hơn với những liệu pháp chữa trị tâm lý. Trên thực tế người xưa đã chữa trị sự trầm cảm, lo âu hay bấp bênh tâm lý bằng cách đối thoại tin yêu từ nhiều thế kỷ trước. Luôn luôn có một người anh, một cô em gái, một người bạn... hoặc nếu không tìm được ai trong gia đình, họ đến tìm một vị linh mục, một nhà sư, một người khôn ngoan và có uy tín trong làng... Nói chung là luôn có một người nào gần gũi mà họ có thể xin một lời khuyên.

Nhưng hiện nay nhiều chuyện đã đổi thay. Những điều vui thích và cho ta niềm vui dường như không dám để người khác quan tâm, nhằm tránh sự đổ kỵ. Trong khi những lừa lọc và thù hận, nhất là trong quan hệ vợ chồng, những tranh chấp về quyền lợi và tiền bạc, của việc mua và bán những thứ, thường là không hiện hữu, những chuyện ngồi lê tọc mạch hay xấu xa thì được trao đổi thường xuyên đến thừa mứa.

Trong suốt cuộc hành trình với các bạn, tôi không hề nghe thấy những câu chuyện tâm phào và vô bổ ấy. Ngược lại, tôi thấy là tất cả đều ý thức về sự san sẻ cùng nhau những giây phút quý báu, dĩ nhiên mỗi người đều gánh vác sự nặng nhọc của mình trong đời, nhưng biết sống bằng một sự đơn giản, không quá khích, vì đã hiểu thế nào là những giá trị quan trọng, trong đó có tình bạn.

Thế là chúng tôi, như thể đã cùng tham gia vào một liệu pháp chữa trị nhóm, có đến năm ngày để thư giãn, cùng nắm tay nhau với nụ cười trên môi vượt qua những khó khăn bất ngờ: như vì cơn mưa nên không đốt được lửa trại ở Bãi Xếp, lội bì bõm trên đường phố ngập nước ở Nha Trang...

Và còn hơn thế, trong suốt cuộc hành trình, luôn có người nào đó bên cạnh và niềm vui được ở bên nhau đã giúp chúng tôi sống thật bình an và sáng khoái, hơn hẳn các loại thuốc hay liệu pháp trị liệu nhóm nào hiện hữu trên thế giới. ■

Nguyên tác tiếng Ý: *Terapia di gruppo*

ĐẠO TRÀNG CHÂN TỊNH TỈNH PHÚ THỌ

20 năm thành lập và phát triển

Thời gian thấm thoắt qua mau, mới ngày nào Thầy trò còn ngồi bên gốc cây ven đồi nghỉ ngơi trong những đợt đi làm từ thiện ở những vùng sâu, vùng xa. Vậy mà đã 14 năm trôi qua kể từ ngày Ngài xả bỏ báo thân, quảy gót về Tây. Để ôn lại một số công việc Phật sự cơ bản mà cố Hòa thượng Thích Viên Thành đã gieo duyên Bồ-đề tại tỉnh Phú Thọ, Đạo tràng Chân Tịnh tỉnh Phú Thọ xin trích đăng bài viết này thay cho nén tâm hương xin kính dâng lên giác linh Người.

● GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 1995 – 2002

Đạo tràng Chân Tịnh tỉnh Phú Thọ sơ khai được thành lập ngày 29/3/1995 tại nhà Phật tử Tuất Đạm, SN 1007 ĐLHV, phường Thọ Sơn, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi Thầy Tổ đi thăm Đền Hùng và một số cán bộ tỉnh Vĩnh Phú cũ về nhà Phật tử Tuất Đạm nghỉ ngơi, vào buổi chiều sau nhiều lần ân cần cầu thỉnh, đến lúc này duyên lành hội đủ, Thầy Tổ chính thức cho thành lập một tổ Phật tử tại TP. Việt Trì lấy tên là Chân Tịnh thuộc Tùng Lâm Hương Tích – Chùa Hương. Với sự hiện diện của hơn 10 Phật tử, Thầy Tổ bố trí: Phật tử Lê Thị Tuất PD. Ân Quang làm Tổ trưởng và Phật tử Nguyễn Ái Thân, PD. Đạo Minh làm Thư ký.

Sau đó Thầy Tổ giao cho Thư ký soạn thảo những điều quy ước về hoạt động của tổ để trình Thầy Tổ duyệt. Một tuần sau, khi đọc bản thảo Thầy Tổ phê chuẩn như sau:

1. Hòa hợp trong tổ; Lấy từ bi hỷ xả làm gốc, lấy đạo tâm làm gốc. Giúp đỡ lẫn nhau, thức liêm thân tâm, trau dồi giới đức, diu dắt nhau trong tu tập để mọi người cùng tinh tiến.

2. Hòa hợp, yêu thương nhau trong tinh thần đạo Phật; Ôm thắm, chết viếng. Giúp đỡ nhau trong khó khăn hoạn nạn, khi cha mẹ - vợ chồng, gia quyến đạo hữu bệnh nặng và quá cố.

3. Thực hiện đầy đủ các điều thỏa thuận một cách nghiêm túc; Toàn tổ hòa hợp, tinh tiến tu trì cầu nguyện chư Phật, tôn Pháp, Thánh Tăng, chư Thiên, Hộ pháp, Thiện thần tùy từ gia hộ.

Năm 1993, được Thầy Tổ trợ duyên, chính quyền giúp đỡ và nhân dân tham gia đóng góp – Phật tử xây dựng chùa Tràng Đông, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì. Sau khi thành lập tổ Chân Tịnh, Thầy Tổ giao cho tổ trực tiếp giúp đỡ các cụ và Ban Xây dựng về vấn đề tu tập và một số Phật sự khác. Vì vậy, tổ thường tập trung tại chùa Tràng Đông để lễ Phật - tụng kinh và làm một số các công việc Phật sự khác, nhất là vào các dịp đại lễ như: Tết Nguyên đán, lễ Thượng nguyên, lễ Trung nguyên, Rằm tháng Bảy – Đại lễ Vu lan Báo hiếu; lúc này tổ đã có hơn 30 Phật tử thường xuyên sinh hoạt. Ngoài ra, mỗi khi Thầy Tổ về tỉnh Phú Thọ, thị giả Thầy Tổ đến làm từ thiện ở các huyện Thanh Sơn, Yên Lập, Thanh Thủy, Cẩm Khê, Hạ Hòa và có những đợt làm từ thiện ở An toàn khu Định Hóa tỉnh Thái Nguyên.

Năm 1998, dưới sự dẫn dắt của Thầy Tổ và được sự quan tâm cho phép của UBND tỉnh Phú Thọ, Đạo tràng cùng một số chư Tăng Ni và các Phật tử TP. Việt Trì đã xây dựng và tổ



chức thành công Đại hội đại biểu Phật giáo tỉnh Phú Thọ lần thứ nhất, nhiệm kỳ 1998 – 2003. Tại Đại hội này Thầy Tổ được suy cử làm Trưởng ban Trị sự và Sư thầy Đàm Nhã làm Phó ban Thường trực.

Để thống nhất các Phật tử TP. Việt Trì về một mối và đó cũng là tâm nguyện của tổ Chân Tịnh cùng các nhóm Phật tử. Tại kỳ họp của Đạo tràng Trung tâm ở chùa Thầy (Thiên Phúc Tự) vào ngày 16/7/2000 (15/6 năm Canh Thìn) dưới sự chủ tọa của Thầy Tổ và Thư ký là Sư bác Hà (nay là Đại đức Thích Minh Đồng) đã chính thức sát nhập các tổ Phật tử tại tỉnh Phú Thọ tu tập theo đường hướng mà Thầy Tổ chỉ dạy thành một tổ và đặt tên là **Tổ Đạo Nguyên Đạo tràng Chân Tịnh tỉnh Phú Thọ**, với cơ cấu nhân sự như sau: - *Tổ trưởng*: PT Dương Thị Sứ – PD. Chính Hạnh; - *Tổ phó*: PT Nguyễn Thị Sen – PD. Hồng Liên; PT Nguyễn Quý Diên – PD. Hải Đức; PT Đỗ Xuân Mây – PD. Quảng Tiến; - *Thư ký*: PT Nguyễn Ái Thân – PD. Minh Đạo; - *Liên lạc*: PT Ngô Thị Hòa – PD. Phúc Lạc.

Cũng tại kỳ họp này Thầy Tổ cho phép Đạo tràng ở các tỉnh làm *thẻ chứng nhận Phật tử* của Thầy Tổ. Công việc tương chừng như thuận buồm xuôi gió, có ai đâu ngờ vô thường ập đến. Hồi 16h40' ngày 31/5/2002 (nhằm ngày 20/4 năm Nhâm Ngọ), nhân duyên trần gian đã hết Thầy Tổ xả bỏ báo thân quảy gánh về Tây hầu Phật hầu Tổ. Thế là Thầy Tổ đã ra đi mãi mãi để lại phía sau Thầy Tổ là cả một khoảng trống vô hình vô tận... Nhưng chính trong giai đoạn này thì bộ kinh Kim Cương mà Thầy Tổ giảng đã phát huy hết khả năng và tác dụng vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn của Phật pháp. Đạo tràng về chùa

Mỏ Lao trợ duyên quý thầy lo chuẩn bị tang lễ cho giác linh Thầy Tổ trong 7 ngày 6 đêm. Đến ngày 6/6/2002 (nhằm ngày 26/4 năm Nhâm Ngọ) nhục thân giác linh Thầy Tổ được rước từ chùa Mỏ Lao về chùa Thiên Trù thuộc Tùng Lâm Hương Tích nhập bảo tháp.

● GIAI ĐOẠN II: TỪ NĂM 2002 – 2015

Theo bước chân Thầy Tổ kể từ lưu tồn, truyền đăng tục diệm, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức. Nhờ hồng ân Tam bảo và Thầy Tổ gia hộ, cũng như sự quan tâm giúp đỡ, cho phép của các ban ngành chức năng tỉnh Phú Thọ, sự nhiệt tâm hộ pháp của các Phật tử gần xa, đặc biệt là Phật tử trong Đạo tràng Chân Tịnh:

Ngày 28/7/2002 (nhằm ngày 19 tháng 6 Nhâm Ngọ) đã diễn ra lễ bổ nhiệm trụ trì Đại đức Thích Minh Thuận về trụ trì chùa Bảo Ngạn, xã Sông Lô, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Ngày 29/6/2004 (nhằm ngày 12 tháng 4 Giáp Thân) đã diễn ra lễ bổ nhiệm trụ trì Đại đức Thích Minh Nghiêm về trụ trì chùa Đại Bi, phường Bạch Hạc, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Ngày 23/10/2004 (nhằm ngày 10/9 Giáp Thân) đã diễn ra lễ bổ nhiệm trụ trì Đại đức Thích Minh Đức về trụ trì chùa Hoàng Long, xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Thế là chỉ trong vòng 2 năm, từ năm 2002 – 2004 Đạo tràng đã cung đón 3 vị Đại đức của Tùng Lâm Hương Tích về tỉnh Phú Thọ, đây thật là một điều đáng nhớ và hiếm có. Sau khi tập trung lo việc nhập tự của các Đại đức và một số Phật sự khác tương đối hoàn tất, cứ theo lệ cũ, đầu năm từ ngày 10 – 12 tháng Giêng, Đạo tràng lại về chùa Hương chôn Tổ giỗ Ông và khi Thầy Tổ viên tịch lại có ngày

20/4 âm lịch về giỗ Thầy. Ngày 1/6 âm lịch về chùa Thầy họp Đạo tràng Trung tâm, đây cũng là ngày sinh nhật của Thầy... Sau lễ Đại tường của Thầy Tổ, chư Tăng chốn Tổ đình Hương Tích đã khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. Vì vậy, ngày 17/7/2004 (nhằm ngày 1/6 năm Giáp Thân), tại buổi họp Đạo tràng Trung tâm ở chùa Thầy dưới sự chỉ đạo của chư vị: - Đại đức Thích Minh Đạo; - Đại đức Thích Minh Hiền; - Đại đức Thích Minh Hiển; - Đại đức Thích Minh Đạo (chùa Diên Phúc); - Đại đức

rút lui khỏi Ban cán sự.

Trước tình hình đó Đạo tràng đã họp kiện toàn lại với cơ cấu thành phần nhân sự như sau: - *Trưởng tràng*: Đại đức Thích Minh Nghiêm; - *Phó trưởng*: Đại đức Thích Minh Thuận; - *Thư ký*: PT Nguyễn Ái Thân PD.Minh Đạo; - *Phó Thư ký*: PT Trần Thị Nguyệt PD.Tuệ Quang; - *Thủ quỹ*: PT Trần Thị Chính PD.Tâm Minh; - *Liên lạc*: PT Đỗ Thị Phú PD.Tâm Minh.

Đạo tràng thống nhất 6 tháng đầu năm họp sơ kết và cuối năm họp tổng kết, luân lưu ở hai

thức cho tham gia sinh hoạt với Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, trực thuộc Ban Hoàng pháp GHPGVN tỉnh Phú Thọ.

Thật là hạnh phúc, sau 20 năm hình thành và phát triển dù cho có nhiều thăng trầm, biến đổi và có những lúc tưởng chừng như tan vỡ. Song nhờ vào oai thần của Tam bảo, công đức cao dày của Thầy Tổ và sự gia hộ của chư Tăng, Đạo tràng Chân Tịnh tỉnh Phú Thọ vẫn vững vàng như cửa đình và đã danh chính ngôn thuận trong đời sống tôn giáo, cộng đồng.

Hiện nay Đạo tràng Chân Tịnh tỉnh Phú Thọ có 151 hội viên nòng cốt, sinh hoạt tại 5 tổ ở 5 phường trong TP. Việt Trì, là phường Văn Cơ, phường Nông Trang, phường Gia Cẩm, phường Tiên Cát, phường Thọ Sơn và 1 tổ ở TX.Phú Thọ. Số hội viên của Đạo tràng tuy chưa nhiều nhưng hàng chục năm qua đã đóng góp và cống hiến cho xã hội, cho Phật giáo rất nhiều công việc ích đạo lợi đời một cách thiết thực, để lại dư âm tốt đẹp trong các gia đình và xã hội. Ngoài ra Đạo tràng đã trợ duyên tích cực cho 04 Phật tử trong Đạo tràng xuất gia đầu Phật.

Trong lĩnh vực học tập giáo lý, Đạo tràng đã không ngừng nỗ lực học tập. Hàng tháng luôn chia sẻ giáo lý đạo Phật trong các tổ, tạo nên không khí sôi nổi học Pháp. Đặc biệt, năm 2014 Đạo tràng đã có hơn 30 Phật tử theo học lớp *Bồi dưỡng Phật pháp* 18 tháng do Ban Hoàng pháp GHPGVN tỉnh Phú Thọ mở, học tại chùa Phúc Long, phường Tiên Cát, TP.Việt Trì và là lực lượng nòng cốt trong lớp học. Đồng thời, một số các Phật tử trong Đạo tràng đã rất tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng hoàng pháp do Ban Hoàng pháp TƯ GHPGVN mở tại các tỉnh thành.

● HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠO TRÀNG TRONG NHỮNG NĂM TỚI

20 năm đã trôi qua là một khoảng thời gian chưa phải là quá dài đối với sự hình thành và phát triển của một tổ chức, nhưng Đạo tràng Chân Tịnh tỉnh Phú Thọ đã vượt qua những thời khắc khó khăn và đang từng bước phát triển vững chắc. Bên cạnh những thành quả đã đạt được vẫn còn một số mặt cần khắc phục, rút kinh nghiệm. Vì vậy, để cho Đạo tràng hoạt động ngày càng tốt đẹp hơn, làm lợi ích nhiều hơn nữa cho đạo và đời, trong những năm tiếp theo Đạo tràng cần thực hiện tốt một số điểm căn bản sau:

1. Luôn đoàn kết, hòa hợp, giúp đỡ lẫn nhau trong tu học theo tông phong của Đạo tràng.
2. Không ngừng học tập giáo lý để ngày càng phát triển trí tuệ, giúp ích cho việc tu tập và giác ngộ.
3. Quan tâm đến việc phát triển, bồi dưỡng Phật tử trẻ để có đội ngũ kế cận thuận thành trong tương lai.
4. Phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục những nhược điểm, thiếu sót còn tồn tại, luôn luôn hoàn thành tốt các công việc Phật sự theo tinh thần tích cực, vươn lên.

Pháp Tuệ kính ghi



Thích Minh Hà. Với chủ trương duy trì, ổn định Đạo tràng Chân Tịnh với các điểm cơ bản sau:

- Thống nhất ngày 1/6 âm lịch là ngày họp Đạo tràng Trung tâm tại chùa Thầy.

- Hòa hợp – Tinh tiến – Dũng mãnh trong tu tập và hành trì với kim chỉ nam là: **Lấy Đại Nhật làm Bản tôn, lấy Tam mật làm tương ưng, lấy tinh tiến làm Báo ân.**

Thế là từ sau khi Thầy Tổ viên tịch đến nay Đạo tràng đã có phương hướng cụ thể về tu tập và các hoạt động Phật sự khác.

Nét đặc biệt của Phật giáo tỉnh Phú Thọ là có tổ chức Phật giáo đến cấp xã, phường, các khu phố, khu dân cư. Vì vậy, sau khi các Đại đức về trụ trì, hoàng pháp tại tỉnh Phú Thọ, công việc ở trụ xứ đã tương đối ổn định thì chư vị đã bắt tay vào công việc kiện toàn lại Đạo tràng và đã phát triển thành lập các tổ trực thuộc Đạo tràng Chân Tịnh ở các phường; đầu tiên là phường Tiên Cát sau đó đến phường Văn Cơ, phường Nông Trang, phường Thọ Sơn, phường Gia Cẩm, tổ Tịnh Đức (Tiên Cát), tổ TX Phú Thọ, tổ Cát Tường (Phù Ninh), tổ Ấc Quy (Lâm Thao). Hàng tháng các tổ sinh hoạt một lần, đóng quỹ cả năm là 120.000đ/năm, 3 tháng họp một lần luân phiên ở 3 chùa, là chùa Hoàng Long, chùa Bảo Ngạn, chùa Đại Bi.

Trong thời gian này đạo tràng dưới sự lãnh đạo của các Đại đức được ổn định. Đến năm 2012, vì lý do tham học nước ngoài nên Đại đức Thích Minh Đức xin thôi không đảm nhiệm vị trí Trưởng tràng nữa, công việc của đạo tràng chỉ còn lại Đại đức Thích Minh Nghiêm và Đại đức Thích Minh Thuận đảm trách. Đồng thời, Ban cán sự của đạo tràng một số lớn tuổi lại có bệnh duyên, một số tham học ở nơi khác và nhiều lý do khách quan khác nên dần dần xin

chùa Đại Bi và Bảo Ngạn. Các tổ họp định kỳ mỗi tháng 1 lần vào một ngày nhất định. Các Phật tử trong Đạo tràng phát tâm đóng tiền hội phí 200.000đ/người/năm, trong đó 60% nộp quỹ Đạo tràng, 40% để lại tổ.

Đồng thời, các công việc Phật sự vẫn được duy trì đều đặn, nghiêm túc và đã trở thành lịch cố định như: Đầu năm về chốn Tổ đình Hương dự lễ giỗ Tổ, 20/4 âm lịch về dự lễ giỗ Thầy. Mùa Phật đản, trợ duyên Ban Trị sự Tỉnh hội và một số chùa tổ chức Đại lễ Phật đản. Mùa An cư kết hạ tổ chức cúng dàng trường hạ chùa Bảo Ngạn tỉnh Phú Thọ và 5 trường hạ khác ở khu vực phía Bắc. Mồng 1/6 âm lịch về chùa Thầy họp Đạo tràng Trung tâm. Mùa Vu lan Báo hiếu tổ chức làm lễ phả độ gia tiên, cầu nguyện âm siêu dương thái. Hàng tháng tổ chức khóa tu *An lạc 1 ngày* tại chùa Bảo Ngạn. Vào dịp cuối năm Tết đến xuân về, tổ chức đi khánh tuế Chư tôn Hòa thượng hàng giáo phẩm T.Ư GHPGVN và Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Phú Thọ, tặng quà Tết cho người neo nhò trong tỉnh. Tham gia hưởng ứng nổi cháo nghĩa tình cho bệnh nhân nghèo ở Bệnh viện huyện Cẩm Khê tỉnh Phú Thọ. Đầu năm 2015, thành lập được *Ban Trợ niệm* trực thuộc Đạo tràng, gồm có 44 hội viên nòng cốt, do PT Nguyễn Ái Thân làm Trưởng ban. Một số các Phật tử trong Đạo tràng còn tham gia trong BTS Phật giáo tỉnh, BTS PG TP.Việt Trì và Ban Đại diện Phật giáo các xã, phường. Ngoài ra, Đạo tràng còn thực hiện được nhiều các công việc Phật sự ích đạo, lợi đời khác.

Đặc biệt, với sự hoạt động và đóng góp tích cực của Đạo tràng trên nhiều lĩnh vực, ngày 08/01/2014 Đạo tràng đã được Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Phú Thọ ra quyết định chính

CHÙA VẠN PHƯỚC

huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau



Bồ-tát Quán Thế Âm cao 19 mét đứng trên đầu Rồng; được biết ông Rồng này có chiều dài là 100 mét, quanh 12 mét, vòng bán kính rộng 3 mét.

Từ lâu, hình ảnh của Bồ-tát Quán Âm Nam Hải đã đi sâu vào tâm thức của người Việt, dù tha phương lập nghiệp, không chỉ người Phật tử đều tôn tạo thánh tượng Ngài để thờ phụng mà đã trở thành chỗ dựa tinh thần không thể thiếu trong đời sống của ngư dân vùng biển.

Nói về Rồng thì từ xa xưa con Rồng đã có trong tâm thức người Việt, nhiều huyền thoại về rồng, với biểu hiện linh thiêng. Rồng là điểm hội tụ với ý nghĩa vũ trụ và nhân sinh. Người Việt có nguồn cội Lạc Hồng (Lạc Long Quân và Âu Cơ). Rồng là biểu tượng vật linh trong tín ngưỡng văn hoá dân gian. Rồng được sáng tạo thành hình tượng nghệ thuật và có mặt trong các thời kỳ nghệ thuật truyền thống. Mặt khác, Rồng cũng là một trong tám Bộ Hộ pháp linh thiêng; Do đó Sư cô Diệu Minh đã phát nguyện đắp Rồng và xây dựng Tôn tượng Bồ-tát Quán Âm Nam Hải trước mặt tiền chùa, ngõ hầu đáp ứng sự tín ngưỡng tâm linh của mọi người. Hiện nay công trình đang thi công làm được 60%. Hướng sắp tới, Sư cô sẽ đắp Tôn tượng Phật Niết-bàn, dài 49 mét.

Trong thời gian qua nhờ sự quan tâm giúp đỡ của chư tôn đức, BTS GHPG tỉnh Cà Mau và UBND, Ủy ban MTTQVN, Ban Tôn giáo, các cơ quan chức năng trong tỉnh và địa phương, nhờ sự chung tay góp sức của quý vị Phật tử mạnh thường quân gần xa, các nhà hảo tâm giúp đỡ, nhờ đó mà công việc Phật sự được thuận lợi. Tuy nhiên, vẫn còn gặp nhiều khó khăn khác như: kinh phí xây dựng còn đang thiếu thốn; để hoàn tất một công trình thật khang trang kính phí không phải là nhỏ, *giờ đây quý xây dựng đã cạn*. Để cho công trình xây dựng tôn tượng Quán Âm Nam Hải và tượng Rồng thiêng được thập phần viên mãn, bổn tự chúng tôi kêu gọi sự phát tâm cúng dường của thập phương tín thí Phật tử xa gần, chung tay góp sức cùng với Sư cô TN Diệu Minh để cho công trình xây dựng sớm được thành tựu viên mãn.

"Xưa Trường giả trải vàng mua đất, Vì Thế Tôn xây cất đạo tràng, Ngày nay chùa được khang trang, Đều do thiện tín sẵn sàng góp công."

Qua phúc đức trang nghiêm, túc duyên thù thắng, hạnh nguyện kỳ diệu, năng lực phi thường ấy, có thể nói Sư cô TN Diệu Minh đã nêu cao tinh thần vô ngã vị tha, từ bi cứu khổ của đạo Phật, Sư cô đã thể hiện tinh thần ưu đời mãn thế, hạnh nguyện từ bi vô hạn.

TN NhưThanh



Tồng lâm tự viện không những là nơi chớ che hồn thiêng sông núi mà còn là nơi trì giới thân huệ mạng của Tăng Ni, là ngôi nhà tâm linh cho hàng Phật tử sớm hôm nương tựa.

Chùa Vạn Phước tọa lạc tại xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (ĐT: 091 892 8021) là một trong những ngôi chùa thuộc vùng ven biển ở cực Nam của Tổ quốc. Phía Bắc giáp huyện Cái Nước; phía Đông giáp Năm Căn đất mũi; phía Nam giáp biển Gò Công và phía Tây giáp biển Sông Đốc, với tổng diện tích khuôn viên chùa là 3,5 hec-ta, công trình xây dựng được bố trí hài hòa trong một khu đất rộng, cây cối sầm uất, cảnh vật rất nên thơ và yên tịnh.

Ngôi chùa có từ năm 1936; ban sơ chỉ là một phòng thuốc Nam được người dân bản địa dựng lên bằng cây vách lá, sau đó được Hòa thượng Thích Nhật Minh về khai sáng, thành lập và đặt tên chùa Vạn Phước. Từ một ngôi chùa mái lá đơn sơ đã trải qua nhiều thế hệ trùng tu, sửa chữa. Trong một thời gian dài, chùa không có trụ trì chính thức, chỉ có Ban Hộ tự do các Phật tử bầu ra để coi sóc chùa. Ngôi chùa lúc đó có hình thức sinh hoạt giống như một Niệm Phật đường.

Mãi đến năm 2007, Sư cô Diệu Minh được Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Cà Mau phân công và bổ nhiệm về làm trụ trì chùa Vạn Phước cho đến nay. Sư cô Thích Nữ Diệu Minh - thế danh là Huỳnh Thị Lệ Thủy, sinh năm 1971, nguyên quán Thừa Thiên Huế. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhân hậu, kính tin Tam bảo, vì sẵn túc duyên nên đến năm 1990, Sư cô được cha mẹ cho phép xuất gia học đạo với Ni sư trụ trì tại chùa Bửu Long, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau 2 lần thọ giới Sa-di và Thức-xoa-ma-na đến năm 2000, sư cô được sư phụ cho thọ giới Tỷ-kheo-ni tại Giới đàn Thiện Hòa, thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Năm 1992, Sư cô vào học sơ cấp Phật học, thứ đến trung cấp, rồi lên cao đẳng Phật học. Năm 2007, Sư cô đã hoàn tất việc học, tốt nghiệp cao đẳng tại Trường Cao Trung Phật học (Đại Tông Lâm) tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Từ ngày về đảm nhiệm ngôi Tam bảo này, Sư cô luôn luôn nỗ lực, phấn đấu, tinh tấn trong việc tu tập và phụng sự Đạo pháp,

phục vụ xã hội, đúng với câu: *"Trụ Pháp Vương gia, trì Như Lai tạng"* hay nói cách khác là: *"Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự"*. Sư cô đã làm tròn trách nhiệm của mình trong sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, trên tinh thần phụng sự Đạo pháp.

Khởi đầu, Sư cô đã làm được đường lộ vào chùa, sửa chữa ngôi chánh điện, xây dựng hậu Tổ, nhà khách, trai đường và nhà tiền chế để mở khóa tu, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tu học của Ni chúng và tín đồ Phật tử tại gia.

Hiện nay, Sư cô đã thành lập được 3 đạo tràng tu học như: Đạo tràng Ngũ Bách Danh; Đạo tràng Đại Bi; Đạo tràng Bát Quan Trai. Hàng tháng có 3 ngày dành cho Phật tử cầu hội về đây tu tập, mỗi lần có khoảng 150 Phật tử.

Năm 2011, Sư cô đã độ cho cha, mẹ của mình xuất gia tu học với Ni trưởng Thích Nữ Như Như và Đại đức Thích Trí Nguyên, Trưởng BTS PG huyện Phú Tân; hiện nay Sư cô có cả thầy 10 chúng đệ tử Ni xuất gia với Sư cô và đã truyền giới quy y cho 1.000 tín đồ Phật tử tại gia; những ngày lễ hội lớn số lượng tín đồ vân tập về đây chiêm bái và tham dự lễ có khoảng 5.000 người.

Ngoài ra, Sư cô còn tham gia nhiều lĩnh vực hoạt động của Giáo hội và xã hội như: Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Cà Mau; Phó Thư ký Phân ban Ni giới Cà Mau; Phó BTS PG huyện Phú Tân; Phó GĐ Trung tâm Nuôi dạy trẻ mồ côi Hưng Phước; Ủy viên MTTQVN huyện Phú Tân – Bảo trợ Hội Khuyến học. Và sắp tới, Sư cô được UBMTTQVN huyện Phú Tân giới thiệu ra ứng cử vào HĐND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngoài các hoạt động nêu trên, chùa còn tổ chức phát quà từ thiện tại các vùng sâu trong tỉnh Cà Mau, xây nhà tình thương, giúp các em học sinh, sinh viên nghèo hiếu học; khoan khoan nước sạch cho người nghèo.

Với tinh thần hoằng dương Chánh pháp, lợi lạc quần sanh, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức, phụng sự Đạo pháp và chúng sanh – tốt đạo đẹp đời, Sư cô đã được BTS GHPGVN tỉnh Cà Mau; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND, UBMTTQVN huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau và Hội Chữ thập đỏ trao tặng nhiều Bằng tuyên dương công đức và nhiều Bằng khen.

Hiện nay, Sư cô đang xây dựng **Tôn tượng**



DIÊU TƯỜNG AM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

Ưu đãi 10% - 30% cho tất cả các sản phẩm
Từ ngày 07/05 (1/4 AL) đến ngày 21/05(15/04 AL)

PL. 2560

 **DIÊU TƯỜNG AM NAM KỲ**
382B NAM KỲ KHỞI NGHĨA
P. 8, Q. 3 - ĐT: (08) 38 484 558
HOTLINE: 0906 955 663

 **DIÊU TƯỜNG AM 3/2**
212 BA THÁNG HAI
P. 12, Q. 10 - ĐT: (08) 38 684 913
HOTLINE: 0902 848 363

 **DIÊU TƯỜNG LƯU LY QUANG**
(NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỲ KHỞI NGHĨA
P. 8, Q. 3 - ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com



Song Hy Trà™
Phú Quý Thờ™

Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản PL.2560



Chuỗi cửa hàng
Showroom
Maximark Cộng Hòa
Parkson C.T
Showroom
Showroom

6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3
17 Cộng Hòa, Q.Tân Bình - Tiềm sảnh
60 Trường Sơn, Q.Tân Bình - Tầng 4
491D3 Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh
115 Hai Bà Trưng, P.Bến Nghé, Q.1

Trà Quán-Tea House
Lục Diên Quán
Nhà hàng Dynasty

6Bis Lê Quý Đôn, P.6, Q.3
New World Hotel, 76 Lê Lai, Quận 1

☎ 0947.798.186 📱 Song Hy Trà 🌐 songhytra.com

Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản PL.2560

Hoa tươi hương sắc
Thân tâm an lạc



16
YEARS OF QUALITY
SINCE ESTABLISHED
1988 - 2018



Nước Cẩm Hoa **ASA**®

Tiết kiệm 50% chi phí mua hoa do thời
gian hoa tươi lâu gấp 2 lần.



CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM HOÀNG ANH

Hotline: (08) 3851 3452 - Web: www.asavn.vn

www.facebook.com/ASAhoamypham



Tôn
tạo
tượng
Phật
là
một
pháp
môn
tu



*Nhân dịp kỷ niệm ngày Phật Đản Sinh,
Sân Mây kính chúc Quý khách cùng gia đình
luôn an lành và hạnh phúc*

Nhà hàng chay Sân Mây

Sân Mây Café - Nhà hàng chay



771 Lê Hồng Phong (nối dài), P.12, Quận 10, Tp.HCM
Điện thoại : 3507 1628 - 01278 99 2009
www.sanmayrestaurant.com

155 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại : 08 3910 3938 - 01278 77 11 55
www.sanmaycafe.com

Sân Mây Huế

08 Thanh Tinh, p. Vỹ Dạ, Tp. Huế
Điện thoại : 0931 9999 72
Web : sanmayrestaurant.com



*“Bầy đóa sen vàng nâng gót ngọc,
ba ngàn thế giới đón Như Lai”*

*Nhân mùa Phật Đản, nhà hàng chay
Bông Sừng kính chúc Quý khách cùng gia
đình đón ngày Phật Đản Sinh trong sự
Hoan Hỷ - Bình An - Hạnh Phúc.*



BÔNG SỪNG NHÀ HÀNG CHAY & CAFE



86 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, quận 1.
Điện thoại: 08 3822 0378

PHẬT GIÁO VIỆT NAM
 Cửa Hàng Trưng Bày Sản Phẩm
 Kệ Đọc Kinh Phật
THUẬN AN
 Phát Hành 1 Số Dụng Cụ Tu Sĩ
 448 Sư Vạn Hạnh - P.9 - Q.10
 ĐT: 38.345.122 - 0903.955.150

Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản

QL.2560

50 kệ chỉ cao 1,1m



THUẬN AN



Kệ ngồi ghế đọc

○ Phòng trưng bày sản phẩm kệ đọc kinh và phát hành một số dụng cụ tu sĩ
 Số 448 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10 (ngang chùa Ấn Quang)
 ĐT: 38 345 122

□ ĐC: 105M/24 Hồ Thị Kỳ, P.1, Q.10, TP.HCM
 □ ĐT: (08) 38 351 185 - 0903 955 150
 Trần Ngọc Tới (PD.Tuệ Hiếu)



Dòng kệ loại nhỏ



Dòng kệ loại lớn



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)
Tel: 08.38482028

Kính Mừng Phật Nian

Phật lịch 2560 - 2016



Trọn bộ 8 tập gần 10.000 trang được xuất bản và phát hành lần đầu tiên tại Việt Nam do NXB Phương Đông cấp phép và Nhà sách Văn Thành liên kết.

Được in bằng giấy đặc chủng bible Hà Lan chuyên dụng cho từ điển, bìa cứng được đựng trong thùng giấy carton dày.

Bộ Phật Quang Đại Từ Điển, hiện nay về tiếng Việt chưa có bộ từ điển Phật học nào đầy đủ và phong phú hơn bộ này.

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Vina-Giày®



CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠI LÝ TRÊN KHẮP TOÀN QUỐC

- * 61 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q. Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax: (08) 38031192
- * 180 - 182, Lý Chính Thắng, P.9, Q.3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax: (08) 39318343
- * 22 Trần Huy Liệu, P.12, Q. Phú Nhuận
Tel: (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431
* 55 Hai Bà Trưng, P.6, Q.1
Tel: (08) 38271009
- * 269 Trường Chinh, P.14, Q. Tân Bình
Tel: (08) 38490956
- * 608 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38361407
- * 638 Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3
Tel: (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
- * 406A Cách Mạng Tháng 8, Q.3
Tel: (08) 39316534
- * 216B-216C Quang Trung, P.10, Gò Vấp
Tel: (08) 38941621
- * TTTM AEON - Tân Phú Celadon, Tầng 1, F. 29-30
30 Đường Bô Bao Tân Thắng, Q. Tân Phú.
- * TTTM VINCOM Plaza Q.9, Tầng 2, L2-17
50 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9
- * TTTM BIG C An Lạc, Tầng Trệt, Shop 3A
1231 QL. 1A, P. Bình Trị Đông, Q. B. Tân
- * TTTM BIG C Trường Chinh, Tầng Trệt, Shop 3
1/1 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú
- * TTTM BIG C City Land, Tầng Trệt, Shop 10A
99 Nguyễn Thị Thập, P. Tân Phú, Q.7
- * TTTM VINCOM Plaza Gò Vấp, Tầng 3, L3-06
12 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp



LIÊN TIẾP 20 NĂM LIÊN BÌNH CHỌN
97'98'99'00'01'02'03'04'05'06'
07'08'09'10'11'12'13'14'15'16'

**HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO**



ĐẠT CUP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT 10 NĂM LIÊN
07'08'09'10'11'12'13'14'15'16'
ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thương Hiệu Việt

Thương Hiệu Được Chứng Nhận

Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giày Việt Nam




Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**
 45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM
08.37 13 13 13 - 01 666 000 666- 01 222 999 666
 WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com

Restaurant **Chay**
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

Việt An

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
- **Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ
- **Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời

LỚP HƯỚNG DẪN *Tâm Thư Pháp*

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

- **Khai giảng:** ngày 1 và 15 mỗi tháng
- **Tại chùa ĐẠI HẠNH:**
107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- **Thời gian học:** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần
- **Học phí:** 300.000đ/1 học viên/1 tháng
- **Nhận tổ chức triển lãm Tâm thư pháp cho các đơn vị có nhu cầu (miễn phí)**
- **Liên hệ:** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825** (gặp **Thầy Chính Trung**)

Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
 ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

Chào mừng
Đại lễ Phật đản 2016
 PL2560




THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

- * Tại Hà Nội: 53 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy
- * Tại TP.HCM: 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P. 14, Q. Phú Nhuận
- * Nhà sách Thái Hà: Đường sách Nguyễn Văn Bình, Bến Nghé, Q.1, TP.HCM

www.thaihabooks.com/nhasachthaiha.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 888818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản RP. 2560

- Ngô Phương Đức: STK: 76935619
- Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
- Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
- Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



pháp uyển
DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P.6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX - TM **QUANG NGHỆ** Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

QUANG NGHỆ CO., LTD. NẾN THƠM NGHỆ THUẬT NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



SAIGON SQUARE - HOANG THANH Center
HỒNG THẢO

Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại mỹ hàng:

Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....

Kính mừng Đại Lễ Phật Đản

ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)
77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1
HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)
Email: hongthao268@yahoo.com.vn



Cửa hàng NGỌC HIỂN

Số 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM - ĐT: (08) 38355590 - 0983 675570

- Chuyên: Cung cấp các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina, tranh điện Phật giáo...
- Nhận đặt hàng theo mẫu khách hàng và giao hàng tận chùa và tư gia (trong TP.HCM)

Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh
☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trâm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đá Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Tại TP. HỒ CHÍ MINH	Nhà Gốm Hà Đông	Tại Hà Nội
Nhà Sách Văn Hiến ☎ 0903.806.155 411 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3	ĐC: A6 - Khu tập thể nhà văn hóa trung tâm - P. Văn Quán - Q. Hà Đông - Tp. Hà Nội ĐT: 0913.566.408 - 0947.532.446	Nhà Gốm Nghi Tâm: ☎ 0912.66.1973 169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội
Siêu thị Satra ☎ 0903.806.155 C6/27 Phạm Hùng, P.10, Q.8		Nhà Gốm Pure Minimart ☎ 0913.55.47.22 Số 1 - Ngõ 4/21 Ngõ Phương Mai - Q. Đống Đa - Hà Nội
Nhà Gốm Xuân Thảo ☎ 0934.569.777 401 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8		Nhà Gốm Gạo ☎ 0988.888.966 41 Ngõ Thanh Miến - Văn Miếu - Hà Nội



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



BIOCHEM

CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com

CÔNG TY TNHH ĐIÊU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN
Giám đốc

ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979



Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết - Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP.Biên Hòa - Đồng Nai
(gần Khu công nghiệp Tam Phước)

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhaedamyhao@gmail.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



Thông tin liên hệ: **CÔNG TY TNHH SX-TM HOA TIÊN**

Địa chỉ : D13/2 Đường Trần Nỗ, Phường Bình Khánh, Quận 2, TP.HCM

Showroom: BB3 đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại: 08.62646003 - Website: www.hoatien.vn – www.tuongphatvietnam.vn



TẬP ĐOÀN HOA SEN KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2560




ỐNG KẼM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 




TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN

 **1800 1515**
Miễn phí cuộc gọi

A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM

EUROMONEY
AAA MSCI RATING
2014



www.hoasengroup.vn

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI 2015